



## **DANH MỤC**

Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam tại Sở GDCK TP HCM

1. Bản cáo bạch
2. Bản sao hợp lệ Giấy phép kinh doanh chuyên ngành (các lần)
3. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (các lần)
4. NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua việc chuyển sàn niêm yết cổ phiếu
5. NQ ĐHĐCĐ số 004.20.GSM ngày 05.10.2020
6. Điều lệ VIB
7. Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
8. Báo cáo tài chính được kiểm toán riêng, hợp nhất năm 2018, 2019, 06 tháng năm 2020 kèm GUQ ký BCTC của Ernst & Young (năm 2018, 2019), KPMG (6 tháng năm 2020)
9. Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 186/2016/GCNCP-VSD-2 ngày 23.09.2019

9 -  
GI  
YNG  
HÀN  
CH  
TP





**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM**  
Năm 2020



## **MỤC LỤC**

<b>CÁC KHÁI NIỆM</b>	<b>3</b>
<b>THÔNG TIN TỔ CHỨC</b>	<b>7</b>
<b>CÁC NHÂN TỐ RỦI RO</b>	<b>10</b>
Rủi ro về kinh tế	11
Rủi ro luật pháp	15
Các rủi ro khác	16
<b>NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH</b>	<b>19</b>
Tổ chức niêm yết	20
Tổ chức tư vấn	20
<b>TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT</b>	<b>21</b>
Quá trình hình thành và phát triển	22
Cơ cấu tổ chức Ngân hàng	33
Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng	34
Cơ cấu cổ đông	37
Công ty mẹ, công ty con	39
Hoạt động kinh doanh	40
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	64
Vị thế của Ngân hàng	74
Chính sách đối với người lao động	80
Chính sách cổ tức	83
Tình hình hoạt động tài chính	84
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng	86
Tài sản	120
Kế hoạch kinh doanh năm 2020 & 2021	122
Công ty TNHH MTV Quản Lý Nợ Và Khai Thác Tài Sản - Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB AMC)	125
Kế hoạch tăng vốn điều lệ	126
Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	127
<b>CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT</b>	<b>128</b>
<b>CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT</b>	<b>136</b>
<b>PHỤ LỤC</b>	<b>138</b>

## CÁC KHÁI NIỆM

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

VIB, Ngân hàng, Tổ chức niêm yết	: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam
VIB AMC	: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam
VNDIRECT, Tổ chức tư vấn	: Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
ADB	: Ngân hàng Phát triển Châu Á
AI	: Trí tuệ nhân tạo
AIRB	: Xếp hạng tín dụng nội bộ nâng cao
ALCO	: Hội đồng Quản lý tài sản nợ, tài sản có
AML	: Quản trị phòng chống rửa tiền
ASEAN	: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
BCĐPCTN	: Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng và tội phạm
BCTC	: Báo cáo tài chính
BKS	: Ban kiểm soát
BOT	: Hợp đồng Xây dựng - kinh doanh - chuyển giao
BT	: Hợp đồng Xây dựng - chuyển giao
TGD	: Tổng giám đốc
CAR	: Tỷ lệ an toàn vốn
CBA	: Ngân hàng Commonwealth Bank of Australia
CBNV	: Cán bộ, nhân viên
CCTC	: Công cụ tài chính
CCTG	: Chứng chỉ tiền gửi
CĐHH	: Cổ đông hiện hữu
CPI	: Chỉ số giá tiêu dùng
CTCK	: Công ty chứng khoán
CTCP	: Công ty Cổ phần
DATC	: Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
DNNN	: Doanh nghiệp nhà nước
EU	: Liên minh châu Âu
EVFTA	: Hiệp định Thương mại Tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam
FATCA	: Đạo luật tuân thủ thuế đối với các tài khoản ở nước ngoài của Hoa Kỳ
FDI	: Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài
FIRB	: Xếp hạng tín dụng nội bộ cơ bản



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

GĐ	: Giám đốc
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
GTCG	: Giấy tờ có giá
GTFP	: Chương trình Tài trợ Thương mại Toàn cầu
HĐQLV	: Hội đồng quản lý vốn
HĐQT	: Hội đồng quản trị
HĐRR	: Hội đồng rủi ro
HĐXLRR	: Hội đồng xử lý rủi ro
HNX	: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HoSE	: Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
ICAAP	: Quy trình đánh giá tính đầy đủ vốn nội bộ
IDG	: Tập đoàn dữ liệu quốc tế
IFC	: Công ty Tài chính quốc tế
IMF	: Quỹ Tiền tệ Quốc tế
IPA	: Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam - Liên minh châu Âu
KHDN	: Khách hàng doanh nghiệp
KHCN	: Khách hàng cá nhân
KTT	: Kế toán trưởng
KYC	: Định danh khách hàng
L/C	: Thư tín dụng
LCR	: Tỷ lệ khả năng chi trả
LDR	: Tỷ lệ cho vay trên tiền gửi
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
LNTT	: Lợi nhuận trước thuế
LOS	: Hệ thống khởi tạo khoản vay
NĐT	: Nhà đầu tư
NHNN	: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NHTM	: Ngân hàng Thương mại
NPL	: Nợ xấu thuộc phân loại từ nhóm 3 đến 5
ORM	: Kiểm soát Rủi ro hoạt động
PWC	: Công ty kiểm toán PricewaterhouseCoopers (Vietnam)
ROAA	: Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản bình quân
ROAE	: Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu bình quân
SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

SLCĐ	: Số lượng cổ đông
SLCP	: Số lượng cổ phiếu
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
TCKT	: Tổ chức kinh tế
TCTD	: Tổ chức tín dụng
TGD	: Tổng giám đốc
TMCP	: Thương mại cổ phần
TNDN	: Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TSBĐ	: Tài sản bảo đảm
TTGSNHNN	: Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước
TTLKCKVN, VSD	: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
TTS	: Tổng tài sản
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBNS	: Ủy ban Nhân sự
UBQLRR	: Ủy ban Quản lý Rủi ro
Upcom	: Sàn giao dịch Chứng khoán Upcom
USD	: Đô la Mỹ
UTĐT	: Ủy thác đầu tư
VAMA	: Hiệp hội các nhà sản xuất Ô tô Việt Nam
VAMC	: Công ty TNHH 1TV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam
VCSH	: Vốn chủ sở hữu
VND	: Việt Nam Đồng
World Bank, WB	: Ngân hàng Thế giới
XNK	: Xuất nhập khẩu

# THÔNG TIN TỔ CHỨC

C.T  
ĐO D  
KHC  
PH  
M  
HỒ



## **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0100233488 đăng ký lần đầu ngày 14.02.1996, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 02.12.2019

Trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2 Tòa nhà Sailling Tower, số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 6299 9039

Fax: (84-28) 6299 9040

Website: <https://www.vib.com.vn>

### **NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mã cổ phiếu: VIB

Mệnh giá: 10.000 đồng

Tổng số lượng niêm yết: 924.491.395 cổ phần

Tổng giá trị niêm yết:  
(theo mệnh giá) 9.244.913.950.000 đồng

### **PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Họ tên: Ân Thanh Sơn

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Ban Pháp chế và Quản trị DN

Điện thoại: (84-28) 6299 9039

Fax: (84-28) 6299 9040

## **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**

### **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KPMG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 46, Tòa nhà Keangnam Landmark 72, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Điện thoại: (84-28) 3946 1600

Fax: (84-28) 3946 1601

Website: <https://kpmg.com.vn>

### **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lầu 20, Tòa nhà Bitexco, Số 2 Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3824 5252

Fax: (84-28) 3824 5252

Website: <https://www.ey.com>

## **TỔ CHỨC TƯ VẤN**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3941 0510

Fax: (84-24) 3941 0500

Website: <https://www.vndirect.com.vn>

## CÁC NHÂN TỐ RỦI RO





## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

Giống như các doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh tại Việt Nam, VIB phải đối mặt với nhiều rủi ro khác nhau, trong đó các rủi ro cơ bản là rủi ro về kinh tế, rủi ro luật pháp,... Tuy nhiên, với tư cách là một TCTD, VIB còn chịu những rủi ro đặc thù khác như rủi ro tín dụng, rủi ro ngoại hối, rủi ro thanh khoản, rủi ro liên quan đến cam kết ngoại bảng, và các rủi ro cụ thể khác.

Do đó, việc xây dựng các chính sách, quy trình phù hợp để kiểm soát và giảm thiểu rủi ro luôn là mục tiêu hàng đầu của VIB trong suốt quá trình hình thành và phát triển của Ngân hàng. Từ năm 2018, VIB tiếp tục tập trung nguồn lực thực hiện các dự án nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro của Ngân hàng trong đó điển hình là việc hoàn thành cả ba trụ cột của Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn, sớm hơn 1 năm so với quy định của NHNN.

Sau đây là một số những rủi ro mà Ngân hàng thường xuyên phải đối mặt:

## RỦI RO VỀ KINH TẾ

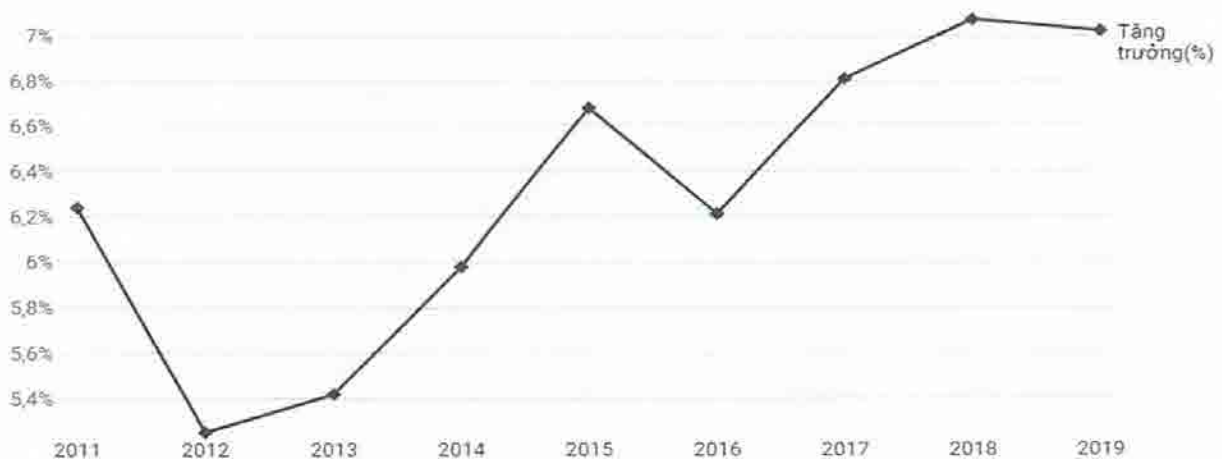
### 1. RỦI RO VỀ KINH TẾ VĨ MÔ

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tăng trưởng GDP, CPI, các chính sách kinh tế của Chính phủ... sẽ có tác động nhất định đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các ngân hàng nói chung.

#### GDP

Trong năm 2019, nền kinh tế Việt Nam đi ngược với xu hướng giảm của khu vực, với mức tăng trưởng GDP đạt 7,02% so với cùng kỳ. Quỹ đạo tăng trưởng mạnh của Việt Nam vẫn duy trì, được hỗ trợ bởi sự gia tăng hoạt động sản xuất, xây dựng, dịch vụ. So với kết quả của năm 2018, ngành sản xuất tiếp tục tăng mạnh 11,3%, ngành dịch vụ duy trì đà tăng tích cực với mức tăng trưởng 7,3% (cao hơn mức 7,0% của năm 2018 so với năm 2017). Mặc dù có sự tăng trưởng chậm lại về đầu tư cơ sở hạ tầng và các nút thắt bên phía cung trong hoạt động xây dựng nhà ở, ngành xây dựng vẫn đạt tốc độ tăng trưởng ổn định ở mức 9,1%.

Bảng 1 - Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn năm 2011- 2019



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, tăng trưởng GDP trong 6 tháng đầu năm 2020 là 1,81%, thấp nhất trong giai đoạn 2010-2020, trong đó:

- Ngành nông, lâm, thủy sản tăng 1,2% so với cùng kỳ;
- Ngành công nghiệp và xây dựng tăng 3,0% so với cùng kỳ;

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

- Ngành dịch vụ tăng 0,6% so với cùng kỳ.

Theo dự đoán của WB và IMF thì Việt Nam có thể là điểm sáng trong bức tranh tăng trưởng chung của nền kinh tế thế giới giai đoạn 2021-2022:

Bảng 2 - Dự báo về biến động GDP của các nền kinh tế

Đơn vị tính: %

Khu vực	World Bank			IMF			ADB		
	2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021
Thế giới	2,4	(5,2)	4,2	2,9	(3,0)	5,8	-	-	-
Thị trường phát triển	1,6	(7,0)	3,9	1,7	(6,1)	4,5	1,7	(5,8)	4,1
Mỹ	2,3	(6,1)	4,0	2,3	(5,9)	4,7	2,3	(5,3)	3,8
EU	1,2	(9,1)	4,5	1,2	(7,5)	4,7	1,2	(7,0)	5,5
Nhật bản	0,7	(6,1)	4,0	0,7	(5,2)	3,0	0,7	(5,0)	2,0
Thị trường mới nổi và cận biên	3,5	(2,5)	4,6	3,7	(1,0)	6,6	-	-	-
Trung Quốc	6,1	1,0	6,9	6,1	1,2	9,2	6,1	1,8	7,4
Ấn Độ	4,2	(3,2)	3,1	4,2	1,9	7,4	4,2	(4,0)	5,0
Indonesia	5,0	0	4,8	5,0	0,5	8,2	5,0	(1,0)	5,3
Thái Lan	2,4	(5,0)	4,1	2,4	(6,7)	6,1	2,4	(6,5)	3,5
Philippines	6,0	(1,9)	6,2	5,9	0,6	7,6	6,0	(3,8)	6,5
Việt Nam	7,0	2,8	6,8	7,0	2,7	7,0	7,0	4,1	6,8

(Nguồn: Worldbank, IMF, VNDIRECT tổng hợp)

### CPI

CPI của Việt Nam trong năm 2019 được kiểm soát tốt và đạt mức bình quân 2,8% so với cùng kỳ, thấp hơn mục tiêu 4,0% của Chính phủ và mức tăng 3,5% trong năm 2018.

Tiếp theo đó, CPI 6 tháng đầu năm 2020 vẫn trong tầm kiểm soát và chỉ tăng 4,19% so với cùng kỳ năm trước. Với việc lạm phát được kiểm chế, NHNN có thêm dư địa để nới lỏng thêm chính sách tiền tệ trong nửa cuối năm 2020.

### Xuất khẩu

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước trong năm 2019 đạt 517,26 tỷ USD, tăng 7,6% (tương ứng tăng 36,69 tỷ USD) so với năm 2018. Trong đó trị giá hàng hóa xuất khẩu đạt 264,19 tỷ USD, tăng 8,4% và nhập khẩu đạt 253,07 tỷ USD, tăng 6,8%. Tuy vậy, với tác động của dịch COVID-19, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm 2020 chỉ đạt 238,4 tỷ USD, giảm 2,1%. Trong đó, xuất khẩu đạt 121,2 tỷ USD, giảm 1,1% và nhập khẩu đạt 117,2 tỷ USD, giảm 3%. Mặc dù vậy, kết quả trên vẫn cho thấy điểm tích cực khi nền kinh tế Việt Nam đã xuất siêu 4 tỷ USD do nhập khẩu giảm mạnh hơn.

### Sản xuất

Trong bối cảnh tranh chấp thương mại đang diễn ra, Việt Nam được hưởng lợi đáng kể nhờ sự dịch chuyển của các doanh nghiệp FDI đến các nước có chi phí sản xuất thấp. Cụ thể, một số tập đoàn công nghệ lớn đã thành lập mới các cơ sở sản xuất tại Việt Nam giúp cho lĩnh vực sản xuất công nghiệp của Việt Nam vẫn có tiềm năng tăng trưởng.



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

### FDI

FDI suy giảm trong nửa đầu năm 2020 do một số nhà đầu tư nước ngoài đã hoãn các quyết định đầu tư mới trong năm nay bởi tác động từ đại dịch COVID-19. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổng FDI đăng ký trong nửa đầu năm 2020 bằng 84,9% so với cùng kỳ năm trước, từ 18,47 tỷ xuống còn 15,67 tỷ USD.

Trước những biến động khó lường của nền kinh tế, VIB đã thực hiện xây dựng kế hoạch kinh doanh trên cơ sở thận trọng, phù hợp với chiến lược phát triển của ngân hàng, vừa hạn chế tối đa những điểm tiêu cực, tận dụng những điểm tích cực của chính sách, nhằm đảm bảo kế hoạch tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận mà VIB đã đề ra.

## 2. RỦI RO VỀ NGÀNH NGÂN HÀNG

### Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro xảy ra do sự biến đổi bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản nợ, tài sản có và các cam kết ngoại bảng.

Đối với danh mục sổ kinh doanh, rủi ro lãi suất phát sinh do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất và sản phẩm phái sinh lãi suất. VIB duy trì quy mô danh mục sổ kinh doanh nhỏ, vốn yêu cầu rủi ro cho lãi suất chiếm thấp hơn 1% tổng giá trị tài sản có rủi ro của ngân hàng theo Basel II (Thông tư 41).

Đối với danh mục sổ ngân hàng, rủi ro lãi suất phát sinh chủ yếu do sự chênh lệch kỳ hạn tái định giá lãi suất giữa tài sản có và tài sản nợ khi lãi suất thị trường thay đổi ngoài dự kiến. Rủi ro lãi suất sổ ngân hàng thấp do VIB tập trung cho vay với lãi suất thả nổi kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng.

Để quản trị rủi ro lãi suất, VIB thiết lập hệ thống hạn mức đối với rủi ro lãi suất cho cả danh mục sổ kinh doanh và sổ ngân hàng, áp dụng chính sách điều hành lãi suất linh hoạt, thu hẹp chênh lệch kỳ tái định giá giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất và sử dụng có chọn lọc sản phẩm phái sinh. Các trạng thái rủi ro được đo lường và giám sát hàng ngày nhằm đảm bảo tuân thủ với các giới hạn được phê duyệt.

### Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng.

VIB định hướng phát triển tín dụng tập trung vào các khách hàng cá nhân, dư nợ cho vay khách hàng doanh nghiệp của VIB chỉ chiếm 17,6% trên tổng dư nợ cho vay khách hàng tại thời điểm 30/6/2020. Tỷ lệ NPL luôn được kiểm soát và duy trì ổn định ở mức thấp, tại thời điểm 31/12/2019 là 1,68%, giảm 0,64% so với 31/12/2018. Chuyển sang năm 2020, mặc dù thị trường bị ảnh hưởng bởi những rủi ro do COVID-19, nhưng VIB luôn chú trọng kiểm soát ngay từ những ngày đầu, đến 30/06/2020, tỷ lệ NPL duy trì tại mức 1,96%.

Kết quả đạt được như trên là thành quả của VIB trong việc vận hành hiệu quả hệ thống quản trị rủi ro tín dụng. Theo đó:

- VIB hạn chế cấp tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro gồm đầu tư, kinh doanh bất động sản; đầu tư, kinh doanh cổ phiếu; BT; BOT. VIB kiểm soát rất chặt chẽ hạn mức tín dụng và chất lượng dư nợ đối với các lĩnh vực này, bảo đảm bám sát định hướng của NHNN, đồng thời tuân thủ các điều kiện cấp tín dụng.
- Các giới hạn cấp tín dụng theo quy định của pháp luật được theo dõi, kiểm soát chặt chẽ hàng ngày bởi các bộ phận có liên quan. Ngoài việc tuân thủ các quy định của pháp luật về giới hạn cấp tín dụng, VIB có quy định các hạn mức cụ thể cho từng khách hàng riêng lẻ, các nhóm khách hàng, và luôn luôn duy trì theo khẩu vị riêng của VIB, thấp hơn giới hạn theo quy định của pháp luật. Ngoài



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

ra, VIB quy định các hạn mức cụ thể trong từng chính sách sản phẩm tín dụng và kiểm soát chặt chẽ các hạn mức này.

- Việc định giá TSBĐ của VIB phần lớn được thực hiện bởi VIB AMC và các công ty độc lập có chức năng tư vấn giá, thẩm định giá. Đơn vị kinh doanh của VIB chỉ được định giá TSBĐ cho khoản vay của khách hàng cá nhân ở một số địa bàn có thanh khoản tốt với tổng số tiền vay nhỏ, theo định hướng công tác định giá sẽ dần dần tập trung tại VIB AMC và các công ty độc lập. VIB đã xây dựng và vận hành hiệu quả các chính sách TSBĐ nhằm hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro tín dụng phát sinh từ chất lượng TSBĐ.
- VIB đã tổ chức mô hình vận hành hoạt động tín dụng đảm bảo sự tách bạch giữa các khâu/các đơn vị/các cá nhân thực hiện chức năng đề xuất, thẩm định tín dụng, thẩm định TSBĐ, phê duyệt tín dụng và giải ngân, thu nợ. Với mô hình này, việc phê duyệt các khoản tín dụng cá nhân tùy theo từng loại hình sản phẩm tín dụng có rủi ro khác nhau, Khối Kinh doanh được giao thẩm quyền phê duyệt ở hạn mức thấp, khi vượt hạn mức sẽ được chuyển lên phê duyệt tập trung tại Hội sở; đối với các khoản tín dụng doanh nghiệp phần lớn được phê duyệt tập trung tại Hội sở. VIB hiện tại đang triển khai dự án tự động hóa toàn bộ quy trình tín dụng với một trong những nhà cung cấp hàng đầu trên thế giới, đáp ứng các yêu cầu chuẩn hóa dữ liệu rủi ro tín dụng, rút ngắn thời gian thẩm định, phê duyệt, giải ngân, tăng năng suất lao động.
- Bộ máy giao dịch tín dụng độc lập với các đơn vị kinh doanh, thực hiện tập trung các nhiệm vụ soạn thảo và quản lý các bộ hợp đồng tín dụng, bộ hợp đồng bảo đảm tín dụng. Mô hình vận hành này mang lại hiệu quả cao trong quá trình thực hiện mục tiêu đảm bảo chất lượng tín dụng tại VIB.
- Đối với công tác nhận diện và quản trị sớm rủi ro tín dụng, VIB có quy định và triển khai các công tác liên quan đến nhận diện và quản trị sớm rủi ro tín dụng đối với chính sách sản phẩm, đơn vị kinh doanh/chất lượng phê duyệt tín dụng và khách hàng, theo đó rủi ro được nhận diện khi còn tiềm ẩn và được các bộ phận có trách nhiệm đánh giá, xử lý từ góc độ chính sách, quản trị chất lượng thẩm định và phê duyệt hoặc ngay khi khách hàng có những dấu hiệu bất thường, do vậy rủi ro được kiểm soát và xử lý tốt hơn.
- Các bộ phận quản trị danh mục tín dụng thực hiện áp dụng các phương pháp và công cụ tiên tiến trong khâu phân tích dữ liệu để kiểm soát và dự báo chất lượng danh mục tín dụng. Dựa trên các phát hiện trong quá trình kiểm soát, dự báo, phân tích danh mục và tình hình diễn biến thị trường, VIB đưa ra các nhận định, điều chỉnh chính sách phù hợp để hạn chế rủi ro và đảm bảo chất lượng tín dụng, kiểm soát nợ xấu.
- Đối với hoạt động thu hồi nợ, VIB đã thiết lập hệ thống thu hồi nợ tập trung cho cả Khối Khách hàng Doanh nghiệp và Khối Ngân hàng Bán lẻ. Quá trình thu hồi nợ tập trung của VIB luôn đảm bảo các khoản nợ từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 đều được quản lý bởi các Trung tâm Quản lý nợ.
- VIB luôn thực hiện phân loại nợ và tính toán dự phòng rủi ro tín dụng theo đúng quy định hiện hành.

### Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động tỷ giá trên thị trường khi ngân hàng có trạng thái ngoại tệ. Tại VIB, hoạt động kinh doanh chủ yếu là tiền VND, chiếm tỷ trọng trên 95% tổng tài sản. Các loại ngoại tệ chiếm tỷ trọng nhỏ, tuy nhiên vẫn có khả năng phát sinh rủi ro ngoại hối đối với Ngân hàng.

Tại VIB, rủi ro ngoại hối được quản lý tập trung tại Khối Nguồn Vốn và Ngoại hối, các chi nhánh không được nắm giữ trạng thái. Danh mục ngoại hối được duy trì với quy mô nhỏ, tổng giá trị trạng thái ngoại hối ròng thường xuyên chiếm tỷ trọng rất nhỏ so với vốn tự có, luôn tuân thủ quy định của NHNN.



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

Để quản trị rủi ro ngoại hối, VIB đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của VIB và các quy định của NHNN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được VIB sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

### Rủi ro về thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là loại rủi ro do ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn với chi phí cao hơn chi phí bình quân của thị trường. Rủi ro thanh khoản phát sinh từ sự mất cân đối về quy mô và kỳ hạn tài sản nợ, tài sản có của ngân hàng tại thời điểm hiện tại và tương lai.

Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, VIB luôn duy trì hợp lý tài sản có tính thanh khoản cao (chủ yếu là trái phiếu Chính phủ), đa dạng hóa nguồn huy động, tăng cường các khoản huy động dài hạn. Đồng thời ngân hàng thiết lập các hạn mức nội bộ về các tỷ lệ thanh khoản với các điều kiện chặt chẽ hơn so với yêu cầu của NHNN.

Năm 2019, khung quản trị rủi ro thanh khoản được triển khai theo quy định của Thông tư 13/2018/TT-NHNN, theo đó HĐRR thông qua các đề xuất về chính sách, quy định và hạn mức rủi ro thanh khoản, ALCO kiểm soát các hoạt động kinh doanh đảm bảo tuân thủ các hạn mức do TGD phê duyệt và khẩu vị rủi ro do HĐQT ban hành. Nhờ vậy, công tác quản trị rủi ro thanh khoản được giám sát và quản lý hiệu quả, thận trọng, tuân thủ mọi quy định của NHNN, nội bộ và các đối tác.

Định kỳ 6 tháng, Ngân hàng thực hiện kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản nhằm đảm bảo Ngân hàng đáp ứng khả năng chi trả tại mọi thời điểm, làm cơ sở đánh giá lại các hạn mức và xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản.

Các phương pháp và công cụ đo lường rủi ro thanh khoản được chú trọng phát triển nhằm nâng cao chất lượng công tác dự báo rủi ro, tính toán mức tác động đến vốn kinh tế của Ngân hàng trong điều kiện hoạt động bình thường và căng thẳng, từ đó VIB có kế hoạch về vốn, đảm bảo an toàn hoạt động của Ngân hàng.

### Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Hoạt động ngoại bảng của ngân hàng phát sinh chủ yếu từ các cam kết bảo lãnh, thư tín dụng, các cam kết cho vay và cam kết các giao dịch ngoại hối.

Đối với hoạt động phát hành bảo lãnh thư tín dụng, rủi ro phát sinh khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ tài chính đã cam kết. Khi đó VIB sẽ thay mặt khách hàng thanh toán, thực hiện các cam kết đó với các bên, ghi nhận khoản nợ bắt buộc đối với khách hàng và hạch toán nội bảng các khoản vay này.

Đối với các cam kết giao dịch tài chính (bao gồm ngoại hối và các tài sản tài chính khác), nếu đến ngày thanh toán mà phía đối tác không thực hiện, ngân hàng sẽ gặp rủi ro. Tuy nhiên, tại VIB quy mô danh mục ngoại hối nhỏ, vốn yêu cầu cho rủi ro đối tác theo yêu cầu Basel II chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng tài sản có rủi ro của Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro đối tác, VIB thiết lập và quản lý, giám sát hàng ngày các hạn mức đối tác theo sản phẩm, kỳ hạn nhằm đảm bảo phù hợp với khẩu vị rủi ro của Ngân hàng.

## RỦI RO LUẬT PHÁP

VIB là Ngân hàng TMCP đại chúng quy mô lớn đã đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Upcom. Theo đó, hoạt động của VIB chịu sự điều chỉnh trực tiếp và gián tiếp của nhiều văn bản luật như: Luật NHNN Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/06/2010, Luật các TCTD số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010, Luật số 17/2017/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD ngày 20/11/2017, Luật Doanh nghiệp



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013, Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014, Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014... kèm theo là các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, tốc độ phát triển của kinh tế Việt Nam đang nhanh hơn so với sự thay đổi, cập nhật của Luật dẫn đến tình trạng văn bản pháp luật liên tục phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

Nhận thức rất rõ về ảnh hưởng của rủi ro pháp luật tới hoạt động kinh doanh của mình nên VIB thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật mới, tổng hợp phân tích và hướng dẫn đến toàn bộ hệ thống từ hội sở đến các chi nhánh để từ đó xây dựng và điều chỉnh các gói sản phẩm, chính sách tín dụng, chính sách bán hàng, chính sách quản lý tín dụng, quản lý rủi ro... cho phù hợp với quy định của pháp luật và luôn đảm bảo an toàn hoạt động cho Ngân hàng.

## RỦI RO KHÁC

### Rủi ro hoạt động

VIB là một trong những ngân hàng tiên phong áp dụng các chuẩn mực thông lệ quốc tế trong công tác quản trị rủi ro hoạt động, cụ thể như sau:

- Xây dựng, vận hành hiệu quả mô hình 03 tuyến bảo vệ, triển khai các cơ chế chia sẻ thông tin, phối hợp hành động giữa 03 tuyến bảo vệ giúp cho công tác phát hiện, xử lý các sự cố rủi ro hoạt động được nhanh chóng, kịp thời.
- Nâng cao công tác quản lý rủi ro hoạt động thông qua việc áp dụng và đảm bảo tuân thủ các quy định NHNN trong việc triển khai hiệu quả các công cụ đo lường hoạt động như: thu thập và phân tích tổn thất rủi ro hoạt động; triển khai công cụ KRIs cho các Khối/Ban; RCSA cho các hoạt động trọng yếu; mua bảo hiểm để giảm thiểu tổn thất rủi ro hoạt động...
- Hạn mức rủi ro hoạt động được xây dựng phù hợp với khẩu vị rủi ro và chiến lược của Ngân hàng, việc giám sát, duy trì hạn mức rủi ro hoạt động luôn được kiểm soát trong ngưỡng giới hạn.
- Ngân hàng cũng chú trọng đầu tư vào hệ thống công nghệ để tăng cường tự động hóa công tác quản trị rủi ro hoạt động thông qua việc triển khai thành công hệ thống kiểm soát rủi ro hoạt động ORMS.
- Nhằm giảm thiểu tối đa những thiệt hại về tài chính, phi tài chính do việc gián đoạn kinh doanh gây ra, VIB đã triển khai xây dựng các Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục BCP cho các sự cố như: dịch bệnh; trụ sở làm việc bị hư hại do thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ; hệ thống công nghệ thông tin ngân hàng bị gián đoạn; cướp tấn công... Các kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục thường xuyên được VIB rà soát, chỉnh sửa, cải tiến phù hợp với tình hình thực tiễn. Ngoài ra, VIB cũng tổ chức diễn tập định kỳ các tình huống gián đoạn hoạt động kinh doanh để đảm bảo toàn bộ CBNV đã được trang bị đầy đủ kiến thức, kinh nghiệm, sẵn sàng ứng phó với các tình huống gián đoạn không mong muốn.
- Quản lý rủi ro trong hoạt động thanh toán thẻ:
  - Công tác nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát được thực thi liên tục theo đúng yêu cầu của Thông tư số 19/2016/NHNN-TT (đã sửa đổi bổ sung) về Quy định hoạt động thẻ ngân hàng. Trong đó, công tác phòng chống rủi ro thẻ đặc biệt được chú trọng, các chốt kiểm soát được chủ động rà soát, bổ sung, hiệu chỉnh đảm bảo rủi ro phát hiện tức thời, ngăn chặn ngay lập tức, mang lại hiệu quả cao nhất. Công tác giám sát thực thi 24/7 giám sát tất cả các bất thường của hệ thống, kênh thanh toán, hành vi khách hàng, hành vi đơn vị chấp nhận thẻ, giao dịch



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

hướng đến mục tiêu giảm thiểu rủi ro trong hoạt động thẻ ngân hàng, tăng trải nghiệm tốt và niềm tin của khách hàng vào sản phẩm, dịch vụ thẻ của VIB.

- VIB chủ động tìm kiếm, lựa chọn, đánh giá các giải pháp quản trị rủi ro thẻ, áp dụng công nghệ mới AI (Machine Learning, Deep Learning ...) nhằm nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro hoạt động thẻ. Năm 2020, VIB sẽ đưa vào vận hành hệ thống quản trị rủi ro thẻ mới, được cung cấp bởi một công ty hàng đầu trên thế giới. Giải pháp này được xây dựng trên nền tảng công nghệ tiên tiến với các tính năng nổi bật như ứng dụng Machine Learning đánh giá điểm số rủi ro, tự động đề xuất các tiêu chí kiểm soát (rule); hệ thống rule thông minh, thân thiện cho phép tích hợp đa nguồn dữ liệu, can thiệp tức thời kết quả giao dịch; hệ thống quản trị các cảnh báo tích hợp thông tin xử lý toàn diện.
- Hoạt động chống rửa tiền (AML) và FATCA:
  - VIB là một trong những ngân hàng Việt Nam đầu tiên sớm đánh giá được mức độ quan trọng của việc phòng chống rủi ro rửa tiền và đã đầu tư, áp dụng giải pháp hệ thống công nghệ tự động hóa trong công tác nhận diện phòng chống rửa tiền. Hiện tại, VIB đang tiếp tục nâng cấp các giải pháp công nghệ liên quan nhằm tăng cường công tác tự động hóa, tối ưu năng suất và tránh các rủi ro trong tác nghiệp và tuân thủ cũng như đảm bảo các chốt chặn phù hợp với các giải pháp công nghệ mới ngày một phát triển.
  - Bên cạnh đó, ngoài việc liên tục chủ động cập nhật các thông tin để theo sát xu hướng về phòng, chống rửa tiền trên thế giới, công tác đào tạo nhân viên cũng đặc biệt được chú trọng để nâng cao ý thức tuân thủ của CBNV và đảm bảo việc tuân thủ thực hiện đúng, đủ và phù hợp với sự phát triển mới của các sản phẩm Ngân hàng.

### Rủi ro hệ thống Công nghệ thông tin

Công nghệ thông tin đang góp phần giúp các ngân hàng thuận lợi hơn trong quản trị, kinh doanh, đưa ra nhiều sản phẩm hấp dẫn để thu hút khách hàng... Nhưng đi kèm với những điểm mạnh đó là những nguy cơ tiềm ẩn nếu không được bảo mật tốt; khác biệt về phần mềm, dịch vụ hỗ trợ công nghệ, đường truyền do sử dụng của nhiều đơn vị khác nhau; vận hành sai; không tuân thủ chặt chẽ quy trình vận hành, theo dõi, kiểm soát, rủi ro liên quan đến thiên tai, dịch bệnh...

Trước sự thay đổi nhanh chóng và phát triển vượt bậc của làn sóng công nghệ mới, VIB đã chú trọng đầu tư hệ thống công nghệ của mình nhằm đón đầu sự dịch chuyển trong xu hướng mua sắm, tiêu dùng của khách hàng hiện nay. Năm 2019, VIB đẩy mạnh đa dạng hóa sản phẩm công nghệ số toàn diện trên các ứng dụng bán hàng, hỗ trợ bán hàng, website, mạng nội bộ, nền tảng mạng xã hội, kết hợp với đầu tư có trọng tâm vào công nghệ và bảo mật công nghệ. Việc tiến hành mở rộng hệ sinh thái thanh toán số bằng việc kết nối với các trung gian thanh toán lớn trong nước đưa con số các nhà cung cấp dịch vụ lên đến hơn 100 đơn vị. VIB cũng là đơn vị tiên phong hợp tác với các công ty khởi nghiệp tiêu dùng như GotIT, Urbox... mang đến những giải pháp công nghệ mới đón đầu xu thế tiêu dùng thời công nghệ số dành cho khách hàng.

Các biện pháp, phương thức đã được thực hiện để phòng ngừa và hạn chế các rủi ro hệ thống công nghệ thông tin: VIB tiếp tục định hướng cải tiến các hệ thống kế thừa (Legacy) và đầu tư có trọng tâm vào các giải pháp công nghệ số mới. Có thể kể tới một vài điểm nổi bật như sau:

- Thực hiện các dự án công nghệ chiến lược thay thế các hệ thống kế thừa như triển khai hệ thống thẻ mới, triển khai gói giải pháp Credit solution với các giải pháp hiện đại, thuận tiện trong việc tích hợp các nền tảng công nghệ số mới;
- Triển khai giải pháp Open API, tạo nền tảng cho chiến lược Ngân hàng mở (Open Banking), giúp tăng tốc độ kết nối với các đối tác bên ngoài gấp 4 lần;

## **BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

---

- Triển khai giải pháp Robotics Automation Processing (RAP) thay thế con người trong các quy trình có tính lặp đi lặp lại theo nguyên tắc cố định;
- Thay thế hệ thống máy chủ và ổ đĩa của các hệ thống lõi như Core Banking, Core card và Data warehouse (KM) giúp giảm thiểu thời gian xử lý khóa ngày của Core Banking và Core card;
- Triển khai giải pháp Load balancer giúp tăng lượng tải của người dùng các dịch vụ Ngân hàng số gấp 5 lần.

### **Rủi ro biến động giá niêm yết**

Việc chuyển sang niêm yết tại HoSE VIB phải nâng cao hơn các tiêu chuẩn về công bố thông tin đến toàn thị trường. Từ đó, tăng tính minh bạch và thu hút nhiều hơn sự chú ý của các nhà đầu tư tổ chức cá nhân nước ngoài. Đây là cơ hội lớn để VIB có thể tiếp cận nguồn lực tiềm năng mới ở cả khía cạnh vốn và hỗ trợ quản trị điều hành.

Tuy nhiên, rủi ro về biến động giá cổ phiếu VIB sau khi chuyển niêm yết sang HoSE là điều có thể xảy ra. Sự biến động về giá của cổ phiếu VIB không chỉ do yếu tố nội tại của doanh nghiệp, mà còn có thể do các yếu tố của thị trường chung tác động đến tâm lý nhà đầu tư. Tại thời điểm cổ phiếu chuyển sang niêm yết tại HoSE, giá chào sàn được tính theo bình quân giá giao dịch trong 20 phiên gần nhất của cổ phiếu VIB tại sàn Upcom.

### **Rủi ro khác**

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lũ, hạn hán...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn, bệnh dịch... có thể tác động lớn đến hoạt động kinh doanh của VIB.



# **NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

### TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Ông/ Bà:	Chức vụ:
Ông Đặng Khắc Vỹ	Chủ tịch HĐQT
Ông Hàn Ngọc Vũ	Tổng giám đốc
Ông Hoàng Linh	Giám đốc Tài chính
Bà Nguyễn Thùy Linh	Trưởng BKS
Ông Ân Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Ban Pháp chế và Quản trị Doanh nghiệp Phụ trách công bố thông tin theo giấy ủy quyền số 3.1963A.18 ngày 08/08/2018
Bà Trương Lê Ngọc Trâm	Người phụ trách Quản trị Công ty kiêm Thư ký HĐQT Bổ nhiệm theo nghị quyết 060.20.BOD ngày 23/09/2020

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### TỔ CHỨC TƯ VẤN

Đại diện theo pháp luật:	Chức vụ:
Bà Vũ Nam Hương	Giám đốc tài chính

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam cung cấp.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

## **QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN**

### **1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC NIÊM YẾT**

Tên ngân hàng (tiếng Việt)	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM
Tên ngân hàng (tiếng Anh)	VIETNAM INTERNATIONAL COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
Tên viết tắt	VIB
Mã chứng khoán	VIB
Địa chỉ	Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Người đại diện theo pháp luật	Ông Hàn Ngọc Vũ – Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT
Số điện thoại	(84-28) 6299 9039
Fax	(84-28) 6299 9040
Email	vib@vib.com.vn
Logo	
Mã số thuế	0100233488
Vốn điều lệ đăng ký	9.244.913.950.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	9.244.913.950.000 đồng
Giấy phép thành lập và hoạt động	Giấy phép thành lập và hoạt động số 95/GP-NHNN ngày 28/09/2018 (thay thế Giấy phép hoạt động số 0060/NH-GP cấp ngày 25/01/1996), được sửa đổi bởi các Quyết định số 2015/QĐ-NHNN ngày 16/10/2018, Quyết định số 2240/QĐ-NHNN ngày 14/11/2018, Quyết định số 2119/QĐ-NHNN ngày 11/10/2019
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100233488 đăng ký lần đầu ngày 14/02/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 02/12/2019.
Năm được chứng nhận trở thành công ty đại chúng	2007 (được UBCKNN chấp thuận)

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Ngân hàng:

STT	Ngành nghề
1	Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
2	Cho vay, chiết khấu, tài chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh ngân hàng, phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán trong nước;
3	Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

STT	Ngành nghề
4	Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm cung ứng phương tiện thanh toán và thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
5	Mở tài khoản tại NHNN Việt Nam, mở tài khoản tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;
6	Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
7	Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
8	Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;
9	Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
10	Mua, bán trái phiếu Chính Phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
11	Dịch vụ môi giới tiền tệ;
12	Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các TCTD, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của NHNN;
13	Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN và hướng dẫn của NHNN;
14	Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN;
15	Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN;
16	Ủy thác, nhận Ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
17	Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định;
18	Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN;
19	Mua nợ;
20	Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;
21	Ví điện tử.

**2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN****Thành lập và Hoạt động**

VIB là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 95/GP-NHNN ngày 28/09/2018 (thay thế Giấy phép hoạt động số 0060/NH-GP ngày 25/01/1996) do Thống đốc NHNN cấp. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 25/01/1996.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

**Quá trình phát triển và các thành tựu đạt được**

Năm	Sự kiện
1996-2006	Ngày 18/09/1996, VIB được thành lập với số vốn ban đầu 50 tỷ đồng. Trụ sở đầu tiên đặt tại số 05 Lê Thánh Tông, Hà Nội. Năm 2006, vốn điều lệ của VIB tăng lên hơn 1.000 tỷ đồng sau 10 năm thành lập và phát triển.
2007-2010	Ngân hàng CBA chính thức trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài của VIB với tỷ lệ sở hữu 15% vốn điều lệ. Tăng vốn điều lệ lên 4.000 tỷ đồng. Mạng lưới kinh doanh đạt trên 130 đơn vị tại 27 tỉnh, thành trên cả nước.
2011-2013	CBA đầu tư thêm vốn vào VIB, tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại VIB lên 20%. VIB tăng vốn điều lệ lên 4.250 tỷ đồng. VIB chuyển trụ sở sang tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Kiên trì thực hiện tam giác chiến lược: Quản trị tăng trưởng – Quản trị Rủi Ro – Quản trị hiệu quả.
Năm 2014	Tổ chức tín nhiệm Quốc Tế Moody's xếp hạng VIB là 1 trong 2 ngân hàng có chỉ số sức mạnh tài chính cao nhất trong số 9 ngân hàng lớn của Việt Nam. Đẩy mạnh phát triển hệ thống hạ tầng công nghệ ngân hàng và quản trị rủi ro. Mạng lưới kinh doanh có gần 160 đơn vị tại 27 tỉnh thành trên cả nước.
Năm 2015	Ký kết thoả thuận đối tác chiến lược với Prudential Việt Nam. Tiếp tục dẫn đầu bảng xếp hạng tín nhiệm của Moody's.
Năm 2016	Tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu trong bảng xếp hạng tín nhiệm mới nhất của Moody's đối với các ngân hàng Việt Nam Tăng vốn điều lệ lên 5.644 tỷ đồng.
Năm 2017	VIB chính thức giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung (Upcom) từ ngày 9/1/2017.
Năm 2018	NHNN quyết định chấp thuận cho VIB là ngân hàng tư nhân đầu tiên của Việt Nam đủ điều kiện áp dụng chuẩn mực quản trị rủi ro Basel II theo Thông tư 41/2016/TT-



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

Năm	Sự kiện
	NHNN. Tăng vốn điều lệ lên 7.835 tỷ đồng. VIB chuyển trụ sở chính từ Hà Nội vào TP. Hồ Chí Minh, đặt tại Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1.
Năm 2019	VIB tăng vốn điều lệ lên trên 9.245 tỷ đồng. VIB trở thành ngân hàng Việt Nam đầu tiên hoàn thành cả ba trụ cột của Basel II theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN và Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

Hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro tốt, cùng với các chỉ số sức mạnh tài chính của VIB đã được phản ánh vào đánh giá tích cực của NHNN và các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế, các định chế tài chính lớn trong và ngoài nước. VIB liên tục nhận được nhiều đánh giá tích cực từ các tổ chức uy tín trong và ngoài nước. Các danh hiệu và giải thưởng tiêu biểu VIB đạt được trong thời gian qua:

Tổ chức	Danh hiệu và giải thưởng
IFC	Giải thưởng “Đối tác Ngân hàng phát hành có nghiệp vụ tài trợ thương mại tốt nhất khu vực Đông Á – Thái Bình Dương” các năm 2016, 2017, 2019 trong khuôn khổ GTFP của IFC – Thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới.
ADB	ADB trao giải thưởng “Ngân hàng hàng đầu về tài trợ thương mại cho doanh nghiệp vừa và nhỏ trong khuôn khổ Hội nghị Châu Á về tài trợ thương mại toàn cầu do ADB tổ chức tại Singapore năm 2019.
The Asset	Tạp chí tài chính quốc tế The Asset trao hai giải thưởng danh giá trong lĩnh vực Ngân hàng số “Ngân hàng số của năm” và “Ngân hàng số có trải nghiệm khách hàng tốt nhất”. VIB là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam 04 năm liên tiếp 2017 – 2020 được nhận giải thưởng về lĩnh vực ngân hàng số từ The Asset.
International Finance	Tạp chí tài chính quốc tế International Finance tại Anh quốc ghi nhận là Ngân hàng có môi trường làm việc sáng tạo nhất Việt Nam cho những nỗ lực cải tiến môi trường làm việc và tăng cường sự gắn kết của CBNV trong năm 2018.
IDG	Giải thưởng “Dịch vụ sáng tạo độc đáo” từ Tập đoàn dữ liệu quốc tế IDG cho tính năng chuyển tiến nhanh trên mạng xã hội – MyVIB Social Keyboard. Giải thưởng “Ứng dụng ngân hàng di động MyVIB đạt giải thưởng sản phẩm ngân hàng sáng tạo tiêu biểu Việt Nam 2015 do Tập đoàn dữ liệu quốc tế IDG tổ chức.
Global Banking & Finance	Giải thưởng “Ngân hàng bán lẻ phát triển nhanh nhất và Thương vụ tốt nhất” của Tổ chức Global Banking & Finance Review trao tặng.
The Banker	Giải thưởng “Bank of the Year” - Ngân hàng tiêu biểu duy nhất của Việt Nam được Tạp chí danh tiếng thế giới The Banker trao cho VIB trong 2 năm liên tiếp (2015 và 2016).

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

### 3. CÔNG TY CON

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Ngân hàng có 01 công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty	Quyết định thành lập số	Lĩnh vực hoạt động	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ % sở hữu của Ngân hàng
VIB AMC	0104009004 ngày 29/12/2009 cấp bởi Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100.000	100%

### 4. QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Năm 1996	-	50.000	-	Giấy phép hoạt động số 0060/NH-GP cấp ngày 25/01/1996
Năm 1999	20.730	70.730	Phát hành cho CĐHH	Quyết định số 36/1999/QĐ-NHNN5 ngày 16/01/1999 về việc chuẩn y vốn điều lệ của VIB Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 28/01/1999 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 03 ngày 26/02/1999
Năm 2001	5.080	75.810	Phát hành cho CĐHH	Quyết định số 13/QĐ-NHNN ngày 10/01/2001 về việc chuẩn y vốn điều lệ năm 2001 của VIB Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 04 ngày 13/04/2001 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 04 ngày 11/02/2000
Năm 2003	99.190	175.000	Phát hành cho CĐHH	Quyết định số 614/NHNN-HAN7 ngày 12/11/2003 về việc chấp thuận cho VIB thay đổi vốn điều lệ năm 2003. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05 ngày 12/12/2003



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
				<p>Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 06 ngày 19/02/2002.</p> <p>Biên bản họp ĐHĐCĐ lần thứ 07 ngày 01/11/2003.</p>
Năm 2004	75.000	250.000	Phát hành cho CĐHH	<p>Quyết định số 419/NHNN-HAN7 ngày 14/07/2004 về việc chấp thuận cho VIB thay đổi vốn điều lệ năm 2004.</p> <p>Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 ngày 23/11/2004.</p> <p>Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 08 ngày 03/03/2004.</p>
Năm 2005	260.000	510.000		
• Đợt 1/2005	75.000	325.000	Phát hành cho CĐHH và CBNV	<p>Quyết định số 196/NHNN-HAN7 ngày 23.03.2005 về việc chấp thuận cho VIB thay đổi vốn điều lệ năm 2005.</p> <p>Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 09 ngày 28.04.2005.</p> <p>Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 09/2005/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/03/2005.</p>
• Đợt 2/2005	75.000	400.000	Phát hành cho CĐHH	<p>Quyết định số 196/NHNN-HAN7 ngày 23.03.2005 về việc chấp thuận cho VIB thay đổi vốn điều lệ năm 2005.</p> <p>Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 04/08/2005.</p> <p>Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 09/2005/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/03/2005.</p>
• Đợt 3/2005	110.000	510.000	Phát hành cho CĐHH và CBNV	<p>Quyết định số 758/NHNN-HAN7 ngày 08/11/2005 về việc chấp thuận cho VIB thay đổi vốn điều lệ</p>

**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
				<p>năm 2005.</p> <p>Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 08/12/2005.</p> <p>Biên bản Tổng hợp ý kiến cổ đông số 3345A/2005/VIB về việc tăng vốn điều lệ đợt 3 năm 2005 ngày 20/10/2005.</p>
Năm 2006	490.000	1.000.000		
• Đợt 1/2006	85.000	595.000	Phát hành cho CĐHH	<p>Quyết định số 247/NHNN-HAN7 ngày 10/04/2006 về việc chấp thuận cho VIB thay đổi vốn điều lệ năm 2006.</p> <p>Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 05/05/2006.</p> <p>Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 10/2006/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/03/2006.</p>
• Đợt 2/2006	116.025,43	711.025,43	Phát hành cho CĐHH	<p>Quyết định số 247/NHNN-HAN7 ngày 10.04.2006 về việc chấp thuận cho VIB thay đổi vốn điều lệ năm 2006.</p> <p>Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 17/05/2006.</p> <p>Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 10/2006/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/03/2006.</p>
• Đợt 3/2006	288.974,57	1.000.000	Phát hành cho CĐHH	<p>Quyết định số 247/NHNN-HAN7 ngày 10/04/2006 về việc chấp thuận cho VIB thay đổi vốn điều lệ năm 2006.</p> <p>Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 23/11/2006.</p> <p>Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 10/2006/NQ-ĐHĐCĐ ngày</p>

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
				04/03/2006.
Năm 2007	1.000.000	2.000.000		
• Đợt 1/2007	500.000	1.500.000	Phát hành cho CĐHH và CBNV; Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho CĐHH	Quyết định số 344/NHNN-HAN7 ngày 13/04/2007 về việc chấp thuận cho VIB thay đổi vốn điều lệ năm 2007. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 15/08/2007. Nghị quyết ĐHĐCĐ số 11/2007/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/03/2007.
• Đợt 2/2007	500.000	2.000.000	Phát hành cho CĐHH và CBNV; Phát hành riêng lẻ.	Quyết định số 961/NHNN-HAN7 ngày 24/10/2007 về việc chấp thuận cho VIB tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 25/12/2007. Nghị quyết ĐHĐCĐ số 12/2007/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/10/2007 thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 1.500 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng.
Năm 2009	1.000.000	3.000.000		
• Đợt 1/2009	200.000	2.200.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho CĐHH	Quyết định số 1235/NHNN-HAN7 ngày 08/07/2009 về việc chấp thuận tăng vốn điều lệ năm 2009. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 23/07/2009. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 1368/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/03/2009.
• Đợt 2/2009	200.000	2.400.000	Phát hành cho CĐHH; Phát hành	Quyết định số 1235/NHNN-HAN7 ngày 08/07/2009 về việc chấp



**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
			riêng lẻ.	thuận tăng vốn điều lệ năm 2009. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 21 ngày 27/11/2009. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 1368/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/03/2009.
• Đợt 3/2009	600.000	3.000.000	Phát hành cho CĐHH; Phát hành riêng lẻ.	Quyết định số 2146/NHNN-HAN7 ngày 25/11/2009 về việc chấp thuận điều chỉnh bổ sung mức vốn điều lệ lên 4000 tỷ đồng của VIB. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 10/02/2010. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 1368/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/03/2009. Nghị quyết ĐHĐCĐ số 0197/2009/NQ-ĐHĐCĐ-VIB phiên họp lần thứ 02 năm 2009 ngày 04/10/2009.
Năm 2010	1.000.000	4.000.000		
• Đợt 1/2010	400.000	3.400.000	Phát hành cho CĐHH; Phát hành cổ phiếu thưởng cho CĐHH.	Quyết định số 4582/NHNN-TTGSNH ngày 17/06/2010 về việc chấp thuận tăng vốn điều lệ năm 2010 của VIB. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 23 ngày 30/07/2010. Biên bản số 0108/2010/VIB-TKHĐQT Phiên họp thường niên ĐHĐCĐ năm 2010 ngày 18/03/2020. Nghị quyết ĐHĐCĐ số 0110/2010/NQ-ĐHĐCĐ-VIB ngày 18/03/2010.
• Đợt	600.000	4.000.000	Phát hành riêng lẻ	Quyết định số 4582/NHNN-TTGSNH ngày 17/06/2010 về việc

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
2/2010				<p>chấp thuận tăng vốn điều lệ năm 2010 của VIB.</p> <p>Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 24 ngày 13/09/2010.</p> <p>Biên bản số 0108/2010/VIB-TKHĐQT Phiên họp thường niên ĐHĐCĐ năm 2010 ngày 18/03/2010.</p> <p>Nghị quyết ĐHĐCĐ số 0110/2010/NQ-ĐHĐCĐ-VIB ngày 18/03/2010.</p>
Năm 2011	250.000	4.250.000	Phát hành riêng lẻ	<p>Quyết định số 5328/NHNN-TTGSNH ngày 08/07/2011 v/v bán cổ phần cho NĐT Chiến lược của VIB.</p> <p>Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 25 ngày 20/10/2011.</p> <p>Biên bản số 0108/2010/VIB-TKHĐQT Phiên họp thường niên ĐHĐCĐ năm 2010 ngày 18/03/2010.</p> <p>Nghị quyết ĐHĐCĐ số 0110/2010/NQ-ĐHĐCĐ-VIB ngày 18/03/2010.</p> <p>Nghị quyết ĐHĐCĐ số 3439/2010/NQ-ĐHĐCĐ-VIB ngày 11/10/2010 v/v gia hạn Phương án phát hành lên 4.250 tỷ đồng.</p>
Năm 2015	595.000	4.845.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho CĐHH	<p>Quyết định số 5922/NHNN-TTGSNH ngày 06/08/2016 v/v chấp thuận VIB tăng VĐL lên 4.845 tỷ đồng.</p> <p>Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 29 ngày 24/12/2015.</p> <p>Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 548/2015/NQ-ĐHĐCĐ-VIB ngày</p>

**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

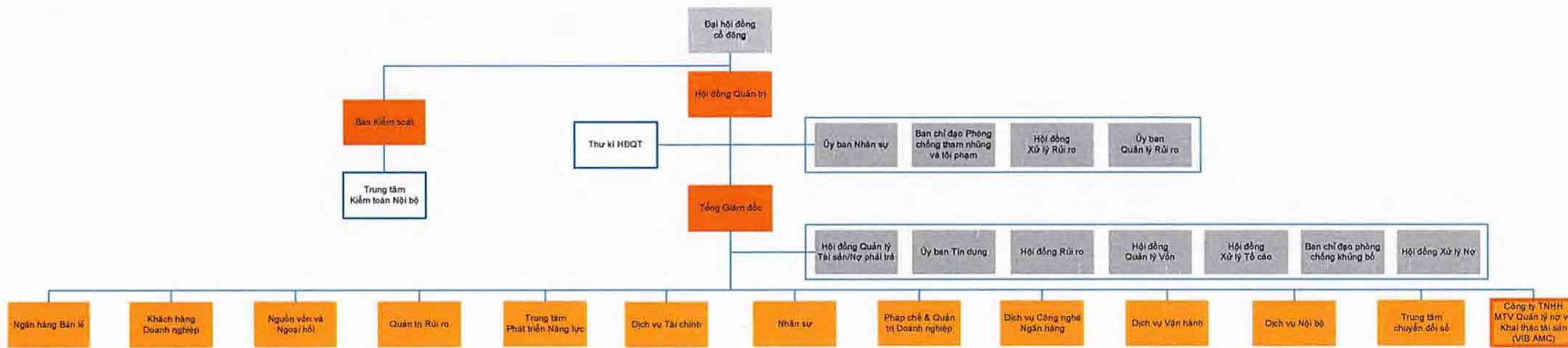
Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
				27/03/2015.
Năm 2016	799.425	5.644.425	Phát hành cổ phiếu thưởng cho CĐHH	Quyết định số 7541/NHNN-TTGSNH ngày 05/10/2016 v/v chấp thuận tăng vốn điều lệ của VIB. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 30 ngày 10/11/2016. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016.
Năm 2018	2.190.247,84	7.834.672,84	Phát hành cổ phiếu thưởng cho CĐHH	Quyết định số 7820/NHNN-TTGSNH ngày 17/10/2018 v/v tăng VDL năm 2018 của VIB. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 32 ngày 27/12/2018. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 1.0017.18.20 ngày 29/03/2018.
Năm 2019	1.410.241,11	9.244.913,95	Phát hành cổ phiếu thưởng cho CĐHH	Quyết định số 5262/NHNN-TTGSNH ngày 09/07/2019 v/v tăng vốn điều lệ của VIB. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 33 ngày 02/12/2019. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 3.1215.19 ngày 28/03/2019.



## CƠ CẤU TỔ CHỨC NGÂN HÀNG

Cơ cấu tổ chức của VIB được thể hiện trong sơ đồ dưới đây, và được mô tả trong phần “Cơ cấu bộ máy quản lý của ngân hàng”.

Bảng 3 - Sơ đồ bộ máy tổ chức của VIB



Tại ngày 30/06/2020, Ngân hàng có Hội sở chính, 163 đơn vị kinh doanh bao gồm đơn vị kinh doanh tại Hội sở chính, 50 chi nhánh, 112 phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

VIB có một công ty con 100% vốn sở hữu là VIB AMC.

## **CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG**

### **1. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Là cơ quan nắm giữ quyền lực cao nhất của VIB, ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động kinh doanh, quyết định các phương án, nhiệm vụ kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung và sửa đổi Điều lệ Ngân hàng, thông qua các chiến lược kinh doanh; bầu, bãi miễn nhiệm HĐQT, BKS, và quyết định các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các TCTD.

### **2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Năm 2020, HĐQT VIB có 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên không điều hành, 01 thành viên độc lập. Các thành viên HĐQT đều thực hiện nhiệm vụ của mình trên cơ sở quy định của pháp luật và Điều lệ VIB, vì sự phát triển lành mạnh của Ngân hàng và phục vụ quyền lợi của tất cả các cổ đông.

Danh sách thành viên HĐQT:

- Ông Đặng Khắc Vỹ - Thành viên HĐQT không điều hành;
- Ông Đặng Văn Sơn - Thành viên HĐQT không điều hành;
- Ông Đỗ Xuân Hoàng - Thành viên HĐQT không điều hành;
- Ông Hàn Ngọc Vũ - Thành viên HĐQT điều hành;
- Ông Nguyễn Việt Cường - Thành viên HĐQT độc lập.

### **3. BAN KIỂM SOÁT**

Năm 2020, BKS đã triển khai và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ của VIB và Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, góp phần cùng hệ thống hoàn thành toàn diện kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Danh sách BKS:

- Bà Nguyễn Thùy Linh - Trưởng BKS;
- Ông Đào Quang Ngọc - Thành viên BKS;
- Bà Nguyễn Lương Thị Bích Thủy - Thành viên BKS.

### **4. TỔNG GIÁM ĐỐC**

TGD là người quản lý và giám sát tất cả các hoạt động kinh doanh, con người cũng như các hoạt động hợp tác của VIB. TGD chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

### **5. CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HĐQT**

#### **Ủy Ban Nhân sự**

UBNS của VIB hoạt động theo quy định tại Quy chế số 9971A phiên bản 2020(1) do HĐQT ban hành ngày 27/02/2020, gồm 03 (ba) thành viên:

- Ông Đặng Khắc Vỹ - Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch UBNS;
- Ông Đỗ Xuân Hoàng - Thành viên HĐQT, Thành viên UBNS;
- Ông Hàn Ngọc Vũ - Thành viên HĐQT, TGD, Thành viên UBNS.



## **BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Chức năng, nhiệm vụ: Tham mưu cho HĐQT, đưa ra các định hướng trong công tác hoạch định và quản lý nguồn nhân lực; phê duyệt ban hành các chính sách, quy định nội bộ của VIB về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các chính sách đãi ngộ khác; từ đó thu hút và giữ chân được đội ngũ nhân sự điều hành cũng như khuyến khích và tạo động lực để CBNV nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công việc.

### **Ủy ban Quản lý Rủi ro**

UBQLRR của VIB hoạt động theo Quy chế số 0001.RMC phiên bản 2020(1) do HĐQT ban hành ngày 03/08/2020, gồm 04 (bốn) thành viên:

- Ông Đặng Văn Sơn - Phó Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch UBQLRR;
- Ông Đặng Khắc Vỹ - Chủ tịch HĐQT, Thành viên UBQLRR;
- Ông Hàn Ngọc Vũ - Thành viên HĐQT, TGD, Thành viên UBQLRR;
- Ông Nguyễn Việt Cường - Thành viên độc lập HĐQT, Thành viên UBQLRR;

Chức năng, nhiệm vụ: Tham mưu cho HĐQT quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý rủi ro, đảm bảo VIB có một khuôn khổ, khung quy định các chính sách và quy trình quản lý rủi ro hiệu quả, trong đó có việc rà soát, sửa đổi các tiêu chí của Chính sách khẩu vị và chiến lược quản trị rủi ro; các báo cáo rủi ro trình HĐQT bao gồm các loại: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro tuân thủ, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường. UBQLRR còn thực hiện hỗ trợ tham mưu HĐQT triển khai các dự án quan trọng như Basel II, dự án chấm điểm tín dụng (Scoring), dự án ICAAP.

### **Ban Chỉ đạo Phòng, chống tham nhũng và tội phạm**

Sau khi Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 mới được ban hành ngày 20/11/2018 và được hướng dẫn thi hành tại Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/07/2019, HĐQT VIB đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của BCĐPCTN số 9976 phiên bản 2019(1) ngày 16/09/2019.

BCĐPCTN bao gồm 06 (sáu) thành viên:

- Ông Đặng Khắc Vỹ - Chủ tịch HĐQT, Trưởng BCĐPCTN;
- Ông Lê Hoài Bắc - Giám đốc Trung tâm Kiểm toán Nội bộ, Phó Trưởng BCĐPCTN thường trực;
- Ông Hàn Ngọc Vũ - Thành viên HĐQT, TGD, Thành viên BCĐPCTN;
- Ông Trần Tuấn Minh - Giám đốc Ban Nhân sự, Thành viên BCĐPCTN;
- Ông Ân Thanh Sơn - Phó TGD, Giám đốc Ban Pháp chế và Quản trị Doanh nghiệp, Thành viên BCĐPCTN;
- Ông Hoàng Linh - Giám đốc Ban Dịch vụ Tài chính, Thành viên BCĐPCTN.

Chức năng, nhiệm vụ: xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách về phòng, chống tham nhũng và tội phạm tại VIB, bao gồm: Dự thảo Khung chính sách mới nhằm thay thế cho Quy định số 5324/2013/QĐ-VIB được ban hành từ 2013 để phù hợp hơn với bối cảnh hoạt động của VIB cũng như phù hợp với các quy định hiện hành; định hướng về cấu trúc và nội dung của Chính sách phòng, chống tham nhũng và tội phạm tại VIB theo quy định mới của pháp luật và chính sách của VIB.

### **Hội đồng xử lý rủi ro**

HĐXLRR được tổ chức và hoạt động theo Quy chế HĐXLRR số 9981 phiên bản 2019(1) do HĐQT ban hành ngày 01/01/2020, bao gồm 6 thành viên:

- Ông Đặng Văn Sơn - Phó Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐXLRR;



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

- Ông Hàn Ngọc Vũ - Thành viên HĐQT, TGD, Phó Chủ tịch HĐQT;
- Ông Nguyễn Việt Cường – Thành viên HĐQT độc lập, Thành viên HĐQT
- Ông Hà Hoàng Dũng - Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro, Phó Chủ tịch HĐQT;
- Ông Ân Thanh Sơn – Phó TGD, Giám đốc Ban Pháp chế và Quản trị Doanh nghiệp, Thành viên HĐQT;
- Ông Hoàng Linh - Giám đốc Ban Dịch vụ Tài chính, Thành viên HĐQT.

Chức năng, nhiệm vụ: Phê duyệt xử lý các khoản rủi ro, phê duyệt phân loại nợ, cam kết ngoại bảng và trích lập dự phòng, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trên toàn hệ thống VIB.

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

### 1. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẴM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA NGÂN HÀNG

Bảng 4 - Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ tại thời điểm hiện tại

Tên cổ đông	Số ĐKKD	Địa chỉ	SLCP nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ/VĐL (%)
Commonwealth Bank of Australia	ABN: 48 123 123 124	Ground Floor, Tower 1, 201 Sussex Street, Sydney, New South Wales, Australia	184.898.278	20

### 2. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỈ LỆ CỔ PHẦN NẴM GIỮ

Theo quy định tại Điều 113 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, cổ đông sáng lập phải nắm giữ cổ phần của mình trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo quy định tại Điều 55 Luật các TCTD số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010: Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của TCTD, các cổ đông sáng lập phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% vốn điều lệ của TCTD; các cổ đông sáng lập là pháp nhân phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% tổng số cổ phần do các cổ đông sáng lập nắm giữ.

Đối với VIB, Ngân hàng được thành lập từ ngày 25/01/1996 do đó theo quy định trên các cổ đông sáng lập của VIB không còn bị hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình. Tuy nhiên, theo Khoản 7, Điều 17, Điều lệ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số 5501.2019 (1) được ban hành ngày 28/10/2019, nếu cổ đông sáng lập đồng thời là là thành viên HĐQT, BKS, TGD đương nhiệm của VIB thì sẽ bị hạn chế chuyển nhượng cho đến hết nhiệm kỳ của thành viên đó.

Bảng 5 – Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ tại thời điểm hiện tại

STT	Họ và tên	Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ (%)
1	Đặng Khắc Vỹ	012345821	25/07/2008	53 phố Tiểu Nam, khu Nam Đô-S7, khu phố 6, P. Tân Phú, Q.7, TP. HCM	46.132.121	4,99
2	Trịnh Văn Tuấn	024729468	02/04/2007	31A Lê Văn Miến, P Thảo Điền, Quận 2, TP HCM	2.280	0,00
3	Ngô Chí Dũng				0	0,00
4	Hà Văn Hải				0	0,00
5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	0103024468	02/06/2008	198 Trần Quang Khải, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	0	0,00
6	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	0100686174	26/03/1988	Số 2 Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP Hà Nội	0	0,00
Tổng Cộng					46.134.401	4,99

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

### 3. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Bảng 6 – Cơ cấu cổ đông

STT	Loại hình Cổ đông	SLCP nắm giữ (Cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	SLCĐ (cổ đông)	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập	46.134.401	4,99	6	2	4
	Trong nước	46.134.401	4,99	6	2	4
	Ngoài nước	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn	184.898.278	20,00	1	1	-
	Trong nước	-	-	-	-	-
	Ngoài nước	184.898.278	20,00	1	1	-
4	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-
5	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-	-
6	Cổ đông phổ thông	924.491.395	100	7.695	40	7.655
7	Cổ đông trong nước	734.970.660	79,50	7.653	31	7.622
8	Cổ đông nước ngoài	189.520.735	20,50	42	9	33
	Tổng cộng	924.491.395	100	7.695	40	7.655

(Nguồn: Danh sách cổ đông của VIB do TTLKCKVN thực hiện tại ngày 31/07/2020)



## **CÔNG TY MẸ, CÔNG TY CON**

### **1. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**

Không có.

### **2. DANH SÁCH CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**

Tên Công ty	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam
Tên viết tắt	VIB AMC
Địa chỉ trụ sở chính	Tầng 6, toà nhà CornerStone, số 16 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"><li>• Xử lý TSBĐ nợ vay;</li><li>• Tiếp nhận tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh của những khoản nợ khó đòi thuộc hệ thống VIB để quản lý, khai thác;</li><li>• Phát mại, bán đấu giá tài sản theo hình thức thu tiền một lần;</li><li>• Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;</li></ul>
Vốn điều lệ đã đăng ký	100 tỷ đồng
Vốn điều lệ thực góp	100 tỷ đồng
Vốn đăng ký/vốn thực góp của VIB	100 tỷ đồng
Tỷ lệ nắm giữ của VIB	100%.

## HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

#### Hoạt động huy động vốn

Tổng vốn huy động của VIB được bao gồm các nguồn huy động từ các cá nhân, TCKT và TCTD, bao gồm các nguồn vốn huy động trong nước, ngoài nước. VIB chú trọng hoạt động huy động vốn nhằm đảm bảo đủ nguồn giải ngân cho hoạt động tín dụng và đầu tư, cũng như an toàn trong thanh khoản, đáp ứng tốt các nhu cầu về tiền gửi và thanh toán của khách hàng.

Trên thị trường 1 (thị trường huy động từ các khách hàng cá nhân và tổ chức kinh tế), VIB có các sản phẩm huy động vốn đa dạng, tiện ích với lãi suất cạnh tranh như:

- Tiền gửi thanh toán;
- Tiền gửi tiết kiệm tại quầy;
- Tiền gửi tiết kiệm điện tử qua internet banking hoặc ứng dụng MyVIB;
- Chứng chỉ tiền gửi dài hạn;
- Trái phiếu TCTD.

Trên thị trường 2 (thị trường huy động từ các định chế tài chính trong và ngoài nước), ngoài việc huy động vốn từ thị trường liên ngân hàng, VIB còn huy động vốn từ các TCTD nước ngoài, và các định chế tài chính quốc tế uy tín như IFC, ADB với các chương trình vay tài trợ thương mại, vay hợp vốn dài hạn.

Với uy tín của mình trên thị trường, trong năm 2019, tổng các nguồn vốn của VIB đạt 166.750 tỷ đồng, tăng trưởng 33,1% so với năm 2018. Trong 6 tháng đầu năm 2020, VIB tiếp tục tăng trưởng huy động lên mức 181.819 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 9,0% so với năm 2019.

- Tổng vốn huy động theo cơ cấu đối tượng khách hàng:

Bảng 7 – Vốn huy động theo đối tượng khách hàng tại ngày 31/12/2018, 31/12/2019, 30/6/2020

Đơn vị tính: triệu đồng, %

Danh mục	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Tiền gửi của khách hàng	84.862.629	67,73	122.357.044	73,38	127.953.459	70,37
Tiền gửi và vay các TCTD khác	29.399.947	23,47	27.225.110	16,33	34.033.521	18,72
Phát hành GTCG	10.152.430	8,10	17.154.847	10,29	19.821.292	10,90
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	832.575	0,66	-	0,00		0,00
Vốn tài trợ, UTĐT, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	19.818	0,02	10.702	0,01	10.395	0,01

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

Danh mục	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
CCTC phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	20.471	0,02	2.426	0,00	-	0,00
<b>Tổng cộng</b>	<b>125.287.870</b>	<b>100</b>	<b>166.750.129</b>	<b>100,00</b>	<b>181.818.667</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019, BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng năm 2020 của VIB)

- Tổng vốn huy động theo nguồn vốn huy động trong nước, ngoài nước:

Bảng 8 – Vốn huy động theo nguồn trong nước, ngoài nước

Đơn vị tính: triệu đồng, %

Danh mục	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
<b>Trong nước</b>	<b>111.056.216</b>	<b>88,64</b>	<b>150.222.677</b>	<b>90,09</b>	<b>162.910.976</b>	<b>89,60</b>
Tiền gửi của khách hàng	80.798.956	64,49	117.364.812	70,38	122.562.117	67,41
Tiền gửi và vay các TCTD khác	19.231.966	15,35	15.689.890	9,41	20.517.172	11,28
Phát hành GTCG	10.152.430	8,10	17.154.847	10,29	19.821.292	10,90
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	832.575	0,66	-	0,00	-	0,00
Các CCTC phái sinh và công cụ nợ khác	20.471	0,02	2.426	0,00	-	0,00
Vốn tài trợ UTĐT, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	19.818	0,02	10.702	0,01	10.395	0,01
<b>Nước ngoài</b>	<b>14.231.654</b>	<b>11,36</b>	<b>16.527.452</b>	<b>9,91</b>	<b>18.907.691</b>	<b>10,40</b>
Tiền gửi và vay các TCTD khác	10.167.981	8,12	11.535.220	6,92	13.516.349	7,43
Tiền gửi của khách hàng	4.063.673	3,24	4.992.232	2,99	5.391.342	2,97
<b>Tổng cộng</b>	<b>125.287.870</b>	<b>100,00</b>	<b>166.750.129</b>	<b>100,00</b>	<b>181.818.667</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019, BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng năm 2020 của VIB)

### Hoạt động tín dụng

Trong năm 2019, cho vay khách hàng đạt 129.2 nghìn tỷ đồng, tăng 34,5% so với năm 2018. Tỷ lệ tăng trưởng tín dụng ấn tượng này được NHNN chấp thuận do VIB là Ngân hàng TMCP đầu tiên triển khai thành công 3 trụ cột Basel II. Tại quý 2/2020, VIB tiếp tục duy trì tăng trưởng 6,7%. Sự tăng trưởng này



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

chủ yếu đến từ phân khúc khách hàng cá nhân, với các sản phẩm chủ lực có mức độ rủi ro tín dụng thấp như cho vay thế chấp mua nhà và cho vay thế chấp mua ô tô.

- Cho vay thế chấp mua nhà

Với tiêu chí tiện lợi, nhanh chóng và an toàn cho khách hàng, sản phẩm cho vay mua nhà của VIB vẫn hướng tới phân khúc cho vay mua nhà sổ hồng và sổ đỏ, sản phẩm này chiếm hầu như toàn bộ danh mục cho vay mua nhà của VIB. Với định hướng sản phẩm này đã mang tới cho VIB một thị trường vững chắc, an toàn và không có giới hạn về việc đáp ứng nhu cầu mua nhà của người dân. Với việc đa dạng hóa sản phẩm cho vay mua nhà, VIB dành một phần danh mục của mình cho phân khúc nhà dự án với các chủ đầu tư uy tín và chất lượng.

Nhằm tăng cường trong việc quản trị rủi ro tín dụng theo chuẩn Basel II, VIB đã tăng cường việc kiểm soát chất lượng TSĐD với việc sử dụng dịch vụ thẩm định giá trị tài sản của các đối tác có uy tín trên thị trường trong việc định giá tài sản thế chấp khi vay mua nhà. Việc kết hợp với các đối tác uy tín và chất lượng cũng giúp VIB kiểm soát được mức độ rủi ro tiềm ẩn đối với các dự án trong ngành bất động sản.

- Cho vay thế chấp mua ô tô

VIB là một trong những ngân hàng tiên phong về sản phẩm này khi thị trường ô tô Việt Nam mới phát triển. Cùng với việc xây dựng chính sách và quy trình sản phẩm cho vay ô tô, VIB đã thiết lập quan hệ đối tác kinh doanh với các đại lý bán xe ô tô từ rất sớm đã giúp VIB xây dựng được hệ thống điểm bán rộng lớn với mạng lưới rộng khắp ở tất cả các thương hiệu xe lớn tại Việt Nam.

Việc cam kết dồn trọng tâm tăng trưởng vào sản phẩm ô tô cũng là một điểm mang đến uy tín của VIB cho các đối tác kinh doanh.

- Cho vay khác

Cho vay khác bao gồm cho vay các định chế tài chính, các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ cho mục đích đầu tư, sản xuất kinh doanh, và cho vay tiêu dùng cá nhân khác.

Bảng 9 - Cho vay khách hàng tại ngày 31/12/2018, 31/12/2019, 30/6/2020

Đơn vị tính: triệu đồng, %

Danh mục	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Cho vay các TCKT, cá nhân trong nước	96.040.898	99,90	129.155.017	99,96	137.860.109	99,96
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các GTCG	5.840	0,01	8.916	0,01	6.986	0,01
Các khoản trả thay khách hàng	10.034	0,01	10.066	0,01	9.981	0,01
Cho vay bằng vốn tài trợ, UTĐT	68.114	0,07	10.261	0,01	10.344	0,01
Nợ chờ xử lý	13.849	0,01	15.548	0,01	15.547	0,01
<b>Tổng cộng</b>	<b>96.138.735</b>	<b>100,00</b>	<b>129.199.808</b>	<b>100</b>	<b>137.902.967</b>	<b>100,0</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019, BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng năm 2020 của VIB)

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

Bảng 10 - Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp:

Đơn vị tính: triệu đồng, %

Danh mục	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Cho vay các TCKT	25.023.112	26,03	24.176.042	18,71	24.266.151	17,60
- Doanh nghiệp nhà nước	3.173.578	3,30	1.969.703	1,52	1.688.991	1,22
- Công ty TNHH và CTCP	18.665.272	19,41	20.430.116	15,81	21.707.086	15,74
- Doanh nghiệp FDI	3.123.877	3,25	1.729.936	1,34	825.904	0,60
- Doanh nghiệp tư nhân	60.385	0,06	46.287	0,04	44.170	0,03
Cho vay cá nhân và cho vay khác	71.115.623	73,97	105.023.766	81,29	113.636.816	82,40
<b>Tổng cộng</b>	<b>96.138.735</b>	<b>100,00</b>	<b>129.199.808</b>	<b>100,00</b>	<b>137.902.967</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019, BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng năm 2020 của VIB)

Bảng 11 - Dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng, %

Danh mục	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Nông lâm nghiệp, thủy sản	1.592.815	1,66	1.937.654	1,50	1.798.995	1,30
Thương mại, sản xuất và chế biến	16.818.945	17,49	21.876.792	16,93	23.568.248	17,09
Xây dựng	2.587.311	2,69	1.595.774	1,24	1.501.318	1,09
Kho bãi vận tải và thông tin liên lạc	3.274.619	3,41	2.537.965	1,96	1.672.686	1,21
Cá nhân và các ngành nghề khác	71.865.045	74,75	101.251.623	78,37	109.361.720	79,31
<b>Tổng cộng</b>	<b>96.138.735</b>	<b>100,00</b>	<b>129.199.808</b>	<b>100,00</b>	<b>137.902.967</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019, BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng năm 2020 của VIB)



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

- Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Điều 10 của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN.

Bảng 12 – Quỹ dự phòng Cho vay khách hàng tại ngày 31/12/2018, 31/12/2019, 30/06/2020

Đơn vị tính: triệu đồng, %

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	%+/-/2018	30/06/2020	%+/-/2019
Dự phòng chung	679.950	935.116	37,53	1.008.233	7,82
Dự phòng cụ thể	197.815	350.606	77,24	618.214	76,33
Tổng cộng	877.765	1.285.722	46,48	1.626.447	26,50

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019, BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng năm 2020 của VIB)

Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng của VIB có sự tăng trưởng đáng kể. Trong đó, dự phòng chung được trích theo tỷ lệ quy định dựa trên số dư nợ mới tăng thêm, việc tăng số dư dự phòng chung hoàn toàn phù hợp với tăng trưởng quy mô tín dụng của VIB. Bên cạnh đó, VIB thực hiện rất tốt công tác kiểm soát nợ xấu, hạn chế tối đa việc phát sinh nợ nhóm 3-5 từ các khoản giải ngân mới. Quỹ dự phòng cụ thể của VIB tăng nhanh phần lớn xuất phát từ việc VIB thực hiện đánh giá lại TSBĐ phù hợp với thực tế và chuyển nhóm khách hàng từ nợ nhóm 3 (tỷ lệ trích lập dự phòng chỉ 20%) sang nợ nhóm 5 (tỷ lệ trích lập 100%). Có thể nhận thấy điều này thông qua việc dự phòng trích cho nợ nhóm 5 tăng nhanh và chiếm tỷ trọng cao.

Bảng 13 - Dự phòng cụ thể Cho vay khách hàng tại ngày 31/12/2018, 31/12/2019, 30/06/2020

Đơn vị tính: triệu đồng, %

Dự phòng cụ thể theo nhóm nợ	31/12/2018	31/12/2019	%+/-/2018	30/06/2020	%+/-/2019
Nhóm 2	20,845	24,799	19	46,583	88
Nhóm 3	17,047	30,271	78	45,182	49
Nhóm 4	43,769	71,010	62	106,107	49
Nhóm 5	116,154	224,526	93	420,342	87
Tổng cộng	197,815	350,606	77	618,214	76

### Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

Đối với hoạt động kinh doanh ngoại hối: Năm 2019, doanh số kinh doanh ngoại hối của VIB lên đến 62 tỷ USD, tăng 150% với năm 2018, trong đó giao dịch ngoại tệ với khách hàng doanh nghiệp và cá nhân đạt hơn 2 tỷ USD, doanh số giao dịch khách hàng liên ngân hàng (bao gồm hoạt động hoán đổi ngoại tệ) đạt 60 tỷ USD. Hoạt động hoán đổi ngoại tệ năm 2019 đạt 44 tỷ USD, chủ yếu hoán đổi từ USD sang VND là hoạt động kinh doanh thường xuyên của ngân hàng trong những năm gần đây nhằm tận dụng nguồn huy động vốn ngoại tệ dồi dào từ trong nước và nước ngoài với lãi suất thấp, kỳ hạn dài. Việc hoán đổi phát sinh chi phí chênh lệch tỷ giá, kèm theo chi phí trả lãi huy động vốn nên với doanh số hoán đổi lớn đã khiến hạch toán lãi thuần kinh doanh ngoại hối bị lỗ (tuy nhiên phần lỗ này về bản chất sẽ được bù đắp lại bằng số lãi thuần lớn hơn nhiều, khi Ngân hàng sử dụng vốn này để cho vay hoặc



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

đầu tư) trong khi kinh doanh ngoại hối thực tế của VIB là có lãi (Tham khảo Bảng 14 chi tiết bên dưới).

Đối với hoạt động thanh toán, dịch vụ thanh toán: Năm 2019 đạt kết quả tốt với lợi nhuận ròng đạt 334 tỷ đồng, tăng 86,25% so với năm 2018. Tính đến hết Quý II/2020, lãi thuần từ hoạt động thanh toán đạt 257 tỷ đồng. VIB có mạng lưới ngân hàng đại lý rộng khắp trên thế giới và duy trì tài khoản Nostro tại các ngân hàng này nhằm phục vụ thanh toán cho tất cả các loại ngoại tệ. Dịch vụ thanh toán quốc tế chịu ảnh hưởng từ tình hình ngoại tệ và nhu cầu nhập khẩu hàng hóa của khách hàng của VIB. Tuy nhiên, nhờ vào việc hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin và chuẩn hóa các giao dịch quốc tế, dịch vụ thanh toán của VIB đã mang lại giá trị gia tăng đáng kể cho khách hàng. (Tham khảo bảng chi tiết bên dưới).

Bảng 14 - Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán giai đoạn 01/01/2018 – 30/06/2020:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	6 tháng 2020
Lãi thuần kinh doanh ngoại hối	(25.871)	(121.708)	(27.723)
Lãi từ kinh doanh ngoại hối	60.354	58.231	63.781
Chi phí hoán đổi ngoại tệ	(86.225)	(179.939)	(91.504)
Lãi thuần từ hoạt động thanh toán	179.554	334.423	257.224
Doanh thu từ hoạt động thanh toán	335.239	552.324	401.558
Chi phí hoạt động thanh toán	(155.685)	(217.901)	(144.334)

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019, BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng năm 2020 của VIB)

### Hoạt động mua nợ

Hoạt động mua nợ của VIB liên quan đến việc Ngân hàng nhận chuyển giao dư nợ từ Ngân hàng CBA Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng chuyển giao tài sản – công nợ với Ngân hàng CBA. Giá trị mua nợ (số tiền VIB phải trả cho bên bán) là 1.131.949 triệu đồng được tính dựa trên bảng cân đối kế toán do PWC kiểm toán tại ngày 04/09/2017, theo công thức:

Giá trị mua nợ = Giá trị nợ gốc (số tiền phải thu khách hàng đối với nợ gốc) cộng (+) lãi phải thu lũy kế (số tiền phải thu khách hàng đối với lãi phát sinh) trừ (-) giá trị dự phòng rủi ro phải trích theo quy định, cụ thể như sau:

Bảng 15 – Giá trị mua nợ ban đầu

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Công thức	Số tiền
Giá trị nợ gốc	(a)	1.147.463
Lãi phải thu lũy kế	(b)	3.425
Dự phòng rủi ro	(c)	(18.940)
Giá trị mua nợ	(d)=(a)+(b)+(c)	1.131.949

- Khoản nợ mua về được hạch toán nội bảng theo giá trị mua thực tế của khoản nợ được mua, giá trị nợ gốc và lãi phải thu lũy kế theo từng khách hàng được theo dõi ngoại bảng. Việc phân loại nợ,

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng đối với khoản nợ đã mua thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Sau khi thực hiện thu hồi nợ, giá trị mua nợ sẽ giảm dần, được thể hiện qua các thời điểm như sau:

Bảng 16 - Giá trị mua nợ tại ngày 31/12/2018, 31/12/2019, 30/06/2020

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
Giá trị mua nợ còn lại tại thời điểm báo cáo	419.171	326.572	305.722
Dự phòng rủi ro	(898)	(271)	(2.746)
Tổng cộng	418.273	326.301	302.976

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019, BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng năm 2020 của VIB)

- Tương ứng tại các thời điểm đó, giá trị nợ gốc và lãi phải thu lũy kế theo từng khách hàng được theo dõi ở ngoại bảng như sau:

Bảng 17 - Giá trị nợ gốc và lãi phải thu lũy kế tại ngày 31/12/2018, 31/12/2019, 30/06/2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
Giá trị nợ gốc của các khoản mua nợ còn số dư tại thời điểm báo cáo	422.644	329.124	308.099
Lãi phải thu lũy kế	6.402	7.837	8.782
Tổng cộng	429.046	336.961	316.881

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019, BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng năm 2020 của VIB)

### Hoạt động đầu tư chứng khoán

Bảng 18 – Hoạt động đầu tư chứng khoán tại ngày 31/12/2018, 31/12/2019, 30/06/2020

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	28.676.423	27.882.169	31.659.542
Chứng khoán vốn:	-	-	12.000
Chứng khoán do các TCKT phát hành (*)	-	-	12.000
Chứng khoán nợ:	28.676.423	27.882.169	31.647.542
Trái phiếu Chính phủ	15.700.272	9.774.078	9.047.470
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	4.769.834	7.088.425	7.543.545
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	3.646.317	8.001.166	13.051.527
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	4.560.000	3.018.500	2.005.000



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	42.380	42.380	42.380
Trái phiếu do DATC phát hành (**)	42.380	42.380	42.380
Dự phòng rủi ro đầu tư chứng khoán	(141.043)	(82.556)	(80.322)
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	(141.043)	(82.238)	(80.004)
Dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	(318)	(318)
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.577.760</b>	<b>27.841.993</b>	<b>31.621.600</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019, BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng năm 2020 của VIB)

(\*) Đây là khoản chứng khoán được phân loại lại từ đầu tư dài hạn khác sang chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán do Ngân hàng chuyển đổi cho mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán.

(\*\*) Trái phiếu do DATC phát hành là trái phiếu chuyển đổi cho các khoản cho vay Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam được chính phủ bảo lãnh, tỷ lệ chuyển đổi là 30%, có kỳ hạn 10 năm (từ 12/09/2013 đến 12/09/2023), tại ngày 30/06/2020 trái phiếu này được hưởng lãi suất là 8,9%/năm (31/12/2019: 8,9%/năm).

### Các khoản đầu tư dài hạn

Bảng 19 – Hoạt động đầu tư dài hạn tại ngày 31/12/2018, 31/12/2019, 30/06/2020

Đơn vị tính: triệu đồng

Đầu tư dài hạn	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
CTCP Đầu tư và Kinh doanh tài sản Việt Nam	50.000	50.000	50.000
CTCP Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ	40.000	40.000	40.000
CTCP Đầu tư và Xây dựng thương mại dầu khí - IDICO (*)	36.000	36.000	-
Công ty Chứng khoán Quốc tế Việt Nam	15.572	15.572	15.572
Tổng CTCP Sông Hồng (*)	15.045	15.045	15.045
CTCP Đầu tư và Phát triển PVI (**)	12.000	12.000	-
CTCP Xăng dầu dầu khí Sài Gòn	5.000	5.000	5.000
CTCP Xăng dầu dầu khí Vũng Tàu	5.000	5.000	5.000
CTCP Thông tin Tín dụng Việt Nam	3.182	3.182	3.182
CTCP Xuất nhập khẩu thiết bị và kỹ thuật dịch vụ thương mại dầu khí	2.500	2.500	2.500
Hệ thống SWIFT	604	602	604
CTCP Đào tạo và Tư vấn nghiệp vụ ngân hàng	371	371	371
<b>Tổng cộng</b>	<b>185.274</b>	<b>185.272</b>	<b>137.274</b>

(\*) Cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên Upcom;

(\*\*) Cổ phiếu đã niêm yết trên HNX được chuyển lên khoản mục chứng khoán kinh doanh trong năm 2020.

Các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Trong danh mục đầu tư chứng khoán dài hạn, VIB không là cổ đông lớn của công ty nào.



### 2. QUẢN LÝ RỦI RO VÀ BẢO TOÀN VỐN

VIB được định vị là một ngân hàng có chất lượng hàng đầu, luôn tiên phong trong việc áp dụng các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro tiên tiến, và xem xét đây là một trong những nền tảng quan trọng nhất cho sự phát triển bền vững. VIB là ngân hàng đầu tiên hoàn thành cả 3 trụ cột của Basel II theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN và Thông tư số 13/2018/TT-NHNN. Tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41 tại ngày 30/6/2020 là 9,69%, cao hơn mức quy định tối thiểu của NHNN là 8%. Việc triển khai và áp dụng các chuẩn mực của Basel giúp VIB có những điều chỉnh phù hợp về mặt chiến lược kinh doanh, rủi ro, giúp quản trị kế hoạch vốn phù hợp với mục tiêu tăng trưởng của ngân hàng và nâng cao chất lượng kinh doanh toàn diện đồng thời nâng cao uy tín của VIB trên thị trường trong nước và quốc tế.

Trong thời gian tới VIB tiếp tục áp dụng các chuẩn mực tính vốn theo phương pháp nâng cao khi được NHNN cho phép. Đồng thời ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào hệ thống, triển khai các dự án cải thiện chất lượng dữ liệu, xây dựng các mô hình rủi ro tín dụng nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro của ngân hàng.

- Khung quản lý rủi ro

Trên cơ sở đề xuất tham mưu của UBQLRR, HĐQT Ngân hàng giám sát TGD trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro, xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

TGD giám sát các cá nhân, bộ phận trên cơ sở đề xuất tham mưu của HĐRR, ALCO, HĐQT trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách, quy định và quy trình quản lý rủi ro theo từng lĩnh vực quản lý.

VIB đã thiết lập chính sách quản lý rủi ro theo định hướng của HĐQT nhằm đảm bảo việc quản trị hiệu quả các rủi ro trọng yếu, tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu, các chỉ tiêu về thu nhập, chỉ tiêu nội bộ khác. Chính sách này được xây dựng dựa trên sự phù hợp lợi ích của cổ đông, chủ sở hữu; phù hợp với mức vốn tự có và mức độ sẵn có của các nguồn tăng vốn tự có của VIB; và được rà soát định kỳ nhằm kịp thời điều chỉnh, bảo đảm tính khả thi qua các chu kỳ kinh tế.

Mô hình 03 tuyến bảo vệ độc lập được áp dụng tuân thủ nhằm tăng cường quản lý rủi ro tại VIB. Trong đó tuyến bảo vệ thứ nhất là các Khối kinh doanh, các bộ phận có chức năng thực hiện các quyết định có rủi ro, các bộ phận có chức năng phân bổ hạn mức rủi ro, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro; tuyến bảo vệ thứ hai là các đơn vị có chức năng xây dựng chính sách rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro và tuân thủ quy định pháp luật; tuyến thứ ba là hệ thống kiểm toán nội bộ và các Phòng/Bộ phận khác thuộc BKS có chức năng kiểm toán nội bộ, điều tra nội bộ.

Thông qua các hoạt động đào tạo, các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý, VIB hướng đến việc phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính tích cực trong đó toàn bộ các nhân viên của VIB hiểu rõ được vai trò và nghĩa vụ của mình.

- Rủi ro tín dụng:

Danh mục tài sản có của VIB tập trung vào hoạt động cho vay khách hàng, chiếm tỷ trọng 69%, trong đó cho vay khách hàng cá nhân chiếm 82,4%, khách hàng doanh nghiệp chiếm 17,6%. Cho thấy chiến lược của VIB là chú trọng vào phân khúc bán lẻ, với các khoản vay tiêu dùng có TSBD chiếm hơn 90% tổng dư nợ cho vay, tỷ lệ dư nợ tiêu dùng tín chấp (thẻ tín dụng, vay tín chấp cá nhân) thấp, nhỏ hơn 10% tổng dư nợ cho vay khách hàng cá nhân. Do đó danh mục tín dụng của VIB có mức độ rủi ro tín dụng thấp và ít bị ảnh hưởng từ các biến động tiêu cực từ kinh tế vĩ mô hay dịch bệnh COVID-19 toàn cầu. VIB luôn đảm bảo tuân thủ các giới hạn cấp tín dụng quy định của NHNN, tỷ lệ dư nợ của 1 khách hàng trên vốn tự có của VIB thấp hơn rất nhiều so với ngưỡng giới hạn của NHNN là 15%.

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

Danh mục đầu tư chiếm tỷ trọng 15,74%, với mục tiêu chính là nắm giữ các tài sản có tính thanh khoản cao không có rủi ro tín dụng như trái phiếu Chính phủ, và đầu tư vào các tài sản có rủi ro tín dụng thấp như trái phiếu chứng chỉ tiền gửi được phát hành từ những TCTD uy tín cao trên thị trường.

Các danh mục còn lại gồm tiền gửi tại NHNN, tiền gửi và cho vay tại các TCTD để duy trì thanh khoản.

Bảng 20 – Phân loại tài sản tài chính tài ngày 31/12/2019, 31/12/2020, 30/06/2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

Danh mục	31/12/2018	%	31/12/2019	%	30/06/2020	%
Tiền gửi tại NHNN	-	-	19.040.311	10,37	18.793.718	9,33
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	8.415.605	6,18	4.011.859	2,19	8.109.221	4,02
Các CCTC phái sinh	-	-	-	-	14.521	0,01
Cho vay khách hàng	96.138.735	70,61	129.199.808	70,39	137.902.967	68,45
Hoạt động mua nợ	419.171	0,31	329.124	0,18	305.722	0,15
Chứng khoán đầu tư	28.718.803	21,09	27.924.549	15,21	31.701.922	15,74
Tài sản tài chính khác	2.455.993	1,80	3.044.313	1,66	4.645.678	2,31
<b>Tổng cộng</b>	<b>136.148.307</b>		<b>183.549.964</b>		<b>201.473.749</b>	

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019, BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng năm 2020 của VIB)

- Phân loại nợ

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Điều 10 Thông tư số 02/2013/TT-NHNN và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN.

Tại ngày 30/06/2020, tỷ lệ nợ xấu của VIB là 1,96%. VIB không có các khoản nợ xấu liên quan đến chứng khoán đầu tư, tiền gửi và cho vay các TCTD khác. Chi tiết phân loại tài sản có rủi ro tín dụng theo tình trạng nợ như sau:

Bảng 21 – Phân loại tình trạng nợ tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Cho vay khách hàng	Mua nợ	Chứng khoán đầu tư	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	Tổng cộng
Nợ đủ tiêu chuẩn	131.563.288	287.083	22.642.452	6.330.376	160.823.199
Nợ cần chú ý	3.072.355	8.433	-	-	3.080.788
Nợ dưới tiêu chuẩn	730.729	586	-	-	731.315
Nợ nghi ngờ	557.285	767	-	-	558.052
Nợ có khả năng mất vốn	1.979.310	11.230	-	-	1.990.540
<b>Tổng cộng</b>	<b>137.902.967</b>	<b>308.099</b>	<b>22.642.452</b>	<b>6.330.376</b>	<b>167.183.894</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng năm 2020)



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

Tại ngày 31/12/2019, tỷ lệ nợ xấu của VIB là 1,68%. VIB không có các khoản nợ xấu liên quan đến chứng khoán đầu tư, tiền gửi và cho vay các TCTD khác. Chi tiết phân loại tài sản có rủi ro tín dụng theo tình trạng nợ như sau:

Bảng 22 – Phân loại tình trạng nợ tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Cho vay khách hàng	Mua nợ	Chứng khoán đầu tư	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	Tổng cộng
Nợ đủ tiêu chuẩn	125.224.676	316.532	18.150.471	3.602.200	147.293.879
Nợ cần chú ý	1.438.590	310	-	-	1.438.900
Nợ dưới tiêu chuẩn	406.826	387	-	-	407.213
Nợ nghi ngờ	372.158	666	-	-	372.824
Nợ có khả năng mất vốn	1.757.558	11.229	-	-	1.768.787
Tổng cộng	129.199.808	329.124	18.150.471	3.602.200	151.281.603

(Nguồn: BCTC HN Kiểm toán năm 2019)

Tại ngày 31/12/2018, tỷ lệ nợ xấu của VIB là 2,19%. VIB không có các khoản nợ xấu liên quan đến chứng khoán đầu tư, tiền gửi và cho vay các TCTD khác. Chi tiết phân loại tài sản có rủi ro tín dụng theo tình trạng nợ như sau:

Bảng 23 – Phân loại tình trạng nợ tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Cho vay khách hàng	Mua nợ	Chứng khoán đầu tư	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	Tổng cộng
Nợ đủ tiêu chuẩn	92.543.983	401.977	12.918.531	1.691.974	107.556.465
Nợ cần chú ý	1.173.101	767	100.000	-	1.273.868
Nợ dưới tiêu chuẩn	242.532	2.649	-	-	245.181
Nợ nghi ngờ	386.230	1.113	-	-	387.343
Nợ có khả năng mất vốn	1.792.889	16.138	-	-	1.809.027
Tổng cộng	96.138.735	422.644	13.018.531	1.691.974	111.271.884

(Nguồn: BCTC HN Kiểm toán năm 2018)

- Rủi ro lãi suất:

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của ngân hàng do phát sinh: chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất; thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các CCTC khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn.



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng được đo lường, báo cáo và cảnh báo thường xuyên để có các biện pháp xử lý kịp thời, giảm thiểu và phòng ngừa rủi ro. VIB chủ động triển khai xây dựng các giải pháp phòng ngừa rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, bao gồm nhưng không giới hạn giao dịch kỳ hạn, giao dịch tương lai, giao dịch hoán đổi lãi suất và tiền tệ.

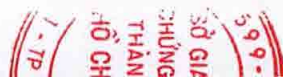
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Bảng 24 - Phân loại tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi theo thời hạn định lại lãi suất tại ngày 30/06/2020:

Đơn vị tính: triệu đồng

Tại ngày 30/06/2020	Quá hạn	Không hưởng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>									
Tiền mặt và vàng	-	1.419.719	-	-	-	-	-	-	1.419.719
Tiền gửi tại NHNN	-	-	18.793.718	-	-	-	-	-	18.793.718
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	7.359.469	89.387	660.365	-	-	-	8.109.221
Các CCTC phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	14.521	-	-	-	-	-	-	14.521
Cho vay khách hàng và hoạt động mua nợ - gộp	1.487.043	-	34.079.873	65.437.185	19.145.208	16.591.855	1.454.375	13.150	138.208.689
Chứng khoán đầu tư - gộp	2.000	12.000	500.269	1.271.500	7.334.137	16.071.686	4.448.993	2.061.337	31.701.922
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	137.274	-	-	-	-	-	-	137.274
Tài sản cố định	-	353.876	-	-	-	-	-	-	353.876
Tài sản có khác - gộp	-	5.404.854	-	-	-	-	-	-	5.404.854
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.489.043</b>	<b>7.342.244</b>	<b>60.733.329</b>	<b>66.798.072</b>	<b>27.139.710</b>	<b>32.663.541</b>	<b>5.903.368</b>	<b>2.074.487</b>	<b>204.143.794</b>
<b>Nợ phải trả</b>									
Tiền gửi và vay các TCTD	-	-	21.094.887	4.703.230	2.314.304	-	5.921.100	-	34.033.521
Tiền gửi của khách hàng	43.555	-	45.219.617	28.495.352	34.213.583	13.377.590	6.603.751	11	127.953.459
Vốn tài trợ, UTĐT, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	3.957	6.438	-	-	-	-	10.395
Phát hành giấy tờ có giá	3.305	-	-	-	1.100.000	468.000	18.249.987	-	19.821.292
Các khoản nợ khác	-	5.335.551	-	-	-	-	-	-	5.335.551
<b>Tổng cộng</b>	<b>46.860</b>	<b>5.335.551</b>	<b>66.318.461</b>	<b>33.205.020</b>	<b>37.627.887</b>	<b>13.845.590</b>	<b>30.774.838</b>	<b>11</b>	<b>187.154.218</b>
Mức chênh lệch cảm với lãi suất - nội bảng	1.442.183	2.006.693	(5.585.132)	33.593.052	(10.488.177)	18.817.951	(24.871.470)	2.074.476	16.989.576
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với Lãi suất của các tài sản và nợ phải trả (thuần)	-	-	(333.762)	357.911	-	-	(100)	(480)	23.569
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	1.442.183	2.006.693	(5.918.894)	33.950.963	(10.488.177)	18.817.951	(24.871.570)	2.073.996	17.013.145

(Nguồn: BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng năm 2020)



**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Bảng 25 - Phân loại tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi theo thời hạn định lại lãi suất tại ngày 31/12/2019:

Đơn vị tính: triệu đồng

Tại ngày 31/12/2019	Quá hạn	Không hưởng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>									
Tiền mặt và vàng	-	1.159.602	-	-	-	-	-	-	1.159.602
Tiền gửi tại NHNN	-	-	19.040.311	-	-	-	-	-	19.040.311
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	2.672.025	414.427	675.407	250.000	-	-	4.011.859
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cho vay khách hàng và hoạt động mua nợ - gộp	1.370.658	-	28.482.207	60.592.154	16.009.859	21.735.810	1.265.121	70.571	129.526.380
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	1.010.060	1.993.874	6.025.989	7.302.718	8.796.388	2.795.520	27.924.549
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	185.272	-	-	-	-	-	-	185.272
Tài sản cố định	-	365.109	-	-	-	-	-	-	365.109
Tài sản có khác - gộp	-	3.766.419	-	-	-	-	-	-	3.766.419
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.370.658</b>	<b>5.476.402</b>	<b>51.204.603</b>	<b>63.000.455</b>	<b>22.711.255</b>	<b>29.288.528</b>	<b>10.061.509</b>	<b>2.866.091</b>	<b>185.979.501</b>
<b>Nợ phải trả</b>									
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	11.930.312	6.706.819	4.301.496	33	4.286.450	-	27.225.110
Tiền gửi của khách hàng	-	-	41.487.721	30.854.575	30.728.047	12.596.523	6.639.045	51.133	122.357.044
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	2.426	-	-	-	-	-	-	2.426
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	799	9.903	-	-	-	-	10.702
Phát hành giấy tờ có giá	6.234	-	-	130.777	-	1.100.000	15.774.080	143.756	17.154.847
Các khoản nợ khác	-	4.351.712	-	-	-	-	-	-	4.351.712
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.234</b>	<b>4.354.138</b>	<b>53.418.832</b>	<b>37.702.074</b>	<b>35.029.543</b>	<b>13.696.556</b>	<b>26.699.575</b>	<b>194.889</b>	<b>171.101.841</b>
Mức chênh lệch cảm với lãi suất - nội bảng	1.364.424	1.122.264	(2.214.229)	25.298.381	(12.318.288)	15.591.972	(16.638.066)	2.671.202	14.877.660
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với Lãi suất của các tài sản và nợ phải trả (thuần)	-	-	(50)	(346.277)	348.369	-	-	-	2.042
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	1.364.424	1.122.264	(2.214.279)	24.952.104	(11.969.919)	15.591.972	(16.638.066)	2.671.202	14.879.702

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019)



Bảng 26 - Phân loại tài sản và công nợ theo thời hạn định lại lãi suất tại ngày 31/12/2018:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Tại ngày 31/12/2018	Quá hạn	Không hưởng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>									
Tiền mặt và vàng	-	1.098.117	-	-	-	-	-	-	1.098.117
Tiền gửi tại NHNN	-	-	2.473.941	-	-	-	-	-	2.473.941
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	7.974.480	217.591	223.534	-	-	-	8.415.605
Cho vay khách hàng và hoạt động mua nợ - gộp	1.556.471	-	23.978.552	42.898.821	11.384.038	15.456.321	1.259.587	24.116	96.557.906
Chứng khoán đầu tư - gộp	100.000	-	1.008.769	5.364.142	4.788.147	6.265.810	5.343.145	5.848.790	28.718.803
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	185.274	-	-	-	-	-	-	185.274
Tài sản cố định	-	350.758	-	-	-	-	-	-	350.758
Tài sản có khác - gộp	-	2.455.993	-	-	-	-	-	-	2.455.993
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.656.471</b>	<b>4.090.142</b>	<b>35.435.742</b>	<b>48.480.554</b>	<b>16.395.719</b>	<b>21.722.131</b>	<b>6.602.732</b>	<b>5.872.906</b>	<b>140.256.397</b>
<b>Nợ phải trả</b>									
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	19.315.160	3.245.176	3.375.519	42	4.296.625	-	30.232.522
Tiền gửi của khách hàng	-	-	34.217.735	17.155.981	21.775.853	8.170.557	3.540.373	2.130	84.862.629
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	20.471	-	-	-	-	-	-	20.471
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	799	10.807	36	1.427	6.749	-	19.818
Phát hành giấy tờ có giá	1.149	-	-	119.614	255.512	1.900.000	7.602.399	273.756	10.152.430
Các khoản nợ khác	-	3.210.701	-	-	-	-	-	-	3.210.701
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.149</b>	<b>3.231.172</b>	<b>53.523.694</b>	<b>20.531.578</b>	<b>25.406.920</b>	<b>10.072.026</b>	<b>15.446.146</b>	<b>275.886</b>	<b>128.498.571</b>
Mức chênh lệch cảm với lãi suất - nội bảng	1.655.322	858.970	(18.097.952)	27.948.976	(9.011.201)	11.650.105	(8.843.414)	5.597.020	11.757.826
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với Lãi suất của các tài sản và nợ phải trả (thuần)	-	-	(41.966)	(78.794)	60.634	36.963	2.803	-	(20.360)
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	1.655.322	858.970	(18.139.918)	27.870.182	(8.950.567)	11.687.068	(8.840.611)	5.597.020	11.737.466

*(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018)*

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

- Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Do ngân hàng duy trì tỷ lệ cân xứng giữa tài sản nợ và có ngoại tệ, tổng giá trị trạng thái ngoại hối ròng nắm giữ ở mức rất nhỏ so với vốn tự có, do vậy rủi ro ngoại hối tại VIB thấp.

Bảng 27 - Phân loại tài sản và nợ phải trả theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 30/06/2020:

Đơn vị tính: triệu đồng

Tại ngày 30/06/2020	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	320.512	63.147	76.226	459.885
Tiền gửi tại NHNN	1.483.325	1.303	-	1.484.628
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	727.654	465.519	343.606	1.536.779
Các CCTC phái sinh và các tài sản tài chính khác	15.478.538	-	-	15.478.538
Cho vay khách hàng (*)	2.813.516	-	-	2.813.516
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	604	-	-	604
Các tài sản Có khác (*)	1.474.172	437	2.620	1.477.229
<b>Tổng tài sản</b>	<b>22.298.321</b>	<b>530.406</b>	<b>422.452</b>	<b>23.251.179</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	15.427.621	-	2.677	15.430.298
Tiền gửi của khách hàng	5.288.619	524.927	405.840	6.219.386
CCTC phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	6.204	6.204
Các khoản nợ khác (*)	69.593	718	5.257	75.568
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>20.785.833</b>	<b>525.645</b>	<b>419.978</b>	<b>21.731.456</b>
Trạng thái tiền tệ nội bảng	1.512.488	4.761	2.474	1.519.723
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	(1.521.391)	(431)	2.784	(1.519.038)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(8.903)	4.330	5.258	685

(\*) Các khoản mục này không bao gồm các khoản dự phòng rủi ro

(Nguồn: BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng năm 2020)

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

Bảng 28 - Phân loại tài sản và nợ phải trả theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 31/12/2019:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tại ngày 31/12/2019	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	219.874	59.553	45.181	324.608
Tiền gửi tại NHNN	4.898.352	-	-	4.898.352
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	550.692	6.700	46.649	604.041
Các CCTC phái sinh và các tài sản tài chính khác	11.277.084	442.281	320.440	12.039.805
Cho vay khách hàng (*)	3.176.906	-	-	3.176.906
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	602	-	-	602
Các tài sản Có khác (*)	313.629	2.414	131	316.174
<b>Tổng tài sản</b>	<b>20.437.139</b>	<b>510.948</b>	<b>412.401</b>	<b>21.360.488</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	14.563.870	1.979	-	14.565.849
Tiền gửi của khách hàng	5.320.852	516.504	401.110	6.238.466
Các khoản nợ khác (*)	105.104	5.751	4.231	115.086
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>19.989.826</b>	<b>524.234</b>	<b>405.341</b>	<b>20.919.401</b>
Trạng thái tiền tệ nội bảng	447.313	(13.286)	7.060	441.087
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	(463.115)	14.398	(3.683)	(452.400)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(15.802)	1.112	3.377	(11.313)

(\*) Các khoản mục này không bao gồm các khoản dự phòng rủi ro

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019)



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

Bảng 29 - Phân loại tài sản và nợ phải trả theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 31/12/2018:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tại ngày 31/12/2018	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	277.582	51.180	43.015	371.777
Tiền gửi tại NHNN	7.681	-	-	7.681
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	804.228	3.861	60.995	869.084
Các CCTC phái sinh và các tài sản tài chính khác	12.134.490	452.047	261.952	12.848.489
Cho vay khách hàng (*)	4.197.704	-	-	4.197.704
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	604	-	-	604
Các tài sản Có khác (*)	282.178	1.337	69	283.584
<b>Tổng tài sản</b>	<b>17.704.467</b>	<b>508.425</b>	<b>366.031</b>	<b>18.578.923</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	14.108.847	1.280	-	14.110.127
Tiền gửi của khách hàng	5.007.149	523.309	405.931	5.9936.389
Các khoản nợ khác (*)	110.635	1.169	2.703	114.507
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>19.226.631</b>	<b>525.758</b>	<b>408.634</b>	<b>20.161.023</b>
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(1.522.164)	(17.333)	(42.603)	(1.582.100)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	2.277.836	20.869	50.452	2.349.156
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	755.671	3.536	7.849	767.056

(\*) Các khoản mục này không bao gồm các khoản dự phòng rủi ro

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018)

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

- Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là loại rủi ro do ngân hàng không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường.

Tất cả các sự kiện trong và ngoài VIB gây ra các ảnh hưởng trọng yếu đều được xem xét trong mối liên hệ với tính thanh khoản và nguy cơ rủi ro thanh khoản của Ngân hàng. Ngân hàng đảm bảo theo dõi trạng thái thanh khoản ngắn hạn (bao gồm cả trong ngày) và trung dài hạn, xác định các nguồn vốn và khả năng huy động nguồn vốn này để đảm bảo thanh khoản tại mọi thời điểm, dự báo các tình huống làm thay đổi bất thường thanh khoản và đề xuất các biện pháp xử lý kịp thời, hiệu quả. Đồng thời, VIB luôn duy trì lượng tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đáp ứng yêu cầu trong điều kiện hoạt động bình thường và điều kiện bất lợi về thanh khoản.

Ngân hàng định kỳ kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản, từ đó đánh giá tình hình tuân thủ các tỷ lệ rủi ro thanh khoản và đề xuất tới các cấp có thẩm quyền kế hoạch dự phòng thanh khoản trong trường hợp không đáp ứng được các yêu cầu về thanh khoản.

Dưới đây là các báo cáo chênh lệch kỳ hạn của các khoản mục tài sản có, tài sản nợ theo kỳ hạn hợp đồng trong đó hầu hết chứng khoán đầu tư là trái phiếu Chính phủ, tài sản có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi thành tiền nhằm đáp ứng nhu cầu chi trả của Ngân hàng trong điều kiện bình thường cũng như tình huống căng thẳng.

T. T.  
DỊCH  
ĐÁNH  
HỒ  
SƠ  
SINH  
CHỈ

Bảng 30 – Phân loại tài sản và công nợ theo thời gian tại ngày 30/06/2020:

Đơn vị tính: triệu đồng

Tại ngày 30/06/2020	Quá hạn		Trong hạn					Tổng
	Đến 3 tháng	Trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	-	1.419.719	-	-	-	-	1.419.719
Tiền gửi tại NHNN	-	-	18.793.718	-	-	-	-	18.793.718
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	7.359.469	89.387	660.365	-	-	8.109.221
Các CCTC phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	14.521	-	-	-	-	14.521
Cho vay khách hàng và hoạt động mua nợ (*)	271.923	1.215.120	4.076.361	9.566.776	29.068.478	53.461.905	40.548.126	138.208.689
Chứng khoán đầu tư (*)	2.000	-	570.269	653.000	21.733.322	6.669.993	2.073.338	31.701.922
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	-	137.274	137.274
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	353.876	353.876
Tài sản Có khác	-	-	1.480.417	-	3.924.437	-	-	5.404.854
<b>Tổng tài sản</b>	<b>273.923</b>	<b>1.215.120</b>	<b>33.714.474</b>	<b>10.309.163</b>	<b>55.386.602</b>	<b>60.131.898</b>	<b>43.112.614</b>	<b>204.143.794</b>
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	21.065.164	4.703.201	2.344.027	5.921.117	12	34.033.521
Tiền gửi của khách hàng	13.635	29.920	41.425.997	20.123.534	44.210.003	22.149.409	961	127.953.459
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	10.395	-	-	10.395
Phát hành giấy tờ có giá	-	3.305	-	-	468.000	19.349.987	-	19.821.292
Các khoản nợ khác	-	-	2.663.891	-	2.671.660	-	-	5.335.551
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>13.635</b>	<b>33.225</b>	<b>65.155.052</b>	<b>24.826.735</b>	<b>49.704.085</b>	<b>47.420.513</b>	<b>973</b>	<b>187.154.218</b>
Mức chênh thanh khoản	260.288	1.181.895	(31.440.578)	(14.517.572)	5.682.517	12.711.385	43.111.641	16.989.576

(Nguồn: BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng năm 2020)

(\*) Các khoản mục này không bao gồm các khoản dự phòng rủi ro



Bảng 31 – Phân loại tài sản và công nợ theo thời gian tại ngày 31/12/2019:

Đơn vị tính: triệu đồng

Tại ngày 31/12/2019	Quá hạn		Trong hạn					Tổng
	Đến 3 tháng	Trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	-	1.159.602	-	-	-	-	1.159.602
Tiền gửi tại NHNN	-	-	19.040.311	-	-	-	-	19.040.311
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	2.637.025	424.427	950.407	-	-	4.011.859
Cho vay khách hàng và hoạt động mua nợ (*)	1.196.948	173.710	3.549.674	8.641.280	26.521.518	51.510.122	37.933.128	129.526.380
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	150.061	1.202.874	11.925.759	10.850.335	3.795.520	27.924.549
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	-	185.272	185.272
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	365.109	365.109
Tài sản Có khác	-	-	1.489.018	-	2.277.401	-	-	3.766.419
Tổng tài sản	1.196.948	173.710	28.025.691	10.268.581	41.675.085	62.360.457	42.279.029	185.979.501
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	11.871.235	6.706.819	4.360.577	4.286.467	12	27.225.110
Tiền gửi của khách hàng	19.619	30.967	36.643.457	16.078.675	35.323.168	34.209.045	52.113	122.357.044
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	5.946	4.756	-	-	10.702
Phát hành giấy tờ có giá	6.234	-	-	130.777	-	15.874.080	1.143.756	17.154.847
Các khoản nợ khác	-	-	2.097.350	-	2.254.362	-	-	4.351.712
Tổng nợ phải trả	25.853	30.967	50.614.468	22.922.217	41.942.863	54.369.592	1.195.881	171.101.841
Mức chênh thanh khoản	1.171.095	142.743	(22.588.777)	(12.653.636)	(267.778)	7.990.865	41.083.148	14.877.660

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019)

(\*) Các khoản mục này không bao gồm các khoản dự phòng rủi ro

**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Bảng 32 – Phân loại tài sản và công nợ theo thời gian tại ngày 31/12/2018:

Đơn vị tính: triệu đồng

Tại ngày 31/12/2018	Quá hạn		Trong hạn					Tổng
	Đến 3 tháng	Trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	-	1.098.117	-	-	-	-	1.098.117
Tiền gửi tại NHNN	-	-	2.473.941	-	-	-	-	2.473.941
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	7.904.480	247.591	263.534	-	-	8.415.605
Cho vay khách hàng và hoạt động mua nợ (*)	1.432.952	123.519	2.875.246	5.904.401	19.018.567	40.782.386	26.420.835	96.557.906
Chứng khoán đầu tư (*)	100.000	-	369.669	3.397.142	8.515.345	9.447.950	6.888.697	28.718.803
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	-	185.274	185.274
Tài sản cố định	-	-	2	-	-	-	350.756	350.758
Tài sản Có khác	-	-	1.051.403	-	1.404.590	-	-	2.455.993
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.532.952</b>	<b>123.519</b>	<b>15.772.858</b>	<b>9.549.134</b>	<b>29.202.036</b>	<b>50.230.336</b>	<b>33.845.562</b>	<b>140.256.397</b>
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	19.216.768	3.245.175	3.413.322	4.357.215	42	30.232.522
Tiền gửi của khách hàng	4.030	10.993	31.000.746	7.949.272	18.416.312	27.479.006	2.270	84.862.629
Các công cụ tài chính phái sinh và các công cụ nợ tài chính khác	-	-	20.471	-	-	-	-	20.471
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	6.851	6.218	6.749	-	19.818
Phát hành giấy tờ có giá	919	230	-	119.614	1.055.512	7.702.339	1.273.756	10.152.430
Các khoản nợ khác	-	-	1.079.781	-	2.130.920	-	-	3.210.701
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>4.949</b>	<b>11.223</b>	<b>51.317.766</b>	<b>11.320.912</b>	<b>25.022.284</b>	<b>39.545.369</b>	<b>1.276.068</b>	<b>128.498.571</b>
Mức chênh thanh khoản	1.528.003	112.296	(35.544.908)	(1.771.778)	4.179.752	10.684.967	32.569.494	11.757.826

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018)

(\*) Các khoản mục này không bao gồm các khoản dự phòng rủi ro

### 3. THỊ TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG

#### Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính tại Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. Tại ngày 30/06/2020, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 163 ĐVKD bao gồm 01 ĐVKD tại Hội sở chính, 50 chi nhánh, 112 phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước và 01 công ty con. Toàn bộ các chi nhánh, phòng giao dịch đều thuộc lãnh thổ Việt Nam và phục vụ chủ yếu khách hàng trong nước.

#### Mạng lưới khách hàng, thị phần và khả năng cạnh tranh

Đối với cho vay, VIB là ngân hàng dẫn đầu về chất lượng và tốc độ tăng trưởng ở các mảng kinh doanh cốt lõi:

- Dư nợ cho vay khách hàng cá nhân và doanh nghiệp siêu nhỏ tại ngày 31/12/2019 đạt 108 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 46% so với cùng kỳ năm 2018.
- VIB là Ngân hàng dẫn đầu thị phần cho vay mua ô tô tại Việt Nam kể từ năm 2017, số 1 về tăng trưởng cho vay bán lẻ với tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt 60% trong giai đoạn 2017-2019.

Đối với huy động vốn, tổng huy động vốn năm 2019 của VIB đạt mức tăng trưởng 33%, đến từ việc thúc đẩy uy tín thương hiệu VIB, triển khai mạnh mẽ các chương trình chăm sóc khách hàng gửi tiền, duy trì giá huy động cạnh tranh, đầu tư mạnh mẽ vào con người và các kênh bán hàng.

Đối với thẻ tín dụng, VIB là một trong những Ngân hàng dẫn đầu về xu hướng phát triển thẻ tín dụng tại Việt Nam, có nhiều dòng thẻ với tính năng vượt trội, giúp VIB trở thành ngân hàng có chỉ số tăng trưởng phát hành thẻ và chỉ số chi tiêu trên thẻ trong nhóm dẫn đầu thị trường Việt Nam.

Đối với hoạt động bảo hiểm, VIB tiếp tục giữ vững vị trí số 1 thị trường về doanh số phân phối bảo hiểm qua kênh ngân hàng (Bancassurance) và số 1 về năng suất bán hàng trên 1 chi nhánh/phòng giao dịch. Bancassurance tăng trưởng 178% trong năm 2019, đưa đóng góp của VIB chiếm 82% doanh thu của Prudential qua kênh ngân hàng tại Việt Nam.

Đối với công nghệ ngân hàng kỹ thuật số, VIB tiếp tục đầu tư mạnh mẽ cho các ứng dụng MyVIB, internet banking, website vib.com.vn và công cụ bán hàng tự động, hướng tới trở thành ngân hàng công nghệ số tiên phong.



**4. CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ĐANG THỰC HIỆN**

STT	Tên dự án	Nội dung
1	Dự án xây dựng hệ thống Basel II mới và cơ sở dữ liệu rủi ro tập trung (Risk data mart)	Xây dựng hệ thống Basel II mới và cơ sở dữ liệu rủi ro tập trung (Risk data mart), nhằm đáp ứng các yêu cầu tính toán cho trụ cột 2 và phương pháp nâng cao, ngoài việc đảm bảo tuân thủ trụ cột 1 theo Thông tư số 41 và đáp ứng các yêu cầu phân tích dữ liệu danh mục rủi ro chuyên sâu. Tổng mức đầu tư: 32 tỷ đồng. Tiến độ thực hiện đến 30/06/2020: 10%.
2	Dự án ICAAP bao gồm xây dựng mô hình hành vi tiền gửi và kiểm thử sức chịu đựng thanh khoản	Xây dựng ICAAP (đánh giá mức độ đủ vốn nội bộ) theo quy định của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN (cột trụ thứ 2 theo Basel II). Xây dựng mô hình hành vi- tiền gửi và kiểm thử sức chịu đựng thanh khoản. Tổng mức đầu tư: 4 tỷ đồng. Tiến độ thực hiện đến 30/06/2020: 100%.
3	Dự án xây dựng mô hình thẻ điểm	Xây dựng mô hình thẻ điểm phê duyệt hạn mức cho khách hàng thẻ tín dụng và lộ trình triển khai mô hình rủi ro tín dụng theo phương pháp xếp hạng tín dụng nội bộ (cột trụ thứ 1 theo Basel II), bao gồm FIRB và AIRB. Tổng mức đầu tư: 10 tỷ đồng. Tiến độ thực hiện đến 30/6/2020: 60%.
4	Dự án hệ thống thẻ (Core Card)	Triển khai hệ thống thẻ mới thay thế hệ thống hiện tại nhằm dẫn đầu về công nghệ thẻ Tổng Mức đầu tư: 70 tỷ đồng. Tiến độ thực hiện đến 30/6/2020: 30%.
5	Dự án phát triển mạng lưới hoạt động	Phát triển mạng lưới khách hàng thông qua việc mở mới chi nhánh/phòng giao dịch, chuyển địa điểm, nâng cấp sửa chữa cơ sở hạ tầng. Tổng mức đầu tư: 268 tỷ đồng. Tiến độ thực hiện đến 30/06/2020: 45%.
6	Dự án quy trình cho vay khép kín (End to end credit solution)	Triển khai dự án quy trình cho vay khép kín, bao gồm 3 giai đoạn cho : Sản phẩm thẻ tín dụng, các sản phẩm cho vay khách hàng cá nhân và các sản phẩm cho vay khách hàng doanh nghiệp. Tổng mức đầu tư: 120 tỷ đồng. Tiến độ thực hiện đến 30/06/2020: 30%.
7	Dự án hệ thống phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố AML	Xây dựng hệ thống AML mới để đáp ứng các yêu cầu tích hợp , xử lý tự động khâu KYC khách hàng, kiểm soát giao dịch và hành vi đáng ngờ. Tổng mức đầu tư: 15 tỷ đồng. Tiến độ thực hiện đến 30/06/2020: 35%.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## 1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong hai (02) năm gần nhất và quý gần nhất:

## Kết quả kinh doanh hợp nhất:

Bảng 33 – Kết quả kinh doanh hợp nhất giai đoạn 2018 – 6 tháng 2020

Đơn vị tính: triệu đồng, %

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	% +/-2018	30/06/2020
Tổng giá trị tài sản	139.166.216	184.531.485	32,6%	202.369.814
Vốn chủ sở hữu	10.667.645	13.429.644	25,9%	15.215.596
Tổng thu nhập hoạt động	6.085.773	8.152.082	34,0%	4.814.647
Thu nhập lãi thuần	4.825.493	6.213.215	28,8%	3.701.427
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	734.745	1.797.300	144,6%	1.021.895
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối (*)	(25.871)	(121.708)	370,4%	(27.723)
Lãi thuần từ chứng khoán đầu tư	35.757	37.147	3,9%	81.577
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	535	1.766	230,1%	-
Lãi thuần từ hoạt động khác	515.114	224.362	(56,4%)	37.471
Chi phí hoạt động	(2.689.716)	(3.437.100)	27,8%	(2.036.908)
Chi phí tiền lương	(1.639.419)	(2.276.053)	38,8%	(1.446.876)
Chi phí khấu hao	(91.074)	(80.118)	(12,0%)	(43.267)
Chi phí hoạt động khác	(959.223)	(1.080.929)	12,7%	(546.765)
Lợi nhuận trước thuế	2.742.570	4.082.257	48,9%	2.356.467
Chi phí thuế TNDN	(548.649)	(815.855)	48,7%	(471.295)
% LNTT/ Tổng thu nhập hoạt động	45,1%	50,1%	5,0%	48,9%
Lợi nhuận sau thuế	2.193.921	3.266.402	48,9%	1.885.172
% LNST/ Tổng thu nhập hoạt động	36,1%	40,1%	4,0%	39,2%
ROAE	22,6%	27,1%	4,6%	26,3%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019, BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng năm 2020)

(\*) Thông tin chi tiết về hoạt động kinh doanh ngoại hối tại trang 44



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

### Kết quả kinh doanh riêng lẻ:

Bảng 34 – Kết quả kinh doanh hợp nhất giai đoạn 2018 – 6 tháng 2020

Đơn vị tính: triệu đồng, %

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	% +/-2018	30/06/2020
Tổng giá trị tài sản	139.295.819	184.660.969	32,6%	202.486.318
Vốn chủ sở hữu	10.644.070	13.405.666	25,9%	15.192.363
Tổng thu nhập hoạt động	6.048.782	8.101.690	33,9%	4.789.418
Thu nhập lãi thuần	4.812.968	6.202.587	28,9%	3.697.667
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	710.560	1.752.788	146,7%	995.721
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối (*)	(25.871)	(121.708)	370,4%	(27.723)
Lãi thuần từ chứng khoán đầu tư	35.757	37.147	3,9%	81.577
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	29.355	8.735	(70,2%)	5.262
Lãi thuần từ hoạt động khác	486.013	222.141	(54,3%)	36.941
Chi phí hoạt động	(2.633.256)	(3.388.969)	28,7%	(2.012.305)
Chi phí tiền lương	(1.607.142)	(2.235.208)	39,1%	(1.425.116)
Chi phí khấu hao	(90.863)	(79.945)	(12,0%)	(43.154)
Chi phí hoạt động khác	(935.251)	(1.073.816)	14,8%	(52.450)
Lợi nhuận trước thuế	2.762.039	4.079.996	47,7%	2.355.841
Chi phí thuế TNDN	(546.536)	(814.251)	49%	(470.117)
% LNTT/ Tổng thu nhập hoạt động	45,7%	50,4%	4,7%	49,2%
Lợi nhuận sau thuế	2.215.503	3.265.745	47,4%	1.885.724
% LNST/ Tổng thu nhập hoạt động	36,6%	40,3%	3,7%	39,4%
ROAE	22,9%	27,2%	4,3%	26,3%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2018, 2019, BCTC riêng lẻ soát xét 06 tháng năm 2020)

(\*) Thông tin chi tiết về hoạt động kinh doanh ngoại hối tại trang 44

### Tổng tài sản

Tổng tài sản của VIB tăng trưởng mạnh qua các năm: tăng trưởng năm 2019 và 06 tháng đầu năm 2020 lần lượt là 32,6% và 9,7%, qua đó đạt trên 202 nghìn tỷ đồng tại ngày 30/06/2020. Sự tăng trưởng này



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

chủ yếu đến từ việc tăng trưởng tín dụng, tập trung vào phân khúc khách hàng cá nhân, với các sản phẩm cốt lõi như cho vay mua nhà, mua ô tô.

Cụ thể, dư nợ cho vay của Khối ngân hàng bán lẻ đã tăng trưởng 46% trong năm 2019, tỷ trọng dư nợ tăng từ 73% cuối năm 2018 lên 82% tại cuối năm 2019. Trong 6 tháng đầu năm 2020, mặc dù tình hình kinh tế xã hội gặp nhiều khó khăn, hoạt động cho vay của Khối vẫn đạt tăng trưởng 7,5%. Đối với Khối khách hàng doanh nghiệp, VIB tập trung cho vay ngắn hạn, vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các sản phẩm cho vay chủ lực của VIB bao gồm:

- Cho vay mua nhà

Tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng của sản phẩm cho vay mua nhà của VIB luôn ở mức trên 45% trong 3 năm liên tiếp (96% năm 2017, 45% năm 2018 và 46% năm 2019), là một trong các ngân hàng dẫn đầu trên thị trường Việt Nam.

Với tiêu chí tiện lợi, nhanh chóng và an toàn cho khách hàng, sản phẩm cho vay mua nhà của VIB vẫn hướng tới phân khúc cho vay mua nhà sổ hồng và sổ đỏ, sản phẩm này chiếm hầu như toàn bộ danh mục cho vay mua nhà của VIB. Với định hướng sản phẩm này đã mang tới cho VIB một thị trường vững chắc, an toàn và không có giới hạn về việc đáp ứng nhu cầu mua nhà của người dân. Với việc đa dạng hóa sản phẩm cho vay mua nhà, VIB dành một phần danh mục của mình cho phân khúc nhà dự án với các chủ đầu tư uy tín và chất lượng.

Nhằm tăng cường trong việc quản trị rủi ro tín dụng theo chuẩn Basel II, VIB đã tăng cường việc kiểm soát chất lượng TSBĐ với việc sử dụng dịch vụ thẩm định giá trị tài sản của các đối tác có uy tín trên thị trường trong việc định giá tài sản thế chấp khi vay mua nhà. Ngoài ra với việc kết hợp với các đối tác - uy tín và chất lượng, cũng giúp VIB kiểm soát được mức độ rủi ro tiềm ẩn đối với các dự án trong ngành bất động sản. Với việc đảm bảo chất lượng tín dụng của sản phẩm cho vay mua nhà, đã đem đến cho VIB tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng của sản phẩm cho vay mua nhà lên trên 45% qua 3 năm liên tiếp.

- Cho vay mua ô tô

Cho vay mua ô tô của VIB chiếm tỷ trọng 35% trong tổng dư nợ ngân hàng bán lẻ, có tốc độ tăng trưởng trung bình 50% trong 2 năm 2018-2019, dẫn đầu chiếm 23% thị phần cho vay mua ô tô toàn thị trường.

Tự hào là một trong những ngân hàng tiên phong trong việc tạo nên một thị trường liên kết chặt chẽ và khép kín từ ngân hàng cho vay đến đại lý ô tô và khách hàng mua ô tô, VIB luôn nỗ lực phát triển sản phẩm để phù hợp với xu hướng mới của thị trường Việt Nam. Với định hướng rõ ràng, kết hợp với việc hiểu rõ nhu cầu và phân nhóm khách hàng theo điều kiện và mục đích vay, VIB đã chỉnh chu quy trình cho vay từ việc xây dựng chính sách sản phẩm cho vay mua ô tô cho đến việc phê duyệt và giải ngân nhanh chóng, rõ ràng và tiện lợi cho khách hàng.

Ngoài việc xây dựng chính sách và quy trình sản phẩm cho vay mua ô tô, việc thiết lập quan hệ đối tác kinh doanh với các đại lý bán xe có quy mô, uy tín và chất lượng của các thương hiệu lớn như Toyota, Thaco, Ford, Honda, Hyundai... điều này đã giúp củng cố thị phần của VIB đối với các sản phẩm ô tô thuộc phân khúc do VAMA quản lý chiếm hơn 23%, dẫn đầu thị phần cho vay mua ô tô trong ngành ngân hàng.

Tất cả các yếu tố đó đã góp phần củng cố vị thế dẫn đầu của VIB trong mảng cho vay mua ô tô so với các ngân hàng bạn.

- Thẻ tín dụng



## **BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

VIB kiên định với chiến lược dẫn đầu xu thế thẻ tín dụng với các ứng dụng công nghệ hiện đại lần đầu tiên có ở Việt Nam, các tính năng thẻ ưu việt, và là top 3 ngân hàng có chi tiêu trực tuyến qua thẻ cao nhất, đồng thời là ngân hàng có tốc độ tăng trưởng phát hành thẻ tín dụng trong nhóm cao nhất tại thị trường Việt Nam.

Trong năm 2019-2020, VIB đã triển khai và ra mắt các dòng thẻ tín dụng cũng như các gói dịch vụ mang tính sáng tạo, độc đáo và cũng là lần đầu tiên xuất hiện trên thị trường Việt Nam.

Mới đây VIB đã trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam ứng dụng thành công công nghệ cao vào thẩm định hồ sơ mở thẻ tín dụng trong thời gian ngắn và hoàn toàn trên Internet. Với sự kiện này, VIB cũng thiết lập thời gian kỷ lục trong trải nghiệm đăng ký mở thẻ tín dụng của khách hàng tại Việt Nam: chỉ 5 phút điển thông tin và 15 đến 30 phút phê duyệt là có ngay hạn mức thẻ tín dụng đến 200 triệu đồng, nhanh hơn gấp 500 lần thời gian trung bình của quy trình thông thường trên thị trường hiện nay mà không cần gặp gỡ, không cần nhân viên kinh doanh, không cần người phê duyệt, không cần chứng minh thu nhập cũng không cần giấy tờ liên quan khác. Quy trình chấm điểm tín dụng cho khách hàng thực hiện 100% tự động với công nghệ Big Data và AI trên nền tảng 100% thông tin đến từ hơn 50 triệu dữ liệu khách hàng mạng viễn thông và các mạng xã hội hàng đầu như Zalo, Facebook,... Đây có thể xem là bước ngoặt về công nghệ trong trải nghiệm của người dùng thẻ Việt Nam và là cú hích mạnh mẽ thúc đẩy số hóa ngân hàng trên hành trình hướng tới một xã hội không tiền mặt tại Việt Nam.

VIB đã triển khai thử nghiệm dự án ứng dụng công nghệ Big Data và AI với dòng thẻ Online Plus từ tháng 01/2020 và vừa chính thức công bố thành công sau hơn 06 tháng với nhiều lần cải tiến và hoàn thiện. Đây là dòng thẻ chuyên dụng cho mua sắm trực tuyến với tính năng hoàn tiền đến 6% cho giao dịch online và miễn phí bảo hiểm giao dịch gian lận thẻ lên đến 105 triệu đồng/năm.

Cùng với việc tăng trưởng tín dụng và tài sản, VIB vẫn kiểm soát tốt các yếu tố an toàn và thanh khoản. Tỷ lệ nợ xấu của Ngân hàng tại ngày 30/06/2020 là 1,96%, thấp hơn nhiều so với mức yêu cầu 3% của NHNN. CAR tại ngày 30/06/2020 đạt 9,69% theo Thông tư 41 so với mức tối thiểu 8% của NHNN. LDR và tỷ lệ cho vay trung dài hạn bằng nguồn vốn ngắn hạn luôn tuân thủ theo quy định của NHNN.

### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu của VIB trong năm 2019 tăng 25,9% và 6 tháng đầu năm 2020 tăng 13,3%, chủ yếu đến từ nguồn lợi nhuận đạt được của Ngân hàng. Chính nhờ hiệu quả kinh doanh tốt đã tạo ra nguồn lợi nhuận tăng trưởng ổn định trong các năm qua, liên tục bổ sung vào quy mô vốn của Ngân hàng và hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh.

### **Tổng thu nhập hoạt động thuần**

Tổng thu nhập hoạt động thuần của VIB trong năm 2019 tăng trưởng 34% và 6 tháng đầu năm 2020 tăng trưởng 31% so với cùng kỳ, kết quả này đạt được đến từ chiến lược tập trung phát triển mảng bán lẻ của Ngân hàng trong thời gian qua. Trong đó, nhờ quy mô kinh doanh liên tục tăng trưởng, tập trung phân khúc cho vay mua nhà, mua ô tô,... thu nhập lãi thuần của VIB đã tăng trưởng 29% trong năm 2019 và 27% so với cùng kỳ trong 6 tháng 2020. Ngoài ra, Ngân hàng chú trọng đa dạng hóa nguồn thu nhập với các sản phẩm, dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân như thẻ tín dụng, bancassurance... lãi thuần từ hoạt động dịch vụ năm 2019 tăng trưởng 145%, góp phần thúc đẩy tỷ trọng thu nhập ngoài lãi thuần của của Ngân hàng tăng lên từ 20,7% năm 2018 lên trên 23% trong năm 2019 và 06 tháng 2020.

### **Lợi nhuận**

Với tổng thu nhập tăng 34% và 31% trong năm 2019 và 06 tháng đầu năm 2020, chi phí hoạt động tăng tương ứng 28% và 34%, trong đó chi phí nhân sự tăng tương ứng là 39% và 52%. Trong khi năm 2019 tốc độ tăng doanh thu cao hơn tốc độ tăng chi phí, thì 06 tháng đầu năm 2020 tốc độ tăng chi phí cao

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

hơn doanh thu. Nguyên nhân đến từ việc doanh thu quý 2 bị ảnh hưởng một phần do COVID-19 trong khi Ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào nhân sự, cơ cấu lại theo hướng tăng thu nhập của nhân viên bán hàng đồng thời tăng số lượng nhân viên tại chi nhánh nhằm tăng cường lực lượng bán hàng để tăng trưởng dư nợ và huy động cũng như sản phẩm bancassurance và thẻ tín dụng cho các quý sau. Tuy nhiên, tỷ lệ chi phí trên doanh thu vẫn được kiểm soát tốt ở mức giảm từ 44% năm 2018 về 42% năm 2019 và 06 tháng đầu năm 2020.

Lợi nhuận của VIB tăng trưởng bền vững qua các năm, trong đó lợi nhuận năm 2019 tăng 48,9%, 06 tháng đầu năm 2020 tăng trưởng 29,5% so với cùng kỳ. Kết quả này đạt được nhờ tăng trưởng quy mô kinh doanh và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, thúc đẩy tăng trưởng tổng thu nhập hoạt động của Ngân hàng. ROAE tăng từ 22,6% năm 2018 lên 27,1% năm 2019 và 26,3% 06 tháng đầu năm 2020.



## **2. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG TRONG NĂM BÁO CÁO**

### **Thuận lợi**

Tình hình kinh tế vĩ mô trong thời gian qua đã mang lại một số thuận lợi, tạo điều kiện cho các ngân hàng phát triển, trong đó có VIB:

- GDP tiếp tục được ghi nhận ở mức ổn định và đạt 7,02% trong năm 2019.
- Chính phủ gần đây đã thực hiện các biện pháp để tăng cường nền kinh tế Việt Nam và định hướng phát triển bền vững lâu dài. Ví dụ, Nghị quyết số 69/2018/QH14 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 thông qua ngày 08/11/2018, đã đề ra các biện pháp để ổn định nền kinh tế Việt Nam, kiểm soát lạm phát và tăng trưởng kinh tế, bao gồm:
  - Điều hành lãi suất phù hợp với điều kiện kinh tế vĩ mô;
  - Đảm bảo đủ thanh khoản trong hệ thống ngân hàng;
  - Quản lý chặt chẽ và nâng cao chất lượng tín dụng;
  - Đảm bảo đủ cơ chế quản lý rủi ro trong hệ thống ngân hàng; đẩy nhanh việc xử lý nợ xấu và cơ cấu lại TCTD;
  - Quản lý các TCTD yếu bằng các nguyên tắc thị trường và không phụ thuộc vào sự hỗ trợ và trợ cấp trực tiếp của Chính phủ;
  - Quản lý chặt chẽ hơn các quỹ của Chính phủ; và
  - Kiểm soát chặt chẽ hơn về hoạt động của các TCTD và các doanh nghiệp nhà nước.

Sự hội nhập kinh tế quốc tế cũng mang lại rất nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp không những hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh mà còn trong lĩnh vực dịch vụ tài chính – ngân hàng, trong đó có VIB:

- Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng là cơ hội để nhiều tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới tìm đến Việt Nam để đầu tư. Kết quả là thu hút FDI của Việt Nam liên tục duy trì mức tăng trưởng ấn tượng trong những năm gần đây. Do đó, các dịch vụ ngân hàng đi kèm như thanh toán quốc tế, mua bán ngoại tệ, L/C... sẽ được hưởng lợi từ xu thế này. Hội nhập quốc tế cũng sẽ tạo cơ hội nâng cao năng lực và hiệu quả điều hành và thực thi chính sách tiền tệ; đổi mới cơ chế kiểm soát tiền tệ, lãi suất, tỉ giá theo nguyên tắc thị trường; cho phép các ngân hàng cơ hội trao đổi thông tin và ngăn ngừa rủi ro, qua đó hạn chế biến động của thị trường quốc tế và đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng Việt Nam. Đổi lại, hệ thống ngân hàng thương mại và thị trường tiền tệ hoạt động an toàn và hiệu quả sẽ tạo thuận lợi cho việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả của các chính sách tiền tệ; thúc đẩy cải cách thể chế, hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan quản lý tài chính;
- Quá trình tái cơ cấu ngành ngân hàng, xử lý nợ xấu đạt được nhiều thành công: Sau giai đoạn đầu của quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thì đến nay về cơ bản các ngân hàng đã và đang trên đà tăng trưởng trở lại. Kết quả này có được là nhờ có sự chỉ đạo quyết liệt của NHNN trong việc xử lý nợ xấu và các ngân hàng yếu kém. Trong đó, đáng chú ý là việc NHNN đã chủ động làm việc với Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Công an nhằm tìm kiếm các giải pháp giúp các ngân hàng có thể đẩy nhanh quá trình xử lý TSBĐ đối với các khoản nợ xấu.

Trong các năm qua, VIB tiếp tục tập trung vào việc quản trị rủi ro tín dụng với những nỗ lực lớn trong việc quản lý nợ xấu:



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

- Rủi ro tín dụng được nhận diện sớm, kiểm soát, xử lý qua các công cụ phân tích dữ liệu hệ thống. Các chốt kiểm soát, vùng rủi ro nhận dạng được sẽ qua các phòng chức năng để đo lường, đánh giá, xử lý sớm cũng như phân tích nguyên nhân phát sinh để có các giải pháp giảm thiểu, ngăn ngừa phát sinh từ góc độ hệ thống, quy trình, chính sách;
- Hoạt động thu hồi nợ: VIB thực hiện thu hồi nợ tập trung tại Trung tâm Quản lý nợ khách hàng cá nhân và Trung tâm Quản lý nợ khách hàng doanh nghiệp, đảm bảo rằng các khoản nợ từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 đều được quản lý bởi sự phối hợp giữa các Trung tâm Quản lý nợ cùng các bộ phận thuộc Khối Khách hàng Doanh nghiệp và Khối Ngân hàng Bán lẻ. Hoạt động thu hồi, xử lý nợ được tổ chức thực hiệu quả, nợ xấu duy trì ở mức thấp, đến ngày 31/12/2019 là 1,68 %, giảm 0,64% so với cùng kỳ năm 2018.

### Khó khăn

Sự hội nhập kinh tế quốc tế cũng mang lại rất nhiều cơ hội, tuy nhiên cũng mang lại nhiều thách thức cho hệ thống ngân hàng Việt Nam. Cùng với quá trình này, mức độ xâm nhập hoạt động ngân hàng của các quốc gia vào thị trường Việt Nam sẽ tăng lên đáng kể. Tính đến hết năm 2019, tại Việt Nam có 09 ngân hàng 100% vốn nước ngoài, 04 ngân hàng liên doanh và 44 chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Các ngân hàng nước ngoài với những ưu thế nhất định về cơ sở vật chất, kinh nghiệm quản lý, độ tin nhiệm, khả năng tiếp cận vốn dồi dào với lãi suất thấp có thể sẽ thu hút, giành được các khách hàng truyền thống từ các ngân hàng thương mại trong nước như VIB.

Cạnh tranh trong cung ứng các dịch vụ ngân hàng khi hội nhập kinh tế càng ngày trở nên khốc liệt và phức tạp hơn. Mức độ cạnh tranh ngày càng cao đã buộc các ngân hàng Việt Nam phải nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động, dẫn tới nhu cầu cần thiết về việc đầu tư công nghệ hiện đại và phát triển nguồn nhân lực để tạo lập cơ sở hạ tầng cần thiết cho phát triển sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, chủ động đối mặt với những thách thức của quá trình hội nhập.

Riêng từ đầu năm 2020, hoạt động tài chính – ngân hàng nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn nền kinh tế còn chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19:

- Dư nợ tín dụng toàn hệ thống trong 06 tháng đầu năm chỉ đạt 3,26%, thấp nhất trong khoảng 15 năm gần đây. Nguyên nhân chính là do nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp và người dân, hộ gia đình thấp (mặc dù các NHTM đã đồng loạt hạ lãi suất, đồng thời tung ra các gói tín dụng ưu đãi, đẩy mạnh khâu kết nối ngân hàng – doanh nghiệp);
- Trước những diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19, NHNN đã triển khai kịp thời các giải pháp chính sách như: Điều hành linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, tỷ giá, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ, giảm đồng thời các mức lãi suất điều hành để hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, miễn, giảm phí thanh toán; tập trung thực hiện các giải pháp nhằm kiểm soát lạm phát, duy trì ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối, ổn định kinh tế vĩ mô. Các chính sách giúp ổn định và khôi phục dần nền kinh tế trong trước mắt, tuy nhiên sẽ ảnh hưởng mạnh đến kết quả kinh doanh của hệ thống tài chính – ngân hàng.

Tình hình kinh tế vĩ mô trong thời gian tới đối mặt với nhiều thách thức ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng tín dụng và hệ thống ngân hàng:

- Tăng trưởng GDP ở mức thấp nhất từ năm 2011 đến nay, dù một số lĩnh vực có dấu hiệu phục hồi sau dịch bệnh. Theo Tổng cục Thống kê, lũy kế 06 tháng đầu năm 2020, GDP tăng 1,81%, là mức tăng trưởng 06 tháng thấp nhất từ năm 2011;



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

- Áp lực lạm phát vẫn cao dù nhiều nhóm hàng hóa giảm giá. Chỉ số CPI tháng 06 tăng 0,66% so với tháng 5 và bình quân 06 tháng năm 2020 tăng 4,19% so với cùng kỳ năm 2019 và ở mức cao nhất trong vòng 06 năm;
- Xuất nhập khẩu giảm nhẹ, mặc dù xuất siêu cao nhất trong vòng 04 năm. Theo nhóm nghiên cứu, mặc dù dịch COVID-19 còn diễn biến phức tạp tại nhiều thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam song với những bước đi đúng hướng của doanh nghiệp Việt Nam trong đa dạng hóa thị trường và phát triển thương mại điện tử; cùng với đó là hiệp định EVFTA sẽ chính thức có hiệu lực từ ngày 01/08/2020 và kỳ vọng dịch bệnh sẽ dần được kiểm soát trên phạm vi toàn thế giới... hoạt động xuất nhập khẩu dự báo sẽ có sự hồi phục tốt hơn trong 06 tháng cuối năm 2020. Cán cân thương mại năm 2020 dự kiến tiếp tục duy trì trạng thái tích cực, dự báo xuất siêu khoảng 08-10 tỷ USD;
- Vốn FDI đăng ký và giải ngân chưa đúng với tiềm năng mặc dù có sự dịch chuyển đầu tư và sản xuất của một số công ty lớn nước ngoài vào Việt Nam;
- Hoạt động doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Dự báo trong nửa cuối năm 2020, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp dự kiến vẫn gặp nhiều thách thức trong bối cảnh dịch bệnh vẫn khó lường, chưa kiểm soát trên phạm vi thế giới.

Để nâng cao sức cạnh tranh, cũng như thích nghi với những diễn biến của thị trường hoạt động, VIB đã chú trọng phát triển đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ và kênh phân phối tới khách hàng:

- Đối với lĩnh vực cho vay, cho vay mua nhà và mua ô tô là 2 thế mạnh của VIB. Với tiêu chí tiện lợi, nhanh chóng và an toàn cho khách hàng, sản phẩm cho vay mua nhà của VIB hướng tới phân khúc cho vay mua nhà sổ hồng và sổ đỏ, sản phẩm này chiếm hầu như toàn bộ danh mục cho vay mua nhà của VIB. Với định hướng sản phẩm này đã mang tới cho VIB một thị trường vững chắc, an toàn và không có giới hạn về việc đáp ứng nhu cầu mua nhà của người dân. Với việc đa dạng hóa sản phẩm cho vay mua nhà, VIB dành một phần danh mục của mình cho phân khúc nhà dự án với các chủ đầu tư uy tín và chất lượng. Đối với cho vay mua ô tô, VIB là một trong những ngân hàng tiên phong về sản phẩm này khi thị trường ô tô Việt Nam mới phát triển. Việc xây dựng chính sách sản phẩm cho vay ô tô, hiểu rõ nhu cầu và phân nhóm khách hàng theo các điều kiện mục đích vay và khả năng tài chính, giúp VIB có quy trình phê duyệt nhanh chóng, rõ ràng và tiện lợi với khách hàng, từ đó gia tăng khả năng bán hàng cao hơn so với các ngân hàng cạnh tranh, cùng việc thiết lập quan hệ đối tác kinh doanh với các đại lý bán xe ô tô từ rất sớm đã giúp VIB xây dựng được hệ thống điểm bán rộng lớn với mạng lưới rộng khắp ở tất cả các thương hiệu xe lớn như Toyota, Thaco, Ford, Honda, Hyundai...
- Đối với Bancassurance, đây là một trong những sản phẩm có tốc độ tăng trưởng cao nhất. VIB đã kết hợp cùng Prudential, công ty hàng đầu trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ trên thế giới, để đưa ra các sản phẩm bảo hiểm đáp ứng nhu cầu linh hoạt của khách hàng, như nhu cầu bảo vệ, nhu cầu đầu tư và bảo vệ, nhu cầu chăm sóc sức khỏe của bản thân và gia đình. Các sản phẩm bảo hiểm của Prudential được VIB phân phối bao gồm:
  - Pru Đầu tư linh hoạt: Giải pháp đầu tư có cơ hội sinh lợi cao kết hợp bảo vệ tài chính gia đình.
  - Pru Bảo vệ tối ưu: Giải pháp bảo vệ tài chính trước 99 bệnh lý nghiêm trọng.
  - Bảo hiểm sức khỏe VIB Care: Giải pháp chăm sóc sức khỏe toàn diện.
  - Pru An tâm trọn đời: Giải pháp bảo vệ và quản lý tài chính.
  - Pru Cuộc sống bình an: Giải pháp bảo vệ trước bệnh hiểm nghèo.
  - Pru Tương lai tươi sáng: Giải pháp tài chính thực hiện kế hoạch học vấn toàn diện cho con.



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

Nhờ sự hợp tác với Prudential, doanh thu danh thu hoa hồng p tác với coa hth đã tăng có sắc với Prudential, d hoạch học vấn t

Bảng 35 – Doanh thu dịch vụ hoa hồng bảo hiểm qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2017	2018	2019
Doanh thu dịch vụ hoa hồng bảo hiểm	79.170	239.888	1.111.629

Điều này đến từ các nguyên nhân như:

- Tăng trưởng trong số lượng hợp đồng bán mới trong năm 2019 tăng thêm 2,5 lần so với năm 2018, và giá trị từng hợp đồng tăng hơn 17%. Điều này đến từ việc xây dựng, đào tạo và trang bị cho đội ngũ bán hàng vốn kiến thức và am hiểu sâu về sản phẩm bảo hiểm để có thể tư vấn theo nhu cầu của từng nhóm khách hàng tại VIB;
  - VIB liên tiếp vượt các mốc doanh số do Prudential đặt ra dẫn đến thưởng doanh số năm 2019 tăng gấp hơn 5 lần so với năm 2018;
  - Doanh thu hoa hồng bảo hiểm không chỉ đến từ việc bán bảo hiểm năm đầu tiên mà còn đến từ việc các khách hàng tiếp tục gia hạn hợp đồng các năm tiếp theo.
- Đối với công nghệ ngân hàng kỹ thuật số, VIB tiếp tục đầu tư mạnh mẽ cho các ứng dụng MyVIB, Internet Banking, website vib.com.vn, công cụ bán hàng thông minh và Facebook Chatbot, hướng tới trở thành ngân hàng công nghệ số tiên phong:
    - MyVIB: VIB đẩy mạnh việc mở rộng hệ sinh thái thanh toán số thông qua MyVIB bằng việc kết nối với các trung gian thanh toán lớn trong nước như Napas, VnPay, Payoo; các công ty Fintech như Momo, Airpay, Moca, VinID... đưa con số các nhà cung cấp dịch vụ lên đến hơn 100 đơn vị. VIB cũng là đơn vị tiên phong hợp tác với các công ty khởi nghiệp tiêu dùng như GotIT, Urbox... để mang đến những giải pháp công nghệ mới đón đầu xu thế tiêu dùng thời công nghệ số dành cho khách hàng. Bên cạnh đó, chiến lược số hóa các quy trình sản phẩm, dịch vụ cung ứng cho khách hàng trên MyVIB cũng tiếp tục được đẩy mạnh bằng việc phát triển hàng loạt các dịch vụ trực tuyến như: Tra soát giao dịch trực tuyến với thời gian phản hồi nhanh kỷ lục; Gói công nghệ Smart Card; Dịch vụ theo dõi khoản vay, thông báo lịch trả nợ giúp khách hàng chủ động theo dõi và kiểm tra lịch trả nợ của mình, tránh tình trạng quên và xảy ra nợ quá hạn;
    - Website: VIB được hoàn thiện và ra đời đầu năm 2019 và là cổng thông tin và đăng ký sản phẩm điện tử chính thức của VIB trên nền tảng số. Website mới được thay đổi toàn bộ cấu trúc với thông tin được sắp xếp một cách khoa học, tích hợp các công cụ tính toán thông minh, thông tin đa dạng để hỗ trợ khách hàng tối đa trong việc tìm kiếm các sản phẩm, dịch vụ phù hợp với nhu cầu của mình. Bên cạnh đó, quy trình đăng ký dịch vụ và hỗ trợ trong vòng 5 phút đã phát huy được sự ưu việt của mình khi đưa Website là một trong những kênh bán hàng hiệu quả của VIB với các sản phẩm Ngân hàng giao dịch như Tài khoản thanh toán, Thẻ thanh toán, Thẻ tín dụng hay ứng dụng Ngân hàng số MyVIB. Ngoài ra, Website cũng là nền tảng công nghệ số chính cho các chiến dịch Marketing lớn của Ngân hàng về các sản phẩm thẻ tín dụng, Ngân hàng giao dịch hay Tiết kiệm, giúp khách hàng có thể tìm hiểu nội dung chương trình, đăng ký tham gia và thực hiện quay số trúng thưởng đơn giản;
    - Công cụ bán hàng thông minh (Smart Sales): Là ứng dụng hỗ trợ bán hàng được thiết kế và phát triển dành riêng cho các cán bộ kinh doanh trực tiếp của VIB với mục tiêu tiên quyết là số hóa tối đa các hoạt động của nhân viên kinh doanh, cải thiện năng suất bán hàng, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và phục vụ khách hàng, hỗ trợ bán hàng nhanh hơn, dễ dàng và hiệu quả hơn. Smart

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

Sales được hoàn thiện và chính thức ra mắt thí điểm nội bộ cho một số chi nhánh chọn lọc từ tháng 8/2019 với một số tính năng nổi bật như: Luôn luôn cập nhật các chính sách sản phẩm dịch vụ, ưu đãi, chính sách khách hàng cũng như các thông tin tổng thể về VIB một cách nhanh chóng, đồng thời thông báo ngay cho nhân viên kinh doanh; Hệ thống hỗ trợ lưu và xử lý dữ liệu tự động trên nhiều hệ thống nội bộ tương ứng, giảm thiểu các thao tác nhập liệu thủ công của nhân viên kinh doanh; Cho phép nhân viên kinh doanh quản lý và theo dõi hồ sơ khách hàng cũng như chủ động chỉnh sửa, bổ sung thông tin và được cập nhật kết quả, trạng thái xử lý hồ sơ ngay khi có thay đổi; Áp dụng công nghệ hiện đại với quy trình xác thực khách hàng trực tuyến eKYC, giúp nhân viên kinh doanh tiếp cận và quản lý hồ sơ khách hàng một cách hiệu quả và chính xác hơn; Cập nhật kết quả kinh doanh dựa trên đóng góp của 5 quý gần nhất cho từng chỉ tiêu bán hàng, giúp nhân viên kinh doanh theo dõi và có động lực nâng cao năng suất bán hàng của chính mình;

- Facebook Chatbot: Từ năm 2019, VIB cũng bắt đầu khai thác thêm kênh bán và hỗ trợ khách hàng trên nền tảng mạng xã hội Facebook với việc cho ra mắt Facebook Chatbot trên Fanpage của VIB. Chatbot của VIB bước đầu được sử dụng trong việc xử lý các tác vụ đơn giản. Chatbot sẽ được tiếp tục hoàn thiện trong năm 2020 và kỳ vọng trở thành một trong những kênh giao dịch thay thế hiệu quả trên nền tảng công nghệ số.



## **VỊ THẾ CỦA NGÂN HÀNG**

### **1. VỊ THẾ CỦA VIB SO VỚI CÁC NGÂN HÀNG KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH**

#### **Vị thế của Ngân hàng trong ngành**

VIB là một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu tại Việt Nam. Sau hơn 20 năm thành lập, VIB đã đạt được những bước phát triển vượt bậc. Với số vốn điều lệ ban đầu là 50 tỷ đồng, đến năm 2019 vốn điều lệ đã tăng 185 lần lên mức 9.245 tỷ, tổng tài sản đạt 184.531 tỷ đồng, tăng 33% so với năm 2018 và đạt 101% kế hoạch ĐHCĐ giao. Chiến lược dài hạn mà Ban lãnh đạo của Ngân hàng đề ra là đưa VIB trở thành Ngân hàng bán lẻ có quy mô và chất lượng trên thị trường bằng sự tập trung vào khách hàng, sản phẩm, chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh phát triển ngân hàng số (digital banking) thông qua ứng dụng MyVIB, nền tảng bán hàng trực tuyến kết hợp với hệ thống 50 chi nhánh và 112 phòng giao dịch có mô hình vận hành tối ưu.

Về tốc độ tăng trưởng, VIB là Ngân hàng bán lẻ có tốc độ tăng trưởng tín dụng cá nhân cao và chất lượng hàng đầu thị trường. VIB tập trung vào phân khúc khách hàng có chất lượng, có TSBĐ tốt, có tiềm năng sử dụng nhiều sản phẩm của ngân hàng. VIB cũng là ngân hàng dẫn đầu về tăng trưởng bán lẻ đối với các sản phẩm chủ lực như cho vay mua nhà, thẻ tín dụng, ngân hàng số MyVIB, đồng thời là ngân hàng có thị phần cho vay mua ô tô lớn nhất cả nước và doanh số bán bảo hiểm nhân thọ số 1 thị trường.

Bên cạnh đó, VIB luôn chú trọng trong lĩnh vực quản trị rủi ro, đầu tư mạnh vào hệ thống phê duyệt tín dụng, hệ thống phòng, chống rửa tiền, và luôn luôn đảm bảo các hệ số an toàn trong hoạt động theo quy định của NHNN. VIB là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam hoàn thành cả 3 trụ cột Basel II, được công bố vào ngày 19/12/2019.

Với thành công này, VIB tiếp tục thu hút sự chú ý của giới tài chính, đầu tư, cũng như sự tin tưởng của khách hàng. Cụ thể, trong năm 2019, chỉ số tín nhiệm tiền gửi, nhà phát hành nợ nội tệ và ngoại tệ dài hạn của VIB đã được nâng lên một bậc theo báo cáo xếp hạng tín nhiệm một số ngân hàng Việt Nam của Moody's.

### **2. TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH NGÂN HÀNG GIAI ĐOẠN TỚI**

Năm 2019, cuộc cạnh tranh thương mại giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới Mỹ - Trung cùng những diễn biến chính trị phức tạp ở phần còn lại của thế giới khiến kinh tế toàn cầu đối mặt với tương lai bấp bênh. Năm 2020, đại dịch COVID-19 bắt đầu lan rộng ra thế giới từ tháng 12/2019 ảnh hưởng lên toàn bộ kinh tế Thế giới, nền kinh tế thế giới lại chao đảo và tiếp tục suy thoái.

Đối với Việt Nam, dù Chính phủ sớm kiểm soát tốt dịch bệnh nhưng tình hình kinh tế - xã hội cũng vẫn chịu ảnh hưởng từ đại dịch. Năm 2020, Chính phủ dự kiến GDP tăng trưởng khoảng 4,5 - 5,4%, giảm 1,5 - 2,5% so với mục tiêu trước đó. Hoạt động doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn khi số doanh nghiệp thành lập mới trong 05 tháng đầu năm suy giảm rõ nét (số doanh nghiệp thành lập mới giảm 10,5% và vốn đăng ký giảm 16,7% so với cùng kỳ) trong khi số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động tăng lên (tăng 36,4% so với cùng kỳ, cao hơn mức tăng 19,4% của kỳ năm 2019).

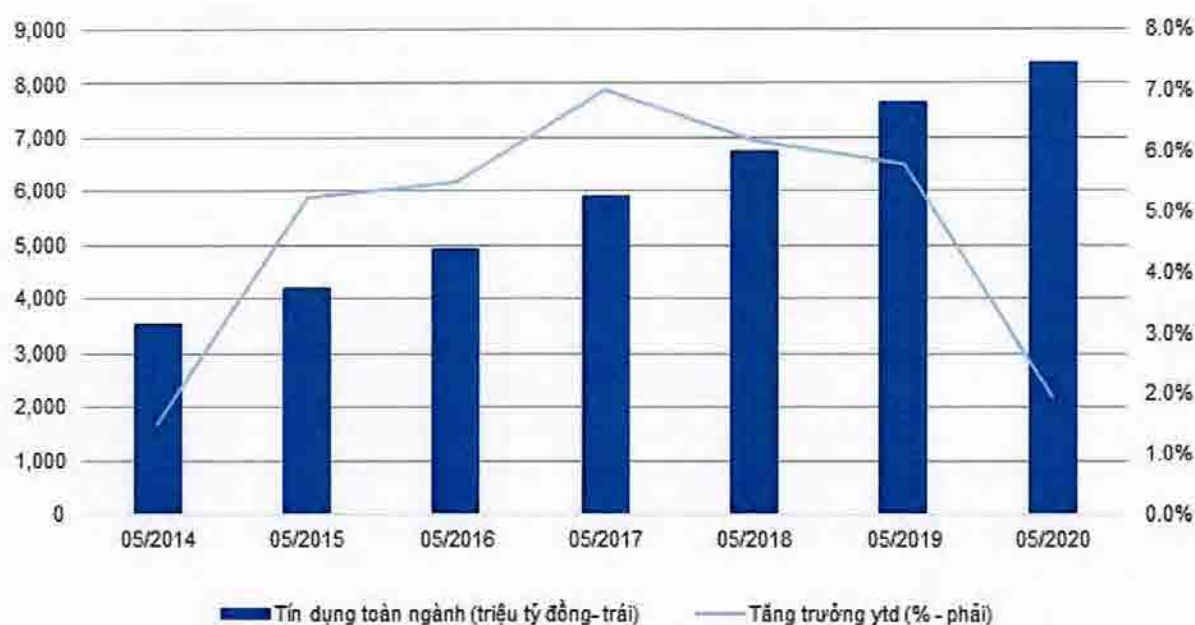
Doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh tạo thách thức trong việc tạo việc làm, hạn chế nhu cầu tiêu dùng của cả khách hàng tổ chức và khách hàng cá nhân là những người lao động.

Các ngành du lịch, vận tải, hàng không, dệt may, công nghiệp sản xuất, chế tạo... chịu ảnh hưởng nghiêm trọng, hộ sản xuất - kinh doanh, cá nhân cũng bị ảnh hưởng không nhỏ. Nhu cầu sử dụng các dịch vụ tài chính, ngân hàng giảm; dự kiến tăng trưởng tín dụng toàn ngành ở mức 10 - 12%.



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

Bảng 36 - Tín dụng toàn ngành và tốc độ tăng trưởng tín dụng



(Nguồn: VNDIRECT tổng hợp)

Tính đến ngày 30/06/2020, tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống chỉ đạt 3,26%, thấp hơn nhiều so với mức 7,36% cùng kỳ năm 2019 và còn rất xa mục tiêu 14% cả năm. Tăng trưởng huy động 06 tháng đầu năm 2020 ghi nhận mức thấp nhất trong 6 năm. Tính đến cuối tháng 06/2020, tăng trưởng huy động cũng chỉ đạt 3,26% trong khi cùng kỳ năm trước là 7,33%.

Với chức năng là đầu tàu của nền kinh tế, ngành ngân hàng được Chính phủ giao trọng trách tham mưu ban hành và triển khai các giải pháp chính sách để tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng vay vốn. Ngay lập tức, NHNN đã ban hành Thông tư số 01/2020/TT-NHNN quy định việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch COVID-19, có hiệu lực thi hành từ ngày 12/03/2020. Bên cạnh đó, các ngân hàng cũng đã giảm lãi suất trên dư nợ hiện hữu. Đồng thời, NHNN cũng thực hiện cắt giảm lãi suất điều hành hai lần để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Theo đó, lãi suất huy động và lãi suất cho vay cũng được các ngân hàng điều chỉnh giảm. Lãi suất tái cấp vốn đã được hạ xuống 4,5% từ 6,0% và lãi suất tái chiết khấu xuống 3,0% từ 4,0%.

Mặc dù, hiện nay ngành ngân hàng đang phải đối mặt với rất nhiều các vấn đề phát sinh như tỉ lệ nợ xấu tăng cao, lợi nhuận thuần giảm do hoạt động tín dụng giảm sút, tăng chi phí trích lập dự phòng... nhưng với các giải pháp đồng bộ của Chính phủ trong thời gian qua đã tạo ra nhiều dấu hiệu tích cực để ngành Ngân hàng có thể đạt được chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng tăng trưởng 9% như kế hoạch đã đề ra, lấy lại được tốc độ tăng trưởng khả quan của giai đoạn trước dịch COVID-19.

### Đẩy mạnh đầu tư công

Để ứng biến với những dấu hiệu của giảm phát kinh tế, Bộ Chính trị đã xây dựng chủ trương đẩy mạnh giải ngân, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, giải quyết vướng mắc trong thủ tục hành chính, đẩy nhanh thủ tục phê duyệt, điều chỉnh các chính sách mới. Khởi công, triển khai thực hiện ngay các dự án quy mô lớn, quan trọng, có tác động lan toả đến phát triển kinh tế - xã hội các địa phương, vùng và ngành, lĩnh vực. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/05/2020 về các nhiệm vụ,



## **BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

---

giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch COVID-19. Kết quả của giải pháp này là tạo ra việc làm mới cho doanh nghiệp và người lao động, do đó tạo ra nhu cầu tín dụng mới.

### **Xu hướng dịch chuyển vốn đầu tư nước ngoài tới Việt Nam**

Trong nửa đầu năm 2020, một số tập đoàn đã lên kế hoạch dịch chuyển đầu tư đến Việt Nam, trong đó dự kiến có các tập đoàn lớn như Nikkei, Google, Microsoft, Apple, Nintendo cũng đã chuyển một phần sản xuất sang Việt Nam.

### **Hiệp định thương mại tự do EVFTA**

Hiệp định EVFTA và IPA được khởi động và kết thúc đàm phán trong bối cảnh quan hệ song phương Việt Nam-EU ngày càng phát triển tốt đẹp, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế-thương mại. EU hiện đang là một trong những đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam với kim ngạch hai chiều năm 2019 đạt 56,45 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 41,5 tỷ USD, nhập khẩu từ EU đạt 14,9 tỷ USD. Báo cáo của WB công bố tháng 5/2020 đã đưa ra ước tính, với EVFTA, GDP của Việt Nam có thể tăng thêm 2,4% và xuất khẩu tăng 12% vào năm 2030. Thông qua việc ký kết hàng loạt các hiệp định thương mại, đầu tư được Chính phủ ký kết với các đối tác quan trọng, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ có thêm các cơ hội đẩy mạnh hoạt động của mình, đa dạng nguồn vốn khi những cơ hội hợp tác mới được mở ra. Đối với ngành ngân hàng, đây cũng là cơ hội để các ngân hàng sẽ tiếp cận được với nhiều nhà đầu tư và đối tác hơn. Các ngân hàng Việt Nam có thể kết hợp với ngân hàng châu Âu để thực hiện dịch vụ cho khách hàng châu Âu, cũng như doanh nghiệp và người dân Việt Nam kinh doanh ở châu Âu.

### **Nới lỏng tiền tệ để thúc đẩy tăng trưởng**

Việc cắt giảm trần lãi suất tiền gửi và lãi suất điều hành giúp giảm lãi suất cho vay, khuyến khích doanh nghiệp vay mới. Những chính sách mới của NHNN đã bù đắp phần nào các rủi ro tài chính đối với các ngân hàng trong điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020 như giảm lãi suất, tái cơ cấu nợ. Tính đến thời điểm ngày 19/06/2020, tổng phương tiện thanh toán tăng 4,59% so với cuối năm 2019 (cùng thời điểm năm 2019 tăng 6,05%); huy động vốn của các TCTD tăng 4,35% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 6,09%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 2,45%.

### **Các ngành kinh tế phục hồi nhanh hơn so với kỳ vọng**

Việc kiểm soát tốt dịch bệnh có thể sẽ giúp Việt Nam sớm gỡ bỏ lệnh hạn chế đi lại trong nước. Hoạt động vận chuyển nguyên liệu đầu vào được nối lại giúp cho các doanh nghiệp tái khởi động hoạt động sản xuất. Hàng hóa tiếp tục được cung cấp ra thị trường kèm theo các chương trình khuyến mại đã thúc đẩy tiêu dùng nội địa tăng cao. Trong tháng 05/2020, đã có trên 5.000 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 32,7%; số doanh nghiệp thành lập mới, tăng 36,1% so với tháng trước; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 26,9%; chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 11,2%; xuất khẩu tăng 5,2%. Nền kinh tế dần dần đã vận hành trở lại khiến GDP Việt Nam không những không bị suy giảm mà còn ghi nhận tăng trưởng 1,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Như vậy, 06 tháng đầu năm 2020, Việt Nam cơ bản đã đạt được “mục tiêu kép” vừa kiểm soát dịch bệnh, vừa đạt mức tăng trưởng dương, cao hàng đầu thế giới. Các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế đều nhận định, Việt Nam đang có dấu hiệu phục hồi nhanh hơn dự đoán.

### **Lợi nhuận từ dịch vụ tài chính phi tín dụng được gia tăng**

Ngày 08/08/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 986/QĐ-TTg của về Chiến lược phát triển ngành ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đưa ra chỉ tiêu phấn đấu tới hết năm 2020, tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng trong tổng thu nhập của các ngân hàng thương mại lên khoảng 12 - 13%. Thực hiện chỉ đạo trên, các ngân hàng đã có những chuyển hướng mạnh mẽ trong cơ cấu hoạt động bằng việc đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, hạn chế sự phụ thuộc quá



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

nhiều vào tín dụng, giảm thiểu những tác động tiêu cực của nền kinh tế. Cơ cấu thu nhập chuyển dịch sang hướng bền vững hơn khi các nguồn thu của ngân hàng trở nên đa dạng hơn với doanh thu thẻ, bảo hiểm, thanh toán, dịch vụ trái phiếu, tư vấn giải pháp kinh doanh, kinh doanh ngoại tệ.... Theo thống kê của Fiingroup, thu phí dịch vụ của các ngân hàng trong năm 2019 tăng 30,7%, một số ngân hàng ghi nhận mức tăng rất cao như VIB (144,6%), VPBank (84,2%), TPBank (58,6%)...

Doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường 6 tháng đầu năm 2020 tăng 11% so với cùng kỳ năm trước (quý 2/2020 ước tính tăng 6%), trong đó doanh thu phí bảo hiểm lĩnh vực nhân thọ tăng 13%; lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tăng 8%.

### **Tăng cường đầu tư công nghệ số để tăng chất lượng dịch vụ, kiểm soát rủi ro, giảm thiểu chi phí hoạt động**

Việc tăng cường đầu tư công nghệ số giúp cho các Ngân hàng gia tăng lợi nhuận do tiết giảm chi phí hoạt động. Theo khảo sát các NHTM trong tháng 06/2020 của Vietnam Report, các ngân hàng cho biết đã và đang tập trung vào công nghệ nhằm thay đổi hệ thống quản lý, dịch vụ phục vụ khách hàng, nâng cao khả năng cạnh tranh trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Kết quả thống kê cho thấy 100% ngân hàng phản hồi hiện đang đầu tư đổi mới công nghệ và phát triển kênh bán hàng qua công nghệ số (internet banking, mobile banking, v.v.), trong khi con số này trong lần khảo sát của năm 2018 chỉ là 93%. Ngoài ra, 83,33% ngân hàng cho biết đang số hóa các nghiệp vụ lõi của ngân hàng.

Dưới tác động của cuộc cách mạng số, các ngân hàng thương mại đang từng bước áp dụng các công nghệ internet vạn vật kết nối, lưu trữ dữ liệu quy mô lớn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, robot học, v.v. giúp các ngân hàng định hình lại mô hình kinh doanh, thanh toán điện tử, quản trị, phân tích hành vi khách hàng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ.

### **3. SO SÁNH VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

So sánh một số chỉ tiêu tài chính năm 2019 với các ngân hàng cùng chiến lược phát triển phân khúc bán lẻ niêm yết trên HoSE Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPB-HoSE), và các ngân hàng có cùng quy mô vốn niêm yết trên Upcom như Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt (LPB-Upcom), Ngân hàng TMCP Bắc Á (BAB-Upcom).

Bảng 37 – So sánh một số chỉ tiêu tài chính năm 2019 với các ngân hàng có cùng quy mô

*Đơn vị tính: triệu đồng, %*

Khoản mục	VIB	TPB	LPB	BAB
Sàn chứng khoán niêm yết	Upcom	HoSE	Upcom	Upcom
Tổng tài sản	184.531.485	164.438.534	202.058.040	107.889.769
Vốn chủ sở hữu	13.429.644	13.074.679	12.579.800	7.814.985
Cho vay khách hàng	129.199.808	95.643.700	140.522.626	72.933.312
Tiền gửi khách hàng	122.357.044	92.439.495	136.847.259	76.163.271
Lợi nhuận sau thuế	3.266.402	3.093.842	1.600.277	749.456
ROA	2,0%	2,1%	0,8%	0,7%
ROE	27,1%	26,1%	14,0%	10,1%

*(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 của các Ngân hàng)*



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

Tại Sàn giao dịch chứng khoán Upcom, VIB nằm trong nhóm Ngân hàng có quy mô vốn và quy mô tài sản lớn nhất đang niêm yết. Với quy mô Tổng tài sản 184,5 ngàn tỷ, Dư nợ 129,2 ngàn tỷ, Lợi nhuận sau thuế 3.266 tỷ, VIB là một trong những ngân hàng có tỷ suất sinh lời hiệu quả nhất với ROE 27,1%.

### **4. ĐÁNH GIÁ VỀ SỰ PHÙ HỢP ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA VIB VỚI ĐỊNH HƯỚNG CỦA NGÀNH, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC, VÀ XU THẾ CHUNG TRÊN THẾ GIỚI.**

Cho vay tiêu dùng là hình thức cho vay rất phổ biến trên thế giới. Tại Việt Nam, cho vay tiêu dùng mới chỉ phát triển mạnh trong vài năm gần đây. So với các nước trong khu vực ASEAN, Chỉ số Cho vay tiêu dùng của Việt Nam luôn thấp hơn Indonesia, Malaysia, Philippines và Thái Lan trong suốt hai năm qua, dù các chỉ số về Thu nhập hộ gia đình và chi tiêu tùy ý lại cao nhất. Việt Nam với tỉ lệ dân số trẻ, thu nhập trên đầu người liên tục tăng qua các năm, xu hướng tiêu dùng đang thay đổi theo hướng mua sắm nhiều hơn và có sử dụng khoản vay ngân hàng hứa hẹn sẽ là thị trường tiềm năng của các tổ chức tài chính trong và ngoài nước.

Đánh giá được cơ hội rất lớn này, trong những năm vừa qua VIB đã xác định trọng tâm kinh doanh của mình là phân khúc bán lẻ hướng đến 04 lĩnh vực: Cho vay mua nhà, xe ô tô, bán bảo hiểm qua kênh ngân hàng và thẻ tín dụng. Quy mô và tỷ trọng cho vay bán lẻ tại VIB liên tục tăng mạnh, chủ yếu tập trung tại phân khúc cho vay mua nhà chiếm khoảng 30% trong tổng dư nợ cho vay cá nhân của Ngân hàng. Đồng thời, VIB chỉ liên kết với các sàn giao dịch để cho vay trực tiếp người mua cuối, không liên kết hay thực hiện bảo lãnh cho các chủ đầu tư dự án. Hiện VIB đang liên kết với khoảng 500 đối tác chủ yếu ở các tỉnh, thành phố lớn, tỷ lệ cho vay trên tài sản tối đa của mảng kinh doanh này là 70% và nợ xấu dưới 1%.

Bên cạnh đẩy mạnh cho vay mua nhà, dư nợ tín dụng cho vay mua ô tô cũng chiếm phần lớn trong tổng dư nợ cho vay cá nhân của các ngân hàng hiện nay. Chẳng hạn, tại VIB, dư nợ cho vay khách hàng cá nhân và doanh nghiệp siêu nhỏ tính đến ngày 31/12/2019 đạt 108 nghìn tỷ đồng, tăng 46% so với hồi đầu năm. Trong đó, riêng với tín dụng cho cá nhân vay mua ô tô, VIB là ngân hàng số 1 về thị phần cho vay mua ô tô tại Việt Nam trong 03 năm qua với thị phần chiếm khoảng 23%. Tại phân khúc cho vay mua ô tô của VIB, hầu hết là mua mới và chuyển nhượng xe, với phân khúc trung đến cao cấp là trọng tâm. Tỷ lệ cho vay trên tài sản đối với mảng kinh doanh này từ 50-70%, nợ xấu khoảng 0,9%.

Đối với mảng thẻ tín dụng, trong năm 2012 số lượng người có tài khoản ở Việt Nam mới chỉ có 6%, số người có thẻ tín dụng là hơn 1% dân số. Tuy nhiên, xu hướng sử dụng thẻ tín dụng đang không ngừng tăng do tính tiện dụng và thói quen, sự hiểu biết của người tiêu dùng đã nâng cao hơn. Rất nhiều các ngân hàng đã đẩy mạnh đầu tư vào mảng sản phẩm này để khai thác khách hàng trẻ trong nước. VIB là một trong những đơn vị thể hiện mạnh mẽ nhất trong mảng thẻ thời gian qua với 06 dòng thẻ mới ra mắt chỉ trong vòng một năm, có những tính năng độc đáo. Với VIB, thẻ tín dụng đã trở thành một mảng sản phẩm dịch vụ quan trọng được ưu tiên đầu tư. Được nhận định là ngân hàng dẫn đầu xu hướng phát triển thẻ tín dụng tại Việt Nam, đóng góp tích cực vào quá trình xây dựng một xã hội không tiền mặt, VIB đi đầu trong việc nghiên cứu phát triển các dòng thẻ với các tiện ích độc đáo, thiết thực, áp dụng công nghệ dịch vụ thẻ tối ưu nhất, nhờ đó đạt được doanh số phát hành thẻ và chi tiêu trên thẻ gấp đôi trung bình ngành. Với trung bình hơn 1 triệu giao dịch bằng thẻ/tháng tại VIB, các hoạt động thanh toán qua thẻ và thẻ tín dụng là cầu nối quan trọng giữa người tiêu dùng với Ngân hàng. Những nỗ lực của VIB đã mang lại giá trị vượt trội cho chi tiêu thẻ nên khách hàng hưởng ứng và yêu thích. Tỷ lệ thẻ hoạt động cao gấp hai lần so với bình quân thị trường, tốc độ thẻ tín dụng mở mới năm 2018 tăng 75%, tổng chi tiêu thẻ tăng 300%, chi tiêu thẻ bình quân tăng 200%. Tháng 12/2018, khách hàng chi tiêu bằng thẻ tín dụng VIB đạt mức kỷ lục trên 1.500 tỷ đồng/tháng, đưa VIB dẫn đầu về chỉ tiêu bình quân thẻ trong các ngân hàng trong nước.

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

Bên cạnh cho vay mua nhà, mua ô tô và phát hành thẻ tín dụng, VIB cũng là ngân hàng luôn nằm trong top đầu về doanh số phân phối sản phẩm bảo hiểm nhân thọ đến khách hàng, và là đối tác lớn, uy tín, phân phối trên 82% doanh số bancassurance của Prudential tại Việt Nam.



## **CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Việc xây dựng một bộ máy vận hành hiệu quả là vấn đề được VIB đặt lên hàng đầu. Tiếp nối lộ trình chuyển đổi, trong năm 2019, VIB đã tích cực tiếp tục triển khai các sáng kiến trọng điểm để hoàn thiện mô hình vận hành, trong đó có cấu trúc tổ chức, con người, tự động hóa quy trình, nâng cấp mạng lưới chi nhánh, đầu tư công nghệ và xây dựng các dự án nền tảng.

Đối với con người, HĐQT và Ban Giám đốc đã và luôn nỗ lực xây dựng VIB trở thành Ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam về môi trường làm việc và gắn kết nhân viên. Theo đó, Ngân hàng tiếp tục hoàn thiện và triển khai chính sách đãi ngộ lao động hấp dẫn với chính sách trả lương, thưởng theo mức độ đóng góp vào kết quả kinh doanh, duy trì một môi trường làm việc dân chủ và sáng tạo, triển khai các chính sách về đào tạo và lộ trình thăng tiến nghề nghiệp, nâng cao chất lượng hạ tầng và công cụ làm việc của hội sở cùng hệ thống chi nhánh, phòng giao dịch.

VIB tiếp tục hoàn thiện cấu trúc tổ chức theo hướng tinh gọn, tổ chức bộ máy vận hành linh hoạt theo từng mảng nghiệp vụ chuyên biệt ở các khối ban, tăng đáng kể tỷ trọng nhân viên bán hàng trên tổng nhân lực, hiện tỷ lệ đội ngũ bán hàng trên nhân viên hỗ trợ đã ở mức 80/20, tổ chức hiệu quả các kênh bán hàng hỗn hợp và kênh bán hàng chuyên biệt.

### **1. SỐ LƯỢNG NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Bảng 38 - Số lượng người lao động tại thời điểm ngày 30/06/2020

Tiêu chí phân loại	Số lượng (nhân viên)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ	7.437	
Sau đại học	194	2,6
Đại học	7.044	94,7
Khác	199	2,7
Theo tính chất công việc	7.437	
Các khối kinh doanh	5.674	76,3
Khối hỗ trợ	1.763	24,7

(Nguồn: VIB)

### **2. CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG, ƯU ĐÃI**

Đánh giá cao hiệu quả của việc áp dụng cơ chế chi trả lương theo mức đóng góp đối với từng nhóm vị trí công việc, VIB thường xuyên xem xét để điều chỉnh kịp thời chính sách phù hợp với định hướng kinh doanh tại từng thời kỳ, nhằm tạo động lực tối đa cho CBNV nỗ lực đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của Ngân hàng và gia tăng thu nhập của cá nhân. Chính sách chi trả lương theo mức đóng góp được áp dụng tới 100% CBNV trực tiếp kinh doanh, giúp năng suất lao động được cải thiện, thể hiện rõ nét qua số liệu thu nhập trung bình của CBNV trực tiếp kinh doanh tăng hơn 30% trong năm 2019.

Bên cạnh chính sách lương theo mức đóng góp, VIB còn triển khai áp dụng các chính sách thưởng kinh doanh ghi nhận đóng góp của một số vị trí công việc không trực tiếp kinh doanh (Back Office).

Các chính sách bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe và tai nạn cũng được VIB đặc biệt quan tâm. Theo đó, CBNV được hỗ trợ tài chính từ đối tác bảo hiểm đối với quyền lợi bảo hiểm nội trú và ngoại trú, thai sản và nha khoa... theo quy định tại mỗi gói bảo hiểm.

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

VIB đang được các tổ chức độc lập đánh giá là 1 trong 05 ngân hàng có chế độ đãi ngộ CBNV tốt nhất trên thị trường. Ngân hàng là nơi ngày càng nhiều các nhân sự tốt trên thị trường lựa chọn đến làm việc.

Bảng 39 - Tình hình thu nhập của cán bộ, nhân viên VIB qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng số cán bộ, nhân viên bình quân (người)	4.642	5.138	6.357
Thu nhập của cán bộ, nhân viên			
Tổng quỹ lương	928.401	1.113.047	1.630.467
Thu nhập khác	201.844	297.357	368.744
Tổng thu nhập (1+2)	1.130.245	1.410.404	1.999.211
Tiền lương bình quân/tháng	16,67	18,05	21,37
Thu nhập bình quân/tháng	20,29	22,88	26,21

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019)

### 3. CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

VIB chú trọng văn hóa học tập, tạo cơ hội phát triển bản thân và nghề nghiệp cho CBNV. Hoạt động đào tạo tập trung vào 4 năng lực chính: Hành vi, Nghiệp vụ chuyên môn, Phát triển bản thân và Lãnh đạo.

Kết thúc năm 2019, 47.033 lượt CBNV tham dự các chương trình đào tạo (tăng 107% so với năm 2018), tương ứng với 123.611 giờ đào tạo. Trong đó, 5.621 lượt cán bộ quản lý và 41.412 lượt nhân viên tham dự. Số giờ đào tạo bình quân tính trên mỗi CBNV là trên 17 giờ/năm (tương đương khoảng 2,5 ngày làm việc).

Bảng 40 – Thời lượng đào tạo năm 2019

Chỉ tiêu	Quản lý	Nhân viên	Tổng
Số lượt đào tạo	5.621	41.412	47.033
Số giờ đào tạo (giờ)	15.301	108.310	123.611
Số giờ đào tạo trung bình/CBNV (giờ/năm)	17,94	17,33	17,41

(Nguồn: VIB)

Các chương trình đào tạo gồm: Chương trình đào tạo hội nhập cung cấp các kiến thức, kỹ năng nền tảng cho các CBNV mới; Chương trình đào tạo tuân thủ giúp CBNV nắm được những quy định của pháp luật và VIB, phòng tránh rủi ro, đảm bảo an toàn tài sản cho khách hàng, các cổ đông và CBNV; Kỹ năng bán hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng hướng đến việc xây dựng đội ngũ bán hàng, chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp, luôn lấy khách hàng làm trọng tâm; Chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý và lãnh đạo giúp đội ngũ quản lý phát huy được vai trò của mình trong việc huấn luyện phát triển nhân viên, nâng cao hiệu quả làm việc.

VIB tiếp tục đẩy mạnh hình thức đào tạo trực tuyến, chủ động theo nhu cầu của người học qua việc đầu tư Hệ thống quản lý học tập (Learning Management System - LMS) thông minh, hiện đại nhất thế giới, dự kiến đi vào sử dụng từ tháng 9 năm 2020. Việc đầu tư hệ thống LMS hiện đại hoạt động trên nền



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

tầng SaaS (Software as a Service) và công nghệ AI, cùng với các nội dung tiên tiến cập nhật từ các đối tác uy tín trên thế giới cho phép CBNV nhanh chóng nâng cao kiến thức và kỹ năng, đáp ứng được các yêu cầu thay đổi của công việc và môi trường kinh doanh.

## CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Ngân hàng thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ của Ngân hàng và các văn bản pháp lý liên quan. Kết thúc niên độ tài chính, HĐQT có trách nhiệm xây dựng phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở:

- Lợi nhuận sau thuế mà Ngân hàng thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác, trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Ngân hàng;
- Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến.

Việc chi trả cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu được căn cứ tình hình thực tế về nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Bảng 41 - Tỷ lệ chi trả cổ tức các năm

Tỷ lệ	2017	2018	2019
Chia cổ tức bằng tiền mặt trên vốn điều lệ	5,00%	5,00%	5,50%
Chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	-	41,13%	21,18%

(Nguồn: VIB)

Năm 2020, ĐHĐCĐ đã phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ bằng phương thức chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế như sau:

Bảng 42 – Phương án tăng VĐL bằng phương thức chia cổ phiếu thưởng 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng, %

Khoản mục	Số tiền
Vốn điều lệ trước khi tăng	9.244.913.950.000
Vốn điều lệ tăng thêm tối đa	1.848.982.790.000
Vốn điều lệ sau khi tăng tối đa	11.093.896.740.000
Tỷ lệ tăng vốn tối đa	20%



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Bảng 43 – Tình hình hoạt động tài chính giai đoạn 2018 – 6 tháng 2020

Đơn vị tính: triệu đồng,%

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
<b>Quy mô vốn</b>			
Tổng nguồn VCSH	10.667.645	13.429.644	15.215.596
Vốn điều lệ	7.834.673	9.244.914	9.244.914
Tổng tài sản	139.166.216	184.531.485	202.369.814
CAR	10,02	9,67	9,69
<b>Kết quả hoạt động</b>			
Số dư huy động tiền gửi	84.862.629	122.357.044	127.953.459
Số dư cho vay khách hàng	96.138.735	129.199.808	137.902.967
Nợ quá hạn (*)	3.715.419	3.987.724	6.360.695
Nợ xấu (*)	2.441.551	2.548.824	3.279.907
ROAE	22,6	27,1	26,3
ROAA	1,7	2,0	1,9
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	3,34	2,63	3,80
Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ	2,19	1,68	1,96
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	18,9	17,6	19,3
Tỷ lệ khả năng chi trả trong vòng 30 ngày - VND	56,5	73,6	58,2
Tỷ lệ khả năng chi trả trong vòng 30 ngày - USD	(**)	(**)	(**)
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	36,5	33,8	34,9

(\*) Nợ quá hạn là nợ thuộc các nhóm 2, 3, 4 và 5; Nợ xấu là nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5.

(\*\*) Không tính Tỷ lệ khả năng chi trả trong vòng 30 ngày – USD vì dòng tiền ra là dòng tiền âm, thanh khoản luôn đảm bảo.

(Nguồn: VIB, BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018, 2019, BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng 2020)

**Quy mô vốn**

Tổng nguồn vốn của VIB đến thời điểm ngày 30/06/2020 là 15.216 tỷ đồng, trong đó vốn điều lệ là 9.245 tỷ đồng. VIB là 1 trong 2 ngân hàng đầu tiên trên toàn hệ thống áp dụng thành công việc tính CAR theo Thông tư số 41 (Basel II) với tỷ lệ này là 9,69%, cao hơn so với yêu cầu tối thiểu 8% của NHNN. Hiện nay, mới chỉ có 18 ngân hàng, tương đương chưa đến 50% ngân hàng Việt Nam tuân thủ được chỉ tiêu này theo chuẩn Basel II. VIB đặt mục tiêu chỉ số CAR luôn cao hơn yêu cầu tối thiểu của NHNN, đủ dư địa





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

### 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên:	Chức vụ:
Ông Đặng Khắc Vỹ	Chủ tịch HĐQT
Ông Đặng Văn Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Đỗ Xuân Hoàng	Thành viên HĐQT
Ông Hàn Ngọc Vũ	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên độc lập HĐQT

### ÔNG ĐẶNG KHẮC VỸ

Giới tính	Nam
Ngày sinh	07/06/1968
Nơi sinh	Nghệ An
CMND/CCCD	012345821 cấp ngày 27/05/2008 tại CA TP. Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	53 phố Tiểu Nam, khu Nam Đô, S7, KP6, P.Tân Phú, Q.7, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại	(84-28) 6 299 9039
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"><li>Tiến sỹ Kinh tế, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính trị Quốc tế, Viện Khoa học Nga.</li><li>Kỹ sư Mỏ địa chất, Đại học Địa chất Moscow S.Ordzhonikidze.</li></ul>
Chức vụ hiện nay tại VIB	Chủ tịch HĐQT
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>2013 - nay: Chủ tịch HĐQT, VIB</li><li>2009 - 09/2019: Chủ tịch HĐQT, Công ty TNHH Mareven Food Holdings, Cộng hòa Síp (Republic of Cyprus).</li><li>2011 - 2015: TGD, Công ty TNHH Mareven Food Holdings, Cộng hòa Síp (Republic of Cyprus).</li><li>1996 - 2013: Thành viên HĐQT, VIB.</li><li>1992 - 1995: Doanh nghiệp tư nhân, Liên bang Nga.</li></ul>

### Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/07/2020:

- Sở hữu cá nhân: 46.132.121 cổ phần (chiếm 4.990% vốn điều lệ)

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0 % vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 91.755.200 cổ phiếu (tương đương 9,915% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại VIB	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Trần Thị Thảo Hiền	Vợ	45.932.635	4,968%
Đặng Quang Tuấn	Con trai	45.822.565	4,957%

**Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Thù lao HĐQT, thưởng nhiệm kỳ (nếu có).

**Lợi ích liên quan đối với VIB:** Không có.

**Lợi ích mâu thuẫn với VIB:** Không có.



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

### ÔNG ĐẶNG VĂN SƠN

Giới tính	Nam
Ngày sinh	24/10/1967
Nơi sinh	Nam Định
CMND/CCCD	012919233 cấp ngày 25/09/2009 tại CA TP. Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	02 đường Nội khu Nam thông III, khu phố Nam Thông III (S14), phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh
Số điện thoại	(84-28) 6 299 9039
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"><li>Cử nhân Khoa học Kinh tế, Viện Hàn lâm Quốc tế về Khoa học và Nghệ thuật, Liên bang Nga</li><li>Chứng chỉ Mini-MBA về Chương trình Quản lý nâng cao, Hiệp hội Công nghệ và Quản trị Hoa kỳ</li></ul>
Chức vụ hiện nay tại VIB	Phó Chủ tịch HĐQT
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>2013 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT, VIB</li><li>2007 - 2013: Thành viên HĐQT VIB; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hệ thống Quốc tế (Nettra).</li><li>2003 - 2007: TGD, Công ty CP Thủy điện Hương Điền.</li><li>1989 - 2003: Giám đốc Điều hành, Công ty InterMark, Liên bang Nga; Đại diện, Công ty FPT tại Nga; Chủ tịch, Công ty Valma-M, Liên bang Nga.</li><li>1985 - 1989: Phục vụ trong Quân đội, Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng.</li></ul>

### Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/07/2020:

- Sở hữu cá nhân: 3.500.783 cổ phiếu (chiếm 0,379% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 33.557.120 cổ phiếu (tương đương 3,630% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại VIB	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Đặng Thị Thu Hà	Vợ	33.557.120	3,630%

**Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Thù lao HĐQT, thưởng nhiệm kỳ (nếu có).

**Lợi ích liên quan đối với VIB:** Không có.

**Lợi ích mâu thuẫn với VIB:** Không có.

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

### ÔNG ĐỖ XUÂN HOÀNG

Giới tính	Nam
Ngày sinh	14/08/1968
Nơi sinh	Hà Nội
CMND/CCCD	001068012488 cấp ngày 20/11/2017 tại Cục CS ĐKQL Dữ liệu QG về DC
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	16 ngõ 45A phố Võng Thị, Quận Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại	(84-28) 6 299 9039
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"><li>Tiến sỹ Kinh tế, Viện Viễn đông, Viện Hàn lâm Khoa học Nga.</li><li>Thạc sỹ Kỹ thuật, Chuyên ngành Kỹ thuật Vô tuyến điện, Đại học Bách khoa Vinnitsa.</li></ul>
Chức vụ hiện nay tại VIB	Thành viên HĐQT
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	TGD, Công ty TNHH Mareven Food Central, Liên bang Nga.
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>2009 - nay: TGD, Công ty TNHH Mareven Food Central, Liên bang Nga.</li><li>2005 - nay: Thành viên HĐQT, VIB.</li><li>1993 - 2009: Doanh nhân, Liên bang Nga.</li><li>1991 - 1993: Kỹ sư, Liên hiệp "Khoa học sản xuất Polis", Vinnitsa, Ukraina.</li></ul>

### Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/07/2020:

- Sở hữu cá nhân: 46.132.121 cổ phiếu (chiếm 4,990% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 40.486.330 cổ phiếu (tương đương 4,379% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại VIB	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Đỗ Xuân Thụ	Bố	38.486.328	4,163%
Đỗ Xuân Hà	Em gái	2.000.002	0,216%

**Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Thù lao HĐQT, thưởng nhiệm kỳ (nếu có).

**Lợi ích liên quan đối với VIB:** Không có.

**Lợi ích mâu thuẫn với VIB:** Không có.

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

### ÔNG HÀN NGỌC VŨ

Giới tính	Nam
Ngày sinh	19/05/1965
Nơi sinh	Hà Nội
CMND/CCCD	011175133 cấp ngày 10/05/2010 tại CA TP. Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	P5 Tập thể Bộ tư lệnh Thông tin, Tổ 59 Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
Số điện thoại	(84-28) 6 299 9039
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"><li>Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Trường Quản trị Kinh doanh Solvay, Đại học Liberty, Bỉ.</li><li>Cử nhân Quan hệ Quốc tế, Học viện Quan hệ Quốc tế.</li><li>Bằng Tiếng Anh Thương mại, Đại học Quản trị Kinh doanh Metropolitan, Australia.</li><li>Chứng chỉ Kỹ năng Lãnh đạo, Đại học Harvard, Hoa Kỳ.</li></ul>
Chức vụ hiện nay tại VIB	<ul style="list-style-type: none"><li>Thành viên HĐQT</li><li>TGD</li></ul>
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>2013 - nay: Thành viên HĐQT kiêm TGD, VIB.</li><li>2008 - 2013: Chủ tịch HĐQT, VIB.</li><li>2006 - 2008: TGD, VIB.</li><li>2004 - 2006: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp và Đầu tư, Citibank, Việt Nam.</li><li>06/2004 - 10/2004: Giám đốc CN Hà Nội, Calyon Bank Việt Nam.</li><li>2001 - 2004: Giám đốc CN TP.HCM, Credit Lyonnais Việt Nam.</li><li>1999 - 2004: Giám đốc Kinh doanh Việt Nam, Credit Lyonnais VN.</li><li>1993 - 1998: Cán bộ Tín dụng, Credit Lyonnais.</li><li>1990 - 1992: Trợ lý Văn phòng đại diện, Credit Lyonnais tại Hà Nội.</li></ul>

### Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/07/2020:

- Sở hữu cá nhân: 1.914.962 cổ phiếu (chiếm 0,207% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)

**Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Thù lao HĐQT, thưởng nhiệm kỳ (nếu có); lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác theo quy chế Ngân hàng.

**Lợi ích liên quan đối với VIB:** Không có.



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

Lợi ích mâu thuẫn với VIB: Không có.

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

### ÔNG NGUYỄN VIỆT CƯỜNG

Giới tính	Nam
Ngày sinh	27/10/1976
Nơi sinh	Hải Phòng
CMND/CCCD	022777378 cấp ngày 25/11/2008 tại CA TP. Hồ Chí Minh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	60-i6 Giang Văn Minh, P.An Phú, Q.2, TP.Hồ Chí Minh
Số điện thoại	(84-28) 6.299 9039
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Tài chính Tín dụng, Đại học Kinh tế TP.HCM
Chức vụ hiện nay tại VIB	Thành viên độc lập HĐQT
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none"><li>• Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn</li><li>• Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Dệt may Gia định, TP.HCM.</li><li>• Chủ tịch HĐQT/Đại diện pháp luật, Công ty Cổ phần SXKD Thiết bị chiếu sáng Thái Bình Dương, Bà Rịa, Vũng Tàu.</li><li>• Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh, TP.HCM.</li></ul>
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>• 12/2018 - nay: Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn.</li><li>• 09/2016 - nay: Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định, TP.HCM.</li><li>• 02/2013 - nay: Chủ tịch HĐQT/Đại diện pháp luật, Công ty Cổ phần SXKD Thiết bị chiếu sáng Thái Bình Dương, Bà Rịa, Vũng Tàu.</li><li>• 01/2013 - nay: Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh, TP.HCM.</li><li>• 04/2017 - 03/2019: Chủ tịch Hội đồng Thành viên, Công ty TNHH May Thạnh Mỹ, Bà Rịa, Vũng Tàu.</li><li>• 11/2016 - 11/2019: Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu Legamex, TP.HCM.</li><li>• 01/2007 - 12/2012: Phó Giám đốc Điều hành, VinaCapital Corporate Finance Vietnam Ltd, TP.HCM.</li><li>• 10/2003 - 12/2006: Chuyên viên Đầu tư/Giám đốc Đầu tư, VinaCapital Corporate Finance Vietnam Ltd., TP.HCM.</li><li>• 10/2002 - 09/2003: Trưởng phòng Kế toán Quản trị, Công ty TNHH Unilever Bestfoods Vietnam, TP.HCM.</li><li>• 09/1998 - 09/2002: Kiểm toán viên/Kiểm toán viên cao cấp, Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế KPMG, TP.HCM</li></ul>

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

### Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/07/2020:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)

**Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Phụ cấp, thưởng nhiệm kỳ (nếu có)

**Lợi ích liên quan đối với VIB:** Không có.

**Lợi ích mâu thuẫn với VIB:** Không có.



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

### 2. BAN KIỂM SOÁT

Thành viên:	Chức vụ:
Bà Nguyễn Thùy Linh	Trưởng BKS
Ông Đào Quang Ngọc	Thành viên BKS
Bà Nguyễn Lương Bích Thủy	Thành viên BKS

### BÀ NGUYỄN THÙY LINH

Giới tính	Nữ
Ngày sinh	10/06/1984
Nơi sinh	Hà Nội
CMND/CCCD	012351841 cấp ngày 03/07/2008 tại CA TP. Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 45A phố Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Số điện thoại	(84-24) 6 299 9039
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"><li>Cử nhân Tin học và Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Công nghệ Genetic, Singapore.</li><li>Chứng chỉ Kế toán tổng hợp, Đại học Kinh tế Quốc dân.</li><li>Chứng chỉ Kỹ năng Đánh giá Tín dụng của Omega Performance Corperation.</li></ul>
Chức vụ hiện nay tại VIB	Trưởng BKS
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>03/2019 - nay: Trưởng BKS, VIB.</li><li>12/2017 - 03/2019: Giám đốc Quản lý Cổ đông kiêm Trợ lý HĐQT, VIB.</li><li>04/2015 - 12/2017: Trợ lý cao cấp TGD kiêm Trưởng Bộ phận Quản lý Cổ đông, VIB; Phó Giám đốc Phòng Dịch vụ Nhân sự kiêm Giám đốc Bộ phận Quan hệ Lao động, Phòng Dịch vụ Nhân sự, VIB.</li><li>06/2014 - 04/2015: Trợ lý TGD kiêm Trưởng Bộ phận Quản lý Cổ đông, VIB.</li><li>04/2013 - 06/2014: Trưởng Bộ phận Quản lý Cổ đông kiêm Trợ lý HĐQT, VIB.</li><li>06/2009 - 04/2013: Thư ký HĐQT, VIB.</li><li>10/2008 - 06/2009: Giao dịch viên, VIB.</li></ul>

---

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

### Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/07/2020:

- Sở hữu cá nhân: 59.160 cổ phiếu (chiếm 0,006% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)

**Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Thù lao BKS, thưởng nhiệm kỳ (nếu có) và các chế độ phúc lợi khác theo quy chế Ngân hàng.

**Lợi ích liên quan đối với VIB:** Không có.

**Lợi ích mâu thuẫn với VIB:** Không có.

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

### ÔNG ĐÀO QUANG NGỌC

Giới tính	Nam
Ngày sinh	17/10/1982
Nơi sinh	Hà Nội
CMND/CCCD	012034889 cấp ngày 21/11/2011 tại CA TP. Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Phòng 308A Nhà E6 Tập thể Thành Công, P.Thành Công, Ba Đình, Hà Nội
Số điện thoại	(84-24) 6 299 9039
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"><li>Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế Quốc dân.</li><li>Cử nhân Tin học Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân.</li></ul>
Chức vụ hiện nay tại VIB	Thành viên BKS
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>03/2019 - nay: Thành viên BKS, VIB.</li><li>06/2018 - 03/2019: Giám đốc Bộ phận Kiểm toán Công nghệ thông tin và Giám sát từ xa, Trung tâm Kiểm toán Nội bộ, VIB.</li><li>05/2016 - 06/2018: Trưởng Bộ phận, Phòng Kiểm toán Khối Công nghệ thông tin và Phân tích dữ liệu, Trung tâm Kiểm toán Nội bộ, VIB.</li><li>09/2012 - 05/2016: Cán sự Kiểm toán bậc 2 và Cán sự Kiểm toán bậc 3, Công ty TNHH Ernst &amp; Young Vietnam.</li><li>06/2011 - 09/2012: Cán bộ Phòng Kiểm toán Nội bộ, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank).</li><li>06/2008 - 06/2011: Nhân viên Kiểm toán bậc 1 và Cán sự Kiểm toán bậc 2, Công ty TNHH Ernst &amp; Young Vietnam.</li><li>10/2006 - 04/2008: Chuyên viên chính Quản trị Cơ sở dữ liệu và Tích hợp hệ thống, VIB.</li><li>08/2005 - 10/2006: Lập trình viên, Công ty Cổ phần phần mềm Việt - Vietsoftware.</li></ul>

---

#### Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/07/2020:

- Sở hữu cá nhân: 13.765 cổ phiếu (chiếm 0,001% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)

**Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Thù lao BKS, thưởng nhiệm kỳ (nếu có) và các chế độ phúc lợi khác theo quy chế Ngân hàng.

**Lợi ích liên quan đối với VIB:** Không có.



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

Lợi ích mâu thuẫn với VIB: Không có.



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

### BÀ NGUYỄN LƯƠNG THỊ BÍCH THỦY

Giới tính	Nữ
Ngày sinh	24/11/1975
Nơi sinh	Hồ Chí Minh
CMND/CCCD	023205103 cấp ngày 28/10/2015 tại CA TP. HCM
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	211 Lô P, cư xá Thanh Đa, P.27, Q.Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh
Số điện thoại	(84-24) 6 299 9039
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"><li>Cử nhân Luật, Chuyên ngành Luật Thương mại, Đại học Luật TP.HCM.</li><li>Cử nhân Kinh tế, Chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế TP.HCM</li><li>Cử nhân Kế toán, Chuyên ngành Kế toán, Đại học Trà Vinh</li></ul>
Chức vụ hiện nay tại VIB	Thành viên BKS
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>2013 - nay: Thành viên BKS, VIB.</li><li>2004 - 2013: Trưởng Phòng Kiểm toán Nội bộ - Khu vực phía Nam, VIB; Chuyên viên, Phòng Kiểm toán Nội bộ, VIB.</li><li>2000 - 2004: Chuyên viên, Phòng Kiểm toán Nội bộ và Thu hồi Nợ, Sacombank.</li><li>1999 - 2000: Nhân viên Phòng Kinh doanh, Công ty TNHH Thương mại Khải Hoàn.</li></ul>

#### Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/07/2020:

- Sở hữu cá nhân: 63.257 cổ phiếu (chiếm 0,007% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)

**Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Thù lao BKS, thưởng nhiệm kỳ (nếu có) và các chế độ phúc lợi khác theo quy chế Ngân hàng.

**Lợi ích liên quan đối với VIB:** Không có.

**Lợi ích mâu thuẫn với VIB:** Không có.

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

### 3. BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên:	Chức vụ:
Ông Hàn Ngọc Vũ	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Văn Long	Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ
Ông Trần Nhất Minh	Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Dịch vụ Công nghệ Ngân hàng
Ông Ân Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Ban Pháp chế và Quản trị DN
Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Nguồn vốn và Ngoại hối
Bà Đặng Thị Phương Diễm	Giám đốc Khối Dịch vụ Vận hành
Ông Hà Hoàng Dũng	Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp
Bà Nguyễn Thị Tuyết Hà	Giám đốc Chuyển đổi số
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Giám đốc Khối Dịch vụ Nội bộ
Bà Trần Thị Thu Hương	Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ
Ông Hoàng Linh	Giám đốc Ban Dịch vụ Tài chính
Ông Trần Tuấn Minh	Giám đốc Ban Nhân sự
Ông Nguyễn Thanh Huy Võ	Giám đốc Mạng lưới chi nhánh
Bà Phạm Thị Minh Huệ	Kế toán trưởng



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

### ÔNG HÀN NGỌC VŨ

Tham khảo Danh sách thành viên HĐQT.

### ÔNG HỒ VĂN LONG

Giới tính	Nam
Ngày sinh	19/10/1976
Nơi sinh	Hà Tĩnh
CMND/CCCD	013119015 cấp ngày 23/06/2009 tại CA TP. Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	15B/12A Lý Nam Đế, Phường Hàng Mã, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Số điện thoại	(84-28) 6 299 9039
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"><li>Cử nhân Kinh tế, Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.</li><li>Chứng chỉ Kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA).</li></ul>
Chức vụ hiện nay tại VIB	<ul style="list-style-type: none"><li>Phó Tổng Giám đốc</li><li>Giám đốc Khối Ngân hàng Bán lẻ</li></ul>
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>08/2019 - nay: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ, VIB.</li><li>2016 – 7/2019: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm Phát triển Năng lực, VIB.</li><li>11/2018 - 08/2019: Giám đốc Khối Ngân hàng Bán lẻ - Truyền thống, VIB.</li><li>2009 - 2010: Giám đốc Tài chính, VIB; Quyền Giám đốc Tài chính, VIB;</li><li>2008 - 2009: Phó Giám đốc Tài chính, VIB.</li><li>Trước 2009: Phụ trách Bộ phận Kế toán Tài chính, Công ty Asia Pacific Breweries; Kiểm toán viên cao cấp, Ernst &amp; Young Vietnam; Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban Dự án MIS &amp; ABC Project, Techcombank.</li></ul>

### Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/07/2020:

- Sở hữu cá nhân: 3.964.411 cổ phiếu (chiếm 0,429% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)

**Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác theo quy chế Ngân hàng.

**Lợi ích liên quan đối với VIB:** Không có.

**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

---

**Lợi ích mâu thuẫn với VIB:** Không có.



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

### ÔNG TRẦN NHẤT MINH

Giới tính	Nam
Ngày sinh	01/04/1972
Nơi sinh	Hà Nội
CMND/CCCD	013365203 cấp ngày 25/10/2010 tại CA TP. Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	B7.01, Chung cư Riverside, P 5, P.Tân Phú, Q.7, TP.Hồ Chí Minh
Số điện thoại	(84-28) 6 299 9039
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"><li>Tiến sỹ Khoa học Viễn thông, Đại học Năng lượng Matxcova.</li><li>Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh ngành Chiến lược, Chương trình của The Open University, Vương Quốc Anh.</li></ul>
Chức vụ hiện nay tại VIB	<ul style="list-style-type: none"><li>Phó Tổng Giám đốc</li><li>Giám đốc Khối Dịch vụ Công nghệ Ngân hàng</li></ul>
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT, Công ty TNHH Mareven Food Holdings, Cộng hòa Síp (Republic of Cyprus).
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>2017 - nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Dịch vụ Công nghệ Ngân hàng, VIB.</li><li>2009 - nay: Thành viên HĐQT, Công ty TNHH Mareven Food Holdings, Cộng hòa Síp (Republic of Cyprus).</li><li>06/2019 - 12/2019: Thành viên độc lập HĐQT, Công ty Cổ phần Phần mềm Citigo.</li><li>2016 - 2017: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Công nghệ số, VIB.</li><li>2015 - 2016: Phó Tổng Giám đốc kiêm Phụ trách Công nghệ và Vận hành VIB; Giám đốc Khối Dịch vụ Công nghệ Ngân hàng, VIB.</li><li>2012 - 2015: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách hoạt động các Khối Hỗ trợ, VIB.</li><li>Trước 2012: Giám đốc Điều hành, Công ty Mareven Food Centra; Phó Tổng Giám đốc và Tổng Giám đốc, Công ty ProInvest Co. Ltd., Công ty FG, Công ty ZAO "DHV-S JSC.</li></ul>

### Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/07/2020:

- Sở hữu cá nhân: 267.532 cổ phiếu (chiếm 0,029% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 46.640.255 cổ phiếu (tương đương 5,045% vốn điều lệ)



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại VIB	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Trần Thị Thảo Hiền	Em gái	45.932.635	4,968%
Phạm Thị Kim Ngọc	Vợ	707.620	0,077%

**Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác theo quy chế Ngân hàng.

**Lợi ích liên quan đối với VIB:** Không có.

**Lợi ích mâu thuẫn với VIB:** Không có.



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

### ÔNG AN THANH SƠN

Giới tính	Nam
Ngày sinh	25/05/1971
Nơi sinh	Hải Phòng
CMND/CCCD	012988072 cấp ngày 09/02/2011 tại CA TP. Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 4/28 Ông Ích Khiêm, phường Điện Biên, quận Ba Đình, TP Hà Nội
Số điện thoại	(84-28) 6 299 9039
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"><li>Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Quốc tế, Chương trình liên kết giữa Đại học Quốc Gia Hà Nội và Đại học Tổng hợp Irvine, California, Hoa Kỳ.</li><li>Cử nhân Luật, Đại học Luật Hà Nội</li><li>Kỹ sư Kinh tế, Đại học Hàng Hải</li></ul>
Chức vụ hiện nay tại VIB	<ul style="list-style-type: none"><li>Phó tổng Giám đốc</li><li>Giám đốc Ban Pháp chế và Quản trị Doanh nghiệp</li></ul>
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none"><li>Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Công nghệ IsofH</li><li>Chủ tịch Hội đồng Luật sư thành viên, Công ty luật TNHH SH legal Vietnam.</li></ul>
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>2013 - nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Ban Pháp chế và Quản trị Doanh nghiệp, VIB.</li><li>2011 - 2013: Chủ tịch VIBAMC, Thành viên HĐQT VIB.</li><li>2008 - 2011: Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT VIB.</li><li>2007 - 2008: Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Giám đốc Khối Chi nhánh và Dịch vụ, VIB.</li><li>2004 - 2007: Phó Tổng Giám đốc kiêm Chánh Văn phòng, VIB; Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Phát triển Kinh doanh Chi nhánh, VIB.</li><li>2003 - 2004: Chánh Văn phòng, VIB.</li><li>2002 - 2003: Trợ lý Tổng Giám đốc, VIB.</li><li>Trước 2003: Ngân hàng Hàng Hải: Chánh Văn phòng; Trưởng phòng Nhân sự; Phó Chánh Văn phòng; Cán bộ nghiệp vụ Phòng Thị trường.</li><li>2018 - nay: Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Công nghệ IsofH.</li><li>2015 - nay: Chủ tịch Hội đồng Luật sư thành viên, Công ty Luật TNHH SH Legal Vietnam.</li></ul>

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/07/2020:

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

- Sở hữu cá nhân: 2.755.735 cổ phiếu (chiếm 0,298% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)

**Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác theo quy chế Ngân hàng.

**Lợi ích liên quan đối với VIB:** Không có.

**Lợi ích mâu thuẫn với VIB:** Không có.



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

### ÔNG LÊ QUANG TRUNG

Giới tính	Nam
Ngày sinh	26/03/1973
Nơi sinh	Khánh Hoà
CMND/CCCD	040073000317 cấp ngày 24/08/2017 tại Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về DC
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	82 Nguyễn Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP HCM
Số điện thoại	(84-28) 6 299 9039
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Maastricht, Hà Lan.
Chức vụ hiện nay tại VIB	<ul style="list-style-type: none"><li>• Phó Tổng Giám đốc</li><li>• Giám đốc Khối Nguồn vốn và Ngoại hối</li></ul>
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none"><li>• Thành viên Hội đồng Thành viên, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng &amp; Thương mại Đại Hùng.</li></ul>
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>• 2010 – nay: Phó Tổng Giám đốc, VIB; Giám đốc Khối Nguồn vốn và Ngoại hối, VIB.</li><li>• 2002 - nay: Thành viên Hội đồng Thành viên, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng &amp; Thương mại Đại Hùng.</li><li>• 2016 - 2017: Giám đốc Khối KHDN Nước ngoài, VIB.</li><li>• 01/2013 - 05/2013: Quyền Tổng Giám đốc, VIB.</li><li>• 01/2010 - 01/2013: Phó Tổng Giám đốc, VIB.</li><li>• 04/01/2010 - 10/01/2010: Cố vấn cao cấp của Giám đốc Khối Ngoại hối và Nguồn vốn, VIB; Trợ lý Tổng Giám đốc về Nguồn vốn, VIB.</li><li>• Trước 2010: Chuyên gia tư vấn độc lập về Kinh doanh Tiền tệ và Vốn; Giảng viên Trung tâm Đào tạo, Ngân hàng MPDF and BTC; Giám đốc Kinh doanh Tiền tệ và Vốn, BNP Paribas; Giám đốc Kinh doanh Tiền tệ, Citigroup Việt Nam; Giám đốc Kinh doanh Tiền tệ và Vốn; Thành viên Ủy ban ALCO, Deutsche Bank AG.</li></ul>

#### Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/07/2020:

- Sở hữu cá nhân: 274.727 cổ phiếu (chiếm 0,030% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)

**Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác theo quy chế Ngân hàng.

**Lợi ích liên quan đối với VIB:** Không có.

**Lợi ích mâu thuẫn với VIB:** Không có.

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

### BÀ ĐẶNG THỊ PHƯƠNG ĐIỂM

Giới tính	Nữ
Ngày sinh	29/09/1973
Nơi sinh	Long An
CMND/CCCD	024237116 cấp ngày 16/06/2015 tại CA TP. HCM
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	77 Đường 75, Khu dân cư Tân Quy Đông, KP2, P.Tân Phong, Q.7, TP HCM
Số điện thoại	(84-28) 6 299 9039
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"><li>Thạc sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia TP.HCM</li><li>Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế TP.HCM</li></ul>
Chức vụ hiện nay tại VIB	Giám đốc Khối Dịch vụ Vận hành
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Giám đốc Hành chính - Nhân sự, Công ty Cổ Phần Môi giới Bảo hiểm Legacy.
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>03/2019 - nay: Giám đốc Khối Dịch vụ Vận hành, VIB.</li><li>01/2019 - nay: Giám đốc Hành chính - Nhân sự, Công ty Cổ Phần Môi giới Bảo hiểm Legacy.</li><li>11/2018 - 03/2019: Giám đốc Khối Nghiệp vụ Tổng hợp - Dịch vụ Hỗ trợ Kinh doanh, VIB.</li><li>2012 - 11/2018: Giám đốc Khối Nghiệp vụ Tổng hợp, VIB.</li><li>2009 - 2012: Phó Giám đốc Khối Nghiệp vụ Tổng hợp, VIB; Giám đốc Trung tâm Xử lý Giao dịch tập trung, VIB;</li><li>2003 - 2008: Giám đốc Phòng Tài trợ Thương mại và Quản lý Dòng tiền, VIB; Trưởng phòng Thanh toán Quốc tế và Giao dịch Tiền tệ, Chi nhánh VIB HCM, VIB.</li><li>2002 - 2003: Phó Phòng Thanh toán Quốc tế - Chi nhánh HCM, VIB.</li><li>Trước 2002: Trưởng phòng Tín dụng, Techcombank,...</li></ul>

#### Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/07/2020:

- Sở hữu cá nhân: 279.361 cổ phiếu (chiếm 0,030% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)

**Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác theo quy chế Ngân hàng.

**Lợi ích liên quan đối với VIB:** Không có.

**Lợi ích mâu thuẫn với VIB:** Không có.



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

### ÔNG HÀ HOÀNG DŨNG

Giới tính	Nam
Ngày sinh	11/10/1974
Nơi sinh	Hà Nội
CMND/CCCD	001074021217 cấp ngày 23/01/2019 tại Cục CS QLHC về TTXH
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 8 Nguyễn Quyền, P.Nguyễn Du, Q.Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại	(84-28) 6 299 9039
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân.
Chức vụ hiện nay tại VIB	Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	

- 11/2018 - nay: Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro, VIB.
- 07/2018 - 10/2018: Quyền Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro, VIB.
- 2017 - 2018: Phó Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro kiêm Giám đốc Trung tâm Giám sát Rủi ro và Tuân thủ, VIB.
- 2012 - 2017: Giám đốc Phòng Quản lý Rủi ro Thị trường và Định chế Tài chính kiêm Giám đốc Phòng Quản lý Rủi ro Hoạt động, VIB.
- 2011 - 2012: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro, VIB.
- 2010 - 2011: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Đầu tư và các Dự án Đặc biệt, VIB.
- 2008 - 2010: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn và Ngoại hối, VIB.
- Trước 2008: Giám đốc Khối Nguồn vốn và Ngoại hối, Chi nhánh Ngân hàng Mizuho tại Việt Nam; Các vị trí quản lý cao cấp, Fuji Bank.

### Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/07/2020:

- Sở hữu cá nhân: 469.340 cổ phiếu (chiếm 0,051% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 868.485 cổ phiếu (tương đương 0,094% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại VIB	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Phạm Thu Hà	Vợ	868.485	0.094%



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

**Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác theo quy chế Ngân hàng.

**Lợi ích liên quan đối với VIB:** Không có.

**Lợi ích mâu thuẫn với VIB:** Không có.



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

### ÔNG NGUYỄN XUÂN DŨNG

Giới tính	Nam
Ngày sinh	31/05/1970
Nơi sinh	Quảng Ninh
CMND/CCCD	022070001176 cấp ngày 10/05/2017 tại Cục CS ĐKQL Dữ liệu QG về DC
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	P 1207 D11 Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại	(84-28) 6 299 9039
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế Chuyên ngành Tài chính Tín dụng, Học viện Ngân hàng.
Chức vụ hiện nay tại VIB	Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>08/2019 - nay: Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp, VIB.</li><li>08/2012 - 08/2019: Phó Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp, VIB kiêm Giám đốc Trung tâm Kinh doanh lớn (HUB/CB) Hội sở và (HUB/CB) Sở Giao dịch/Lý Thường Kiệt kiêm Giám đốc Khách hàng Doanh nghiệp Miền Bắc.</li><li>10/2011 - 07/2012: Phó Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp phụ trách Quản lý Khối Khách hàng Doanh nghiệp, VIB.</li><li>04/2009 - 10/2011: Phó Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp kiêm Giám đốc khách hàng doanh nghiệp Vùng Nam Hà Nội kiêm Giám đốc Chi nhánh Trung tâm Kinh doanh, VIB; Phó Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp kiêm Giám đốc Trung Tâm kinh doanh, VIB.</li><li>08/2008 - 03/2009: Phó Giám đốc Khối BC &amp; FDI kiêm Giám đốc Trung Tâm kinh doanh, VIB.</li><li>02/2006 - 08/2008: Giám đốc Kinh doanh Chi nhánh Quảng Ninh, VIB.</li><li>09/2005 - 02/2006: Quyền Giám đốc Kinh doanh Chi nhánh Quảng Ninh, VIB.</li><li>07/2005 - 09/2005: Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp, Chi nhánh Quảng Ninh, VIB.</li><li>1993 - 06/2005: Phó Trưởng phòng Thanh toán Quốc tế và Dịch vụ, Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Quảng Ninh.</li></ul>

### Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/07/2020:

- Sở hữu cá nhân: 328.764 cổ phiếu (chiếm 0,036% vốn điều lệ)

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 336.659 cổ phiếu (tương đương 0,036% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại VIB	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Nguyễn Hoàng Kiên	Em ruột	336.659	0,036%

**Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác theo quy chế Ngân hàng.

**Lợi ích liên quan đối với VIB:** Không có.

**Lợi ích mâu thuẫn với VIB:** Không có.



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

### BÀ NGUYỄN THỊ TUYẾT HÀ

Giới tính	Nữ
Ngày sinh	16/08/1981
Nơi sinh	Hồ Chí Minh
CMND/CCCD	079181007260 cấp ngày 23/08/2018 tại Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về DC
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	47 Yersin, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại	(84-28) 6 299 9039
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"><li>Cử nhân Kinh tế, Đại học Ngoại Thương TP.HCM</li><li>Đại học Central Lancashire (Anh)</li></ul>
Chức vụ hiện nay tại VIB	<ul style="list-style-type: none"><li>Giám đốc Chuyển đổi số</li></ul>
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>8/2020: Giám đốc Chuyển đổi số, VIB.</li><li>06/2017 – 8/2020: Phó Giám đốc Khối Ngân hàng Bán lẻ kiêm Giám đốc Chiến lược và Vận hành, Khối Ngân hàng bán lẻ, VIB.</li><li>06/2018 - 11/2018: Phụ trách điều hành hoạt động của Khối NHBL, VIB.</li><li>09/2016 - 06/2017: Giám đốc Trung tâm Quản lý Giá trị Khách hàng, Khối Ngân hàng Bán lẻ, VIB.</li><li>05/2016 - 09/2016: Giám đốc Phòng Khách hàng cao cấp và Quản lý Tài sản, Trung tâm Quản lý Giá trị khách hàng kiêm Giám đốc Phòng Marketing và Truyền Thông, VIB.</li><li>Trước 2016: Quản lý Marketing, Bảo hiểm và Quản lý tài sản ở Vietnamnet và Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam.</li></ul>

### Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/07/2020:

- Sở hữu cá nhân: 260.824 cổ phiếu (chiếm 0,028% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 297.867 cổ phiếu (tương đương 0,03% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại VIB	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Từ Anh Hào	Chồng	297.867	0,03%

**Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác theo quy chế Ngân hàng.

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

**Lợi ích liên quan đối với VIB:** Không có.

**Lợi ích mâu thuẫn với VIB:** Không có.

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

### ÔNG NGUYỄN HOÀNG HẢI

Giới tính	Nam
Ngày sinh	06/09/1973
Nơi sinh	Hà Nội
CMND/CCCD	027073000264 cấp ngày 06/02/2017 tại Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG DC
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	P2013, Tòa Nhà Kinh Đô, P. Phạm Đình Hổ, Q.Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
Số điện thoại	(84-28) 6 299 9039
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"><li>Thạc sĩ Kỹ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội.</li><li>Cử nhân Khoa học, Đại học Tổng hợp Hà Nội.</li></ul>
Chức vụ hiện nay tại VIB	Giám đốc Khối Dịch vụ Nội bộ
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>03/2019 - nay: Giám đốc Khối Dịch vụ Nội bộ, VIB.</li><li>2017 - nay: Giám đốc Phòng Chuyển đổi Mô hình Vận hành, VIB.</li><li>11/2018 - 03/2019: Giám đốc Khối Nghiệp vụ Tổng hợp - Dịch vụ Nội bộ, VIB.</li><li>2013 - 2017: Phó Giám đốc Khối Nghiệp vụ Tổng hợp, VIB.</li><li>Trước 2013: Giám đốc Nghiệp vụ Tổng hợp kiêm Giám đốc Chiến lược; Giám đốc Thương mại, Công ty Công nghệ Thông tin và Truyền thông GTEL; Giám đốc Kỹ thuật, Millicom Lào.</li></ul>

### Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/07/2020:

- Sở hữu cá nhân: 851 cổ phiếu (chiếm 0,00% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)

**Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác theo quy chế Ngân hàng.

**Lợi ích liên quan đối với VIB:** Không có.

**Lợi ích mâu thuẫn với VIB:** Không có.



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

### BÀ TRẦN THỊ THU HƯƠNG

Giới tính	Nữ
Ngày sinh	12/08/1983
Nơi sinh	Hà Nội
CMND/CCCD	001183001625 cấp ngày 26/04/2014 tại Cục CS ĐKQL Dữ liệu QG về DC
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Tổ 26, Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại	(84-28) 6 299 9039
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"><li>Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Fordham, Hoa Kỳ.</li><li>Thạc sỹ Phân tích Tài chính, Đại học Fordham, Hoa Kỳ.</li><li>Cử nhân Kinh tế Quốc tế, Đại học Ngoại thương.</li></ul>
Chức vụ hiện nay tại VIB	Giám đốc Khối Ngân hàng Bán lẻ
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>08/2019 - nay: Giám đốc Khối Ngân hàng Bán lẻ, VIB.</li><li>11/2018 - 08/2019: Giám đốc Khối Ngân hàng Bán lẻ - Kinh doanh Chiến lược, VIB.</li><li>2016 - nay: Giám đốc Phòng Chiến lược và Hỗ trợ Kinh doanh, VIB.</li><li>2014 - 2015: Chuyên viên cao cấp Phòng Tài trợ Cấu trúc, VIB.</li><li>Trước 2014: Cán bộ tại các công ty và ngân hàng: General Electrics, Goldman Sachs, Glendon Capital Management, HSBC, SCIC.</li></ul>

### Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/07/2020:

- Sở hữu cá nhân: 7.229.980 cổ phiếu (chiếm 0,782% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 2.803.918 cổ phiếu (tương đương 0,303% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại VIB	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Trần Đức Quý	Bố	2.626.935	0,284%
Trần Thị Thanh Huyền	Em gái	176.983	0,019%

**Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác theo quy chế Ngân hàng.

**Lợi ích liên quan đối với VIB:** Không có.

**Lợi ích mâu thuẫn với VIB:** Không có.

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

### ÔNG HOÀNG LINH

Giới tính	Nam
Ngày sinh	29/03/1979
Nơi sinh	Hà Nội
CMND/CCCD	001079012891 cấp ngày 04/05/2019 tại Cục CS QLHC về TTXH
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	10 Ngõ 77/43 Bùi Xương Trạch, P.Khuông Đình, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Số điện thoại	(84-28) 6 299 9039
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế đối ngoại, Đại học Ngoại thương.
Chức vụ hiện nay tại VIB	Giám đốc Ban Dịch vụ Tài chính
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>• 09/2017 - nay: Giám đốc Ban Tài chính, VIB.</li><li>• 2016 - 09/2017: Quyền Giám đốc Ban Tài chính, VIB.</li><li>• 2013 - 2016: Giám đốc Phòng Kế hoạch và Ngân sách kiêm Giám đốc Phòng Dự án và Hệ thống Tài chính, VIB.</li><li>• 2012 - 2013: Giám đốc Phòng Kế hoạch, VIB.</li><li>• Trước 2012: Cán bộ tại các công ty: Fullerton Financial Holdings, Công ty CP chứng khoán FPT5, Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam.</li></ul>

---

#### Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/07/2020:

- Sở hữu cá nhân: 132.925 cổ phiếu (chiếm 0,014% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)

**Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác theo quy chế Ngân hàng.

**Lợi ích liên quan đối với VIB:** Không có.

**Lợi ích mâu thuẫn với VIB:** Không có.

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

### ÔNG TRẦN TUẤN MINH

Giới tính	Nam
Ngày sinh	10/12/1974
Nơi sinh	Quảng Ninh
CMND/CCCD	022074002485 cấp ngày 25/06/2018 tại Cục CS ĐKQL Dữ liệu QG về DC
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	P.A412, Thăng Long N01,1 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
Số điện thoại	(84-28) 6 299 9039
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Đại học Thương mại.
Chức vụ hiện nay tại VIB	Giám đốc Ban Nhân sự
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>• 2017 - nay: Giám đốc Ban Nhân sự, VIB.</li><li>• 2014 - 2017: Phó Giám đốc Ban Nhân sự kiêm Trưởng phòng Dịch vụ Nhân sự, VIB.</li><li>• 2012 - 2014: Giám đốc Phòng Chính sách và Chế độ Đãi ngộ, VIB.</li><li>• Trước 2012: Trưởng phòng Nhân sự, Công ty Tư vấn Nguồn Nhân lực NIC; Trưởng phòng Nhân sự, Công ty Vimaflour.</li></ul>

---

### Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/07/2020:

- Sở hữu cá nhân: 406.114 cổ phiếu (chiếm 0,044% vốn điều lệ).
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu tại ngày 31/07/2020

**Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác theo quy chế Ngân hàng.

**Lợi ích liên quan đối với VIB:** Không có.

**Lợi ích mâu thuẫn với VIB:** Không có.



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

### ÔNG NGUYỄN THANH HUY VÕ

Giới tính	Nam
Ngày sinh	10/03/1977
Nơi sinh	Thành phố Hồ Chí Minh
CMND/CCCD	079077001245 cấp ngày 08/04/2016 tại CA TP. HCM
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	563/41 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại	(84-28) 6 299 9039
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"><li>Cử nhân Tài chính - Ngân hàng, Đại học Ngân hàng.</li><li>MBA Tư vấn quản lý quốc tế, Đại học Khoa học ứng dụng Tây Bắc Thụy Sĩ</li></ul>
Chức vụ hiện nay tại VIB	<ul style="list-style-type: none"><li>Giám đốc Mạng lưới Chi nhánh – Khối Ngân hàng bán lẻ</li></ul>
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>04/2020 - nay: Giám đốc Mạng lưới Chi nhánh, Khối Ngân hàng bán lẻ, VIB.</li><li>04/2018 - 03/2020: Giám đốc Vùng Tây Hồ Chí Minh, VIB.</li><li>09/2017 - 04/2018: Giám đốc kinh doanh cao cấp, VIB Tôn Đức Thắng, VIB.</li><li>Trước 2017: Đảm nhiệm các vị trí Giám đốc Khối, Giám đốc Trung tâm Cho vay thế chấp, Phó Giám đốc Trung tâm Kinh doanh trực tiếp... tại các Ngân hàng nước ngoài như Commonwealth Bank, Standard Chartered Bank, HSBC và ANZ.</li></ul>

---

#### Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/07/2020:

- Sở hữu cá nhân: 20.064 cổ phiếu (chiếm 0,002% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)

**Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác theo quy chế Ngân hàng.

**Lợi ích liên quan đối với VIB:** Không có.

**Lợi ích mâu thuẫn với VIB:** Không có.

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

### BÀ PHẠM THỊ MINH HUỆ

Giới tính	Nữ
Ngày sinh	08/08/1983
Nơi sinh	Lào Cai
CMND/CCCD	013097352 cấp ngày 18/04/2012 tại CA TP. Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	21 Đông Quan, Phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại	(84-28) 6 299 9039
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"><li>Cử nhân Kiểm toán ngân hàng, Học viện Ngân hàng.</li><li>Chứng chỉ Kế toán trưởng (Học viện Tài chính).</li></ul>
Chức vụ hiện nay tại VIB	Kế toán trưởng
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>2019 - nay: Kế toán trưởng, VIB.</li><li>2016 - nay: Giám đốc Trung tâm Kế toán, VIB.</li><li>2011 - nay: Phó Giám đốc Ban dịch vụ Tài chính, VIB.</li><li>2009 - nay: Trưởng phòng Phân tích Tài chính, Ban Tài chính, VIB.</li><li>2005 - 2008: Chuyên viên Phòng Kế toán Tổng hợp, Ban Tài chính, VIB.</li></ul>

---

#### Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/07/2020:

- Sở hữu cá nhân: 28.282 cổ phiếu (chiếm % 0,003 điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (tương đương 0% vốn điều lệ)

**Thù lao và các khoản lợi ích khác:** Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác theo quy chế Ngân hàng.

**Lợi ích liên quan đối với VIB:** Không có.

**Lợi ích mâu thuẫn với VIB:** Không có.

## TÀI SẢN

### 1. GIÁ TRỊ TÀI SẢN TẠI NGÀY 30/06/2020

Bảng 44 – Giá trị tài sản tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	680.321	458.313	222.008
Nhà cửa, vật tư kiến trúc	105.670	47.918	57.752
Máy móc thiết bị	373.829	254.625	119.204
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	51.531	47.264	4.267
Thiết bị, dụng cụ quản lý	50.920	27.600	23.320
Tài sản cố định hữu hình khác	98.371	80.906	17.465
Tài sản cố định vô hình	350.135	218.267	131.868
Quyền sử dụng đất	1.592	-	1.592
Phần mềm tin học	341.297	211.079	130.218
Tài sản cố định vô hình khác	7.246	7.188	58
Tổng cộng	1.030.456	676.580	353.876

(Nguồn: BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng năm 2020 của VIB)



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

### 2. GIÁ TRỊ TÀI SẢN TẠI 31/12/2019

Bảng 45 – Giá trị tài sản tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	659.129	430.915	228.214
Nhà cửa, vật tư kiến trúc	104.042	44.908	59.134
Máy móc thiết bị	361.666	238.473	123.193
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	51.530	46.693	4.837
Thiết bị, dụng cụ quản lý	45.264	23.671	21.593
Tài sản cố định hữu hình khác	96.627	77.170	19.457
Tài sản cố định vô hình	339.293	202.398	136.895
Quyền sử dụng đất	1.592	-	1.592
Phần mềm tin học	330.456	195.221	135.235
Tài sản cố định vô hình khác	7.245	7.177	68
Tổng cộng	998.422	633.313	365.109

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 của VIB)

## KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020 & 2021

Năm 2020 là năm thứ 4 của quá trình chuyển đổi, VIB sẽ tiếp tục phát triển các mảng kinh doanh cốt lõi, hoàn thiện mô hình vận hành, đảm bảo duy trì tăng trưởng ổn định 20%-30%/năm ở các chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu, giảm thiểu hơn nữa các rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường, hướng đến một VIB có quy mô và chất lượng hàng đầu.

Với kinh nghiệm chuyển đổi đã được tích lũy trong 3 năm qua, VIB kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì mức tăng trưởng của Ngân hàng ở mức cao hơn thị trường về cả tỷ lệ tăng trưởng lẫn chất lượng tăng trưởng, trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu.

### 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020 & 2021

ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2020 dựa trên những dự báo về môi trường hoạt động, ảnh hưởng của dịch COVID-19 cùng tiềm lực tài chính và chiến lược kinh doanh cụ thể của Ngân hàng. Bên cạnh đó, HĐQT đã phê duyệt đề xuất về kế hoạch kinh doanh năm 2021 và sẽ đưa ra ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 phê duyệt chính thức. Cụ thể như sau:

Bảng 46 – Kế hoạch kinh doanh năm 2020 & 2021

Đơn vị tính: tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	
		Giá trị	% +/- năm 2020
Tổng tài sản	222.000	292.000	32%
Dư nợ tín dụng (*)	164.408	215.000	31%
Huy động vốn (**)	166.120	223.000	34%
Vốn chủ sở hữu	16.931	20.622	22%
Doanh thu thuần	10.300	14.000	36%
Lợi nhuận trước thuế	4.500	6.500	44%
Lợi nhuận sau thuế	3.600	5.200	44%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	35%	37%	
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	25%	27%	
Tỷ lệ nợ xấu	<3%	<3%	
Cổ tức	20%	≥20%	

(\*) Mức tăng trưởng tín dụng tối đa không được vượt quá hạn mức mà NHNN cho phép.

(\*\*) Huy động vốn bao gồm huy động tiền gửi khách hàng, phát hành giấy tờ có giá.

### 2. CĂN CỨ ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN NÓI TRÊN

Trong năm 2020, VIB tiếp tục tập trung vào việc phát triển các chiến lược chính sau đây:

- Tăng trưởng mạnh mẽ các sản phẩm tín dụng và huy động tiền gửi;
- Tiếp tục tập trung vào các sản phẩm thẻ và các giải pháp công nghệ tiên tiến;



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

- Giữ vững và củng cố vị trí trong thị trường trong mảng Bảo hiểm;
- Xây dựng mô hình tương tác hướng đến sự chia sẻ lợi ích với khách hàng;
- Mở rộng các kênh bán hàng xuất sắc, tiếp tục cải tạo và nâng cấp các chi nhánh tiêu biểu trên toàn hệ thống;
- Tăng cường marketing, truyền thông và quảng bá thương hiệu một cách mạnh mẽ;
- Phát triển con người;
- Quản trị rủi ro chặt chẽ và luôn đảm bảo tuân thủ.

### Đối với mảng Ngân hàng kỹ thuật số

- Gia tăng số lượng khách hàng giao dịch với VIB qua các nền tảng công nghệ số bằng việc tiếp cận khách hàng mục tiêu mới bằng các hoạt động marketing đúng hướng, tăng tỉ lệ chuyển đổi thành công nhóm khách hàng tiềm năng thành khách hàng thực tế bằng cách rút ngắn và tự động hóa quy trình bán hàng, giảm thiểu tối đa thời gian chờ đợi của khách hàng.
- Ngoài việc tiếp tục cải tiến và tối ưu các kênh giao dịch hiện tại, VIB sẽ thực hiện nghiên cứu triển khai các kênh giao dịch công nghệ số mới qua Social media giúp khách hàng có thể tiếp cận với các dịch vụ tài chính của VIB trên các nền tảng công nghệ số nhanh chóng và thuận tiện.
- Tiếp tục cải tiến và số hóa công cụ hỗ trợ bán hàng dành cho nhân viên kinh doanh, đồng thời tích hợp tự động với các hệ thống tương ứng liên quan đến từng chỉ tiêu sản phẩm, giúp giảm thiểu tối đa các thao tác thủ công, tăng hiệu suất lao động của cán bộ kinh doanh, từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh, thể hiện ở số lượng sản phẩm và số lượng khách hàng đăng ký và sử dụng.
- Tiếp tục nghiên cứu và nắm bắt, đón đầu các xu hướng tiêu dùng thời công nghệ số, đồng thời chủ động áp dụng các quy trình và giải pháp công nghệ mới bằng cách hợp tác với các công ty startup, fintech... nhằm thiết lập và tạo nên những sản phẩm dịch vụ mang tính đột phá trên thị trường.

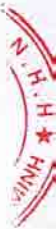
### Đối với Khối khách hàng doanh nghiệp

- Khối KHDN tiếp tục chuyển đổi danh mục khách hàng và tài sản, tập trung cho vay vốn lưu động ngắn hạn, ưu tiên phục vụ phân khúc doanh nghiệp trung, vừa và nhỏ, và tài trợ vốn cho các doanh nghiệp trong năm lĩnh vực ưu tiên của chính phủ. Khối KHDN sẽ phát triển và tập trung kinh doanh các sản phẩm tài trợ thương mại, đáp ứng nhu cầu thanh toán và vay vốn tài trợ hoạt động xuất nhập khẩu.
- Quản lý dòng tiền và ngân hàng số được xác định là mục tiêu chiến lược cho 2020 cho Khối KHDN. Song song với việc triển khai cung cấp giải pháp đặc thù cho các khách hàng lớn và chiến lược, Khối tập trung xây dựng và nâng cấp nền tảng ngân hàng số phục vụ khách hàng doanh nghiệp.
- Nhân sự là tài nguyên quan trọng của Khối và là yếu tố cần thiết cho phát triển bền vững. Khối tiếp tục xây dựng các chính sách đãi ngộ và đào tạo, khuyến khích đẩy mạnh phát triển theo mục tiêu chiến lược của Khối và của VIB nói chung.
- Tiếp tục duy trì mục tiêu quản trị rủi ro chặt chẽ, kiểm soát tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu và giảm thiểu rủi ro tín dụng tập trung thông qua đẩy mạnh hoạt động cho vay vốn lưu động ngắn hạn cho phân khúc khách hàng trung, vừa và nhỏ. Ngoài ra, Khối đã bổ sung nhiều nhân sự chủ chốt, giàu kinh nghiệm trong công tác quản trị rủi ro cho các phòng Tái Thẩm Định và Phòng Kiểm soát nội bộ, nhằm thực hiện tốt quản trị rủi ro tuyến một.



### Đối với Khối Nguồn vốn và Ngoại hối

- Bám sát sự biến động của thị trường trong nước và thế giới để thúc đẩy các hoạt động kinh doanh trên thị trường tiền tệ, thị trường vốn, ngoại hối;
- Tiếp tục giữ vững vị thế tạo lập thị trường: Phần đầu duy trì Nhà tạo lập thị trường kinh doanh trái phiếu và top 10 Nhà tạo lập thị trường ngoại hối và sáng tạo nhất trong việc cung cấp giải pháp ngoại hối, top 5 ngân hàng cho vay Tài trợ thương mại hiệu quả và sáng tạo trên thị trường;
- Sáng tạo trong việc cung cấp các giải pháp và dịch vụ tài chính cho các khối kinh doanh khác, như phối hợp cùng Khối KHDN cung cấp các sản phẩm cấu trúc tới các khách hàng là TCKT;
- Quản trị rủi ro thanh khoản, lãi suất và đảm bảo các chỉ số an toàn cho toàn VIB;
- Đa dạng hóa các nguồn vốn huy động trên thị trường Việt Nam và quốc tế, đặc biệt chú trọng nguồn vốn trung và dài hạn để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Khối và toàn VIB.



## **CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN - NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM (VIB AMC)**

Tại ngày 31/12/2019, VIB có một công ty con 100% vốn sở hữu là VIB AMC", với vốn điều lệ 100 tỷ đồng, tổng tài sản 209 tỷ đồng, hoạt động trong lĩnh vực: thẩm định TSBD, nhận ủy thác bán và khai thác TSBD, quản lý TSBD là hàng hóa và các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Với mục tiêu hoạt động là cung cấp dịch vụ hiệu quả và chất lượng, VIB AMC đã có nhiều đóng góp tích cực trong công tác quản trị rủi ro cho VIB.

Bảng 47 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2019 của VIB AMC

*Đơn vị tính: triệu đồng, %*

Chỉ tiêu	2018	2019	%/+ - 2018
Doanh thu	18.451	17.195	(7)
Chi phí	7.891	9.174	16
Lợi nhuận trước thuế	10.560	8.021	(24)
Lợi nhuận sau thuế	8.447	6.417	(24)

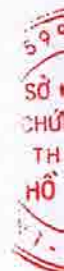
*(Nguồn: VIB)*

Doanh thu và lợi nhuận của VIB AMC năm 2019 giảm 7% và 24% so với năm 2018 chủ yếu đến từ doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu khác từ hoạt động mua bán tài sản.

## **KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ**

Ngày	Nội dung
30/06/2020	Tại ĐHCĐ thường niên năm 2020 của VIB, Nghị quyết ĐHCĐ số 1.001.20.01 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Ngân hàng từ 9.244.913.950.000 đồng thành 11.093.896.740.000 đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu bằng việc chia thưởng cho cổ đông hiện hữu.
11/09/2020	NHNN ban hành văn bản số 6628/NHNN-TTGSNH chấp thuận việc VIB tăng vốn điều lệ từ 9.244.913.950.000 đồng lên 11.093.896.740.000 đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu của VIB bằng việc chia cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 20% cho cổ đông hiện hữu.
17/09/2020	VIB đã nộp Tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tới UBCKNN.

---





## **ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC**

Với tư cách là Tổ chức tư vấn, VNDIRECT đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích về hoạt động kinh doanh của VIB. Căn cứ vào năng lực điều hành của ban lãnh đạo, hệ thống quản trị rủi ro, và kết quả hoạt động kinh doanh đã đạt được trong những năm gần đây của VIB, chúng tôi nhận thấy rằng, trong điều kiện không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận của VIB có thể thực hiện được và có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo và nhà đầu tư sẽ tự mình ra quyết định đầu tư.

## **THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**

Không có.

## **CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIỆN TỤNG LIÊN QUAN TỚI NGÂN HÀNG MÀ CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

Không có.

C. T.  
AO DỊCH  
KHOA  
PH  
HÍ MIN  
P. HỒ C

# CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT



## THÔNG TIN CHỨNG KHOÁN

### 1. LOẠI CHỨNG KHOÁN

Cổ phiếu phổ thông

### 2. MỆNH GIÁ

10.000 đồng/cổ phiếu

### 3. TỔNG SỐ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

924.491.395 cổ phiếu

### 4. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HOẶC CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Khi cổ phiếu của VIB niêm yết trên HSX, theo quy định tại Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và quy chế niêm yết của HSX, cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên HĐQT, BKS, TGD, Phó TGD và Kế toán trưởng của Ngân hàng; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Ngân hàng phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

Ngoài ra, căn cứ Điều 56.1 Luật các TCTD số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Điều lệ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam: cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện nắm giữ chức vụ trong HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc của TCTD không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

Bảng 48 - Danh sách tổng hợp hạn chế chuyển nhượng trong vòng 06 tháng kể từ ngày cổ phiếu VIB được chấp thuận niêm yết và 06 tháng tiếp theo



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Chức vụ	SLCP cá nhân/đại diện sở hữu	Trong toàn thời gian đương nhiệm vị trí trong HĐQT, BKS, và TGD	Trong thời gian được bổ nhiệm vào vị trí trong HĐQT, BKS, và TGD	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng
						Trong thời gian không còn đương nhiệm vị trí trong HĐQT, BKS, và TGD nhưng vẫn thuộc đối tượng người nội bộ
						06 tháng kể từ ngày niêm yết (100% SLCP sở hữu)
						06 tháng tiếp theo (50% SLCP sở hữu)
<b>I. Hội đồng quản trị</b>						
1	Đặng Khắc Vỹ	Chủ tịch HĐQT	46.132.121	46.132.121	-	46.132.121
2	Đặng Văn Sơn	Phó Chủ tịch	3.500.783	3.500.783	-	3.500.783
3	Đỗ Xuân Hoàng	Thành viên	46.132.121	46.132.121	-	46.132.121
4	Hàn Ngọc Vũ	Thành viên HĐQT, TGD, Người đại diện theo pháp luật	1.914.962	1.914.962	-	1.914.962
5	Nguyễn Việt Cường	Thành viên độc lập	-	-	-	-
<b>II. Ban Tổng Giám đốc</b>						
1	Hàn Ngọc Vũ	Như tại HĐQT	-	-	-	-
2	Hồ Văn Long	Phó TGD, GD Khối Ngân hàng bán lẻ	3.964.411	-	3.964.411	3.964.411
3	Trần Nhất Minh	Phó TGD, GD Khối Dịch vụ Công nghệ Ngân hàng	267.532	-	267.532	267.532
4	Án Thanh Sơn	Phó TGD/ GD Ban Pháp chế và Quản trị Doanh nghiệp, Người được ủy quyền CBTT	2.755.735	-	2.755.735	2.755.735
						267.532
						1.982.205
						133.766
						1.377.867

**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Chức vụ	SLCP cá nhân/đại diện số hữu	Trong toàn thời gian đương nhiệm vị trí trong HĐQT, BKS, và TGD	Trong thời gian được bổ nhiệm vào vị trí trong HĐQT, BKS, và TGD	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	
5	Lê Quang Trung	Phó TGD, GD Khối Nguồn vốn và Ngoại hối	274.727	-	274.727	06 tháng kể từ ngày 06 tháng tiếp theo (50% SLCP sở hữu) 274.727	
6	Đặng Thị Phương Diễm	GD Khối Dịch vụ Vận hành	279.361	-	279.361	139.680	
7	Hà Hoàng Dũng	GD Khối Quản trị Rủi ro	469.340	-	469.340	234.670	
8	Nguyễn Xuân Dũng	GD Khối Khách hàng Doanh nghiệp	328.764	-	328.764	164.382	
9	Nguyễn Thị Tuyết Hà	GD Chuyển đổi số	260.824	-	260.824	130.412	
10	Nguyễn Hoàng Hải	GD Khối Dịch vụ nội bộ	851	-	851	425	
11	Trần Thị Thu Hương	GD Khối Ngân hàng bán lẻ	7.229.980	-	7.229.980	3.614.990	
12	Hoàng Linh	GD Ban Dịch vụ Tài chính	132.925	-	132.925	66.462	
13	Trần Tuấn Minh	GD Ban Nhân sự	-	-	-	-	
14	Nguyễn Thanh Huy Võ	GD Mạng lưới chi nhánh	20.064	-	20.064	10.032	
<b>III. Ban kiểm soát</b>							
1	Nguyễn Thùy Linh	Trưởng ban	59.160	59.160	-	29.580	
2	Đào Quang Ngọc	Thành viên	13.765	13.765	-	6.882	
3	Nguyễn Lương Thị Bích Thủy	Thành viên	63.257	63.257	-	31.628	

**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Chức vụ	SLCP cá nhân/đại diện sở hữu	Trong toàn thời gian đương nhiệm vị trí trong HĐQT, BKS, và TGD	Trong thời gian được bổ nhiệm vào vị trí trong HĐQT, BKS, và TGD	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng
				Trong thời gian không còn đương nhiệm vị trí trong HĐQT, BKS, và TGD nhưng vẫn thuộc đối tượng người nội bộ	06 tháng kể từ ngày niêm yết (100% SLCP sở hữu)	06 tháng tiếp theo (50% SLCP sở hữu)
<b>IV. Kế toán trưởng</b>						
1	Phạm Thị Minh Huệ	Kế toán trưởng	28.282	-	28.282	14.141
<b>V. Cổ đông lớn liên quan đến người nội bộ</b>						
<b>Tổng cộng</b>			<b>113.828.965</b>	<b>97.816.169</b>	<b>16.012.796</b>	<b>113.828.965</b>
						<b>56.914.477</b>

(Nguồn: Theo Danh sách cổ đông của VIB do VSD cung cấp tại ngày 31/07/2020)



## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

### 5. XẾP HẠNG TÍN NHIỆM

- Về xếp hạng quốc tế, theo bảng xếp hạng tín nhiệm của Moody's, hiện VIB có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cơ sở b1, chỉ số đánh giá rủi ro đối tác lên mức Ba3, và xếp hạng tiền gửi dài hạn nội tệ và ngoại tệ của VIB lên mức b1, ở nhóm ngân hàng có thứ hạng tín nhiệm cao nhất trên thị trường.

### 6. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ

Giá niêm yết dự kiến được tính theo các phương pháp sau:

- Phương pháp 1: Phương pháp giá trị sổ sách;
- Phương pháp 2: Phương pháp bình quân giá đóng cửa của ít nhất hai mươi (20) phiên giao dịch gần nhất trên Sàn giao dịch chứng khoán Upcom.

**Phương pháp 1:** Định giá cổ phiếu theo phương pháp giá trị sổ sách.

Công thức tính như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Tài sản vô hình}}{\text{Tổng số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành}}$$

Bảng 49 - Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2018, 31/12/2019, 30/06/2020 của cổ phần VIB như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	10.667.645	13.429.644	15.215.596
Số lượng cổ phần	Cổ phần	783.467.284	924.491.395	924.491.395
Giá trị sổ sách 1 cổ phần	Đồng	13.616	14.527	16.458

(Nguồn: BCTC HN KT năm 2018, 2019 và BCTC SX HN 6 tháng năm 2020)

**Phương pháp 2:** Định giá cổ phiếu theo phương pháp bình quân giá đóng cửa của ít nhất hai mươi (20) phiên giao dịch gần nhất trên Sàn giao dịch chứng khoán Upcom.

### 7. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẪM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định của pháp luật tại Ngân hàng là 30%, được xác định tuân thủ theo Điều 7 Nghị định số 01/2014/NĐ-CP về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của TCTD Việt Nam, cụ thể như sau:

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cá nhân nước ngoài không được vượt quá 5% vốn điều lệ của VIB;
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài (không phải là nhà đầu tư chiến lược nước ngoài) không được vượt quá 15% vốn điều lệ của VIB;
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài không được vượt quá 20% vốn điều lệ của VIB;
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không được vượt quá 20% vốn điều lệ của VIB;
- Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ của VIB.

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

Tại thời điểm 06/01/2017, VIB đã thực hiện đăng ký tỷ lệ sở hữu Nhà đầu tư nước ngoài tại Ngân hàng với UBCKNN và TTLKCKVN là 20,5%.

### 8. CÁC LOẠI THUẾ

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Ngân hàng là 22% được áp dụng kể từ ngày 01/01/2014 và sẽ được áp dụng mức thuế 20% kể từ ngày 01/01/2016.

#### Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Ngân hàng phải chịu là 10%.

#### Thuế đối với nhà đầu tư cá nhân

Khoản mục	Nhà đầu tư trong nước	Nhà đầu tư nước ngoài
Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán	Áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.	Áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
Thu nhập từ cổ tức	Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.  Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế bao gồm thuế thu nhập từ đầu tư vốn và thuế thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.	

#### Thuế đối với nhà đầu tư tổ chức

Khoản mục	Nhà đầu tư trong nước	Nhà đầu tư nước ngoài
Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán	Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.	Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp, tổ chức nước ngoài được thành lập tại nước ngoài, không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

## BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

Khoản mục	Nhà đầu tư trong nước	Nhà đầu tư nước ngoài
Thu nhập từ cổ tức	Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.	

---



## CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

## **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**

### **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KPMG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 46, Tòa nhà Keangnam Landmark 72, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Điện thoại: (84-28) 3946 1600

Fax: (84-28) 3946 1601

Website: <https://kpmg.com.vn>

### **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lầu 20, Tòa nhà Bitexco, Số 2 Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3824 5252

Fax: (84-28) 3824 5252

Website: <https://www.ey.com>

## **TỔ CHỨC TƯ VẤN**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3941 0510

Fax: (84-24) 3941 0500

Website: <https://www.vndirect.com.vn>

# **PHỤ LỤC**



## **BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

---

- 1. PHỤ LỤC I. BẢN SAO HỢP LỆ GIẤY PHÉP KINH DOANH CHUYÊN NGÀNH (CÁC LẦN)**
- 2. PHỤ LỤC II. BẢN SAO HỢP LỆ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP (CÁC LẦN)**
- 3. PHỤ LỤC III. NQ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 THÔNG QUA VIỆC CHUYỂN SÀN NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**
- 4. PHỤ LỤC IV. NQ ĐHĐCĐ SỐ 004.GSM NGÀY 05.10.2020**
- 5. PHỤ LỤC V. ĐIỀU LỆ VIB**
- 6. PHỤ LỤC VI. QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**
- 7. PHỤ LỤC VII: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN RIÊNG, HỢP NHẤT NĂM 2018, 2019, 06 THÁNG NĂM 2020 KÈM GUQ KÝ BCTC CỦA ERNST & YOUNG (NĂM 2018, 2019) VÀ KPMG (06 THÁNG NĂM 2020)**
- 8. PHỤ LỤC VIII. GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHỨNG KHOÁN SỐ 186/2016/GCNCP-VSD-2 NGÀY 23.09.2019**

S.T  
DỊ  
KHO  
PH  
MI  
HỒ

**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

---

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 10 năm 2020

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

  
ĐANG KHẮC VỸ

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC

  
HÀN NGỌC VŨ

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

  
NGUYỄN THUY LINH

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

  
HOÀNG LINH

**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

---

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT**

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

*Handwritten signature in blue ink*



VU NAM HƯƠNG





99-  
HỒ GI  
HỨNG  
HÀN  
HỒ GI  
- TP